

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6692

Trang: 1/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 31 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	520K0003	Nguyễn Vạn An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520K0307	Phạm Thế Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520K0314	Trần Thanh Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520K0013	Trần Kim Đăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520K0023	Nguyễn Lê Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520K0250	Nguyễn Tường Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	519V0051	Nguyễn Ngọc Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	519V0042	Nguyễn Đình Khang Hy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520K0309	Trần Tam Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520K0043	Trần Tuấn Kiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520I0141	Bùi Lý Phước Luân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520K0255	Nguyễn Nhật Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	519V0052	Tạ Đình Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	520K0328	Lê Trần Trang Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520K0257	Nguyễn Hoàng Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520K0060	Võ Thành Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	520K0078	Nguyễn Thành Đức Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520K0265	Phạm Quang Tùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520K0091	Hồ Vĩnh Tường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	520K0337	Phạm Tuyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6692

Trang: 2/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 31 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	520K0267	Dương Quang Vũ			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6693

Trang: 1/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 31 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	520K0323	Trần Vũ Kỳ	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520K0108	Lê Minh	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520C0001	Vi Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520K0338	Đoàn Ngọc	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	520K0339	Trần Trung	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520K0340	Phạm Tấn	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520K0127	Đỗ Phạm Quang	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520K0341	Hồ Gia	Khiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	520K0140	Liêu Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520K0159	Trần Vĩ	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	520K0163	Hồ Trọng	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	520K0342	Cao Khánh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	520K0213	Hồ Quyết	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	520K0215	Nguyễn Công Minh	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	520K0302	Trần Tử	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	520K0343	Lê Phước	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	520K0220	Phạm Long Duy	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520K0332	Trịnh Bảo	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	520C0156	Lê Huỳnh Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	520K0231	Nguyễn Ngọc	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6693

Trang: 2/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 31 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	520K0232	Nguyễn Duy Tuân			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	520K0344	Phạm Vũ Phúc			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6694

Trang: 1/1

Phòng thi: A504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 33 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	019K0016	Lưu Phạm Quang	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720K0112	Đỗ Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720K0113	Hồ Ngọc Trúc	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	719V0131	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	719V0103	Đào Kiều	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	719V0132	Nguyễn Đỗ Kim	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720K0126	Trần Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720K0132	Lương Thị Xuân	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720K0745	Nguyễn Trần Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720K0748	Trần Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720K0750	Ngô Thị Phương	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720K0155	Lưu Vũ Phương	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720K0156	Huỳnh Ngọc Mai	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	719V0144	Nguyễn Thị Lễ Trí	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720K0165	Hồ Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720K0753	Lâm Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720K0757	Nguyễn Đình	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720K0761	Trần Khoáng	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720K0764	Vũ Xuân	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	719V0172	Trần Hồng Phi	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6695

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 33 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720V0030	Nguyễn Trọng	Bách		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720V0003	Hoàng Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720V0031	Hồ Vương	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720V0007	Hồ Sỹ Đan	Khuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720V0033	Nguyễn Phú	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720V0034	Phan Thị Tuyết	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720V0036	Nguyễn Lê Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720K0108	Vũ Văn Trí	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	719V0160	Phạm Hoàng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720K0738	Nguyễn Thái	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	719V0165	Lê Anh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720V0041	Hồ Thị Kim	Thỏa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	719V0169	Nguyễn Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720V0042	Nguyễn Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720K0159	Giang Hỷ	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720K0754	Hoàng Hiển	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720K0169	Tô Lê	Trực		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720K0763	Võ Thanh	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720K0173	Nguyễn Ngọc Bảo	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720V0013	Nguyễn Hồng Nhật	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6695

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:21

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 33 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720K0186	Trần Khánh Vy			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓽ ⓺	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6696

Trang: 1/1

Phòng thi: A507

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 34 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720K0806	Đỗ Minh Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720K0812	Nguyễn Thị Bích Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720K0876	Châu Nguyễn Hoài Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720K0265	Lê Trần Yên Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720K0881	Nguyễn Vân Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720K0281	Đỗ Thị Như Phụng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720K0560	Nguyễn Thẩm Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720K0286	Nguyễn Nhựt Quan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720K0288	Huỳnh Ngô Hữu Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	719V0048	Nguyễn Tân Phát Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720K0819	Nguyễn Quốc Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720K0932	Phan Tất Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720K0293	Lê Đức Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720K0295	Nguyễn Hoàng Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	719V0187	Đinh Đăng Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720K0826	Nguyễn Như Thùy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720K0317	Mai Nguyễn Thu Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	719V0189	Nguyễn Quang Trọng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720K0912	Nguyễn Ngọc Thảo Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720K0334	Tăng Xuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6697

Trang: 1/1

Phòng thi: A508

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 34 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720K0874	Võ Phương Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720K0533	Nguyễn Kim Ánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720K0882	Võ Hoàng Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720K0980	Lâm Thành Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720K0982	Nguyễn Trần Đông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720K0942	Phan Tú Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720K0889	Nguyễn Gia Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720K0943	Nguyễn Thành Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720K0591	Phan Minh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720K0592	Trần Thị Minh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720K0742	Nguyễn Phước Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720K0615	Đinh Thị Bảo Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720K0904	Trần Thị Ngọc Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720K0622	Vũ Nguyễn Bảo Trân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720K0908	Nguyễn Phan Thùy Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720K0629	Hồ Quang Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720K0633	Lữ Sơn Tùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B20K0117	Huỳnh Nguyễn Băng Tuyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720K0915	Nguyễn Thái Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720K0648	Nguyễn Đình Vũ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6698

Trang: 1/1

Phòng thi: A509

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:17

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 36 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020K0281	Nguyễn Lê Vân	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020K0065	Khổng Kim	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020K0220	Lê Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020K0072	Lâm Tiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020K0075	Huỳnh Hoa Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020K0226	Nguyễn Trần Hoàng	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020K0228	Lê Tiến	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020K0235	Trương Nguyễn Ngọc Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	719K0302	Nguyễn Hứa Thành	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020K0116	Nguyễn Song	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020K0285	Nguyễn Thành	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020K0141	Trang Cẩm	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020K0148	Lê Minh	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020K0156	Bùi Đức	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020K0259	Lê Quỳnh Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020K0272	Phạm Đào Anh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020K0267	Võ Chí	Viễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6699

Trang: 1/1

Phòng thi: A510

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:18

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 36 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020K0055	Nguyễn Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020K0280	Phan Huỳnh Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020K0223	Ngô Phạm Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020K0074	Lại Huỳnh Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020K0086	Nguyễn Hải Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020K0233	Nguyễn Quế My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020K0093	Trần Nguyễn Diệu My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020K0282	Hoàng Lê Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020K0115	Nguyễn Đăng Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020K0122	Hồ Ngọc Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020K0139	Nguyễn Thị Thanh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	620V0003	Văn Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020K0254	Lê Quang Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020K0258	Trần Ngọc Quỳnh Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020K0180	Nguyễn Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020K0266	Phan Nhật Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020K0186	Võ Hoàng Việt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020K0188	Phan Thị Trúc Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6619

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 107 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720K0003	Dương Đỗ Duy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	719V0146	Vũ Thị Thùy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720K0672	Nguyễn Ngọc Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720K0016	Trần Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720K0017	Võ Hồ Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720K0962	Nguyễn Hồng	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720K0679	Borlase	Aroha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720K0681	Nguyễn Huy	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	719V0076	Nguyễn Lê Thanh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720K0023	Trần Mỹ	Bửu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720K0690	Nguyễn Xuân	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720K0039	Trần Đặng Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720K0040	Lương Gia	Gia		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720K0693	Nguyễn Lê Khải	Gia		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720K0042	Nguyễn Ngọc	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	719V0125	Chùi Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720K0049	Châu Gia	Huệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720K0705	Trần Mạnh	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720K0922	Lưu Minh	Kan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720K0949	Trịnh Đắc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6619

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 107 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	719V0126	Trần Hồng	Ký		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720K0716	Nguyễn Diệu	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	720K0071	Mã Hữu	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	720K0923	Nguyễn Kim	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	720K0080	Nguyễn Nhựt	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	720K0953	Trần Nguyễn Ngọc	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	719V0158	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	720K0106	Trần Vũ Thu	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6628

Trang: 1/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H1240	Hồ Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720K0194	Nguyễn Ngọc Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720K0927	Phạm Ngọc Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720K0203	Hà Vũ	Chương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720K0784	Trần Triệu Khải	Di		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720K0208	Nguyễn Ngọc Doanh	Doanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720K0854	Huỳnh Nguyễn Hương	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720K0403	Bùi Ngô Mai	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720K0222	Huỳnh Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720K0964	Trần Ngọc	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720K0857	Đinh Quang	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720K0965	Đặng Nguyễn Xuân	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720K0229	Phan Minh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720K0230	Trần Lâm Nhật	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720K0791	Ngô Huỳnh Duy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720K0438	Nguyễn Phú	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720K0234	Trương Đặng Ngọc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	719V0137	Trần Gia	Khiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720K0792	Trần Gia	Khiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720K0446	Nguyễn Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6628

Trang: 2/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720K0465	Nguyễn Huỳnh Hữu Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720K0249	Nguyễn Ngọc Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	719V0033	Trương Quang Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6629

Trang: 1/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720K0973	Tăng Thị Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	220K0066	Dương Nguyễn Bích	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720V0062	Ngô Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720K0935	Tô Vũ Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720K0376	Nguyễn Thanh	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720K0848	Hoàng Dương Vĩnh	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720K0380	Huỳnh Thực	Đoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720K0853	Nguyễn Quốc	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720K0939	Lê Nguyễn Duy	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720K0940	Nguyễn Vương Công	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720K0456	Mộc Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720V0017	Nguyễn Trần Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720K0862	Trần Viết	Lạc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720K0477	Lê Hoàng	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720K0870	Lê Nguyễn Gia	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720K0484	Nguyễn Vũ	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720K0941	Lưu Mỹ	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720V0053	Trần Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720K0503	Nguyễn Trần Châu	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720K0872	Nguyễn Phạm Trung	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6629

Trang: 2/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 106 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720V0063	Cao Thị Khánh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720K0511	Huỳnh Kim Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	720V0058	Trần Thiên Phú	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	720V0027	Phan Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6630

Trang: 1/1

Phòng thi: A605

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:16

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 105 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420K0050	Huỳnh Tuấn	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	419V0019	Trương Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420K0063	Trương Trí	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420K0053	Đặng Công	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	620K0121	Lưu Ngọc Phương	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420K0017	Nguyễn Chí Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	620K0040	Phạm Linh	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420K0068	Nguyễn Bình	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420K0032	Lê Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	619V0011	Nguyễn Huỳnh Thanh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	620K0061	Mai Trần Minh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	620K0064	Trịnh Nhật	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	619V0014	Trần Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	419V0021	Trương Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420K0045	Đỗ Kim	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	620K0143	Bùi Phương	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6631

Trang: 1/1

Phòng thi: A607

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:17

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 105 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020K0005	Đặng Tú	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020K0006	Hùng Ngọc Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020K0008	Nguyễn Hữu Bảo	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020K0198	Nguyễn Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020K0199	Nguyễn Thị Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020K0017	Nguyễn Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020K0202	Doãn Xuân Hòa	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020K0021	Võ Thị Ngọc	Chân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020K0024	Trần Niên	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020K0203	Nguyễn Ngọc Linh	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020K0029	Nguyễn Hoàng	Đặng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020K0037	Đặng Thái	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020K0042	Trần Minh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020K0278	Lý Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020K0052	Nguyễn Đoàn Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	620K0025	Nguyễn Thành	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420V0001	Nguyễn Trần Tuấn	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6700

Trang: 1/2

Phòng thi: B201

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 08 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42001124	Trần Quốc Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001136	Lại Hữu Thực Danh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001138	Nguyễn Đức Danh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001143	Trần Văn Bá Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001145	Nguyễn Văn Du			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001151	Phan Quang Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42001152	Hứa Sâm Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001153	Phạm Văn Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001156	Hoa Ví Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001157	Nguyễn Sông Hậu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001159	Trần Trọng Hiển			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001160	Lê Trung Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001164	Võ Văn Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001169	Nguyễn Gia Huân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001173	Hoàng Văn Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001188	Viên Bảo Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001198	Tăng Hoàng Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001207	Nguyễn Công Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001208	Nguyễn Nhật Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001094	Nguyễn Minh Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6700

Trang: 2/2

Phòng thi: B201

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 08 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001096	Nguyễn Đức	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001097	Nguyễn Tuyết	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001111	Huỳnh Trí	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001113	Nguyễn Viết	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6701

Trang: 1/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 08 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42001298	Lê Đức	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000024	Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001316	Lê Minh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001319	Lê Thế Khánh	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001320	Nguyễn Trọng	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001321	Đào Tấn	Hữu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42001326	Trần Bảo	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001196	Vi Ngai Koh	Kong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001200	Từ Quốc	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001335	Võ Công	Lực		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001337	Lê Đoàn Phương	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001227	Lê Phúc	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001352	Trần Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001353	Trần Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000273	Lê Đỗ Thanh	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001242	Hồ Văn	Sĩ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001359	Hồ Đăng Phường	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001369	Huỳnh Văn	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001266	Nguyễn Kế	Tính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001376	Huỳnh Tín	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6701

Trang: 2/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 08 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001271	Phan Khải	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001377	Trần Xuân	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001272	Nguyễn Hữu	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001274	Nguyễn Văn	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001378	Nguyễn Viết	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001281	Vũ Đình	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6702

Trang: 1/2

Phòng thi: B205

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 08 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000863	Dương Lê Bảo	Chung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000869	Nguyễn Hiển	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001002	Nguyễn Văn	Doanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000537	Vương Trần Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001008	Nguyễn Thanh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000880	Lại Thị Tuyết	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000887	Mai Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000890	Nguyễn Công	Hoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000896	Huỳnh Duy	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000375	Nguyễn Minh	Hữu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000909	Lương Minh	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001042	Nguyễn Văn Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42000823	Phan Lê Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42000083	Lữ Hà Gia	Lĩnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000566	Nguyễn Phạm Tân	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42000930	Nguyễn Đình	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001062	Vũ Quốc	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001064	Nguyễn Hữu	Nhơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000703	Hồ Nhuận	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42000661	Nguyễn Tân	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6702

Trang: 2/2

Phòng thi: B205

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 08 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000830	Dương Tấn Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001371	Nguyễn Hoàng Thông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000609	Nguyễn Kiều Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001372	Nguyễn Ngọc Nam	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42000718	Nguyễn Công Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42000619	Huỳnh Minh Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42000512	Ngô Đại Vĩ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....		1/ .....		.....	.....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6703

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42001120	Trần Đức	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001121	Hoàng Việt	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001122	Hồ Khánh	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001131	Đồng Anh	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001137	Lâm Ngọc	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001139	Lê Công Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000872	Lương Trung	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001147	Vũ Hải	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000879	Trần Văn Anh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001166	Mai Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001167	Nguyễn Nhật	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000893	Mai Trần Phi	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001174	Ngô Trường	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001178	Phan Nguyễn	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000910	Nguyễn Ngọc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42000915	Nguyễn Trung	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001222	Lê Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001224	Võ Lê Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001233	Trần Văn	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42000940	Hoàng Văn	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6703

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001239	Bùi Minh Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000953	Lê Minh Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000831	Trần Minh Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001249	Lê Văn Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42000957	Đỗ Ngọc Thạch			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001085	Nguyễn Hoàng Kỳ Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6704

Trang: 1/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42001297	Dương Quốc Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000992	Trần Châu Cẩm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001306	Hồ Nguyễn Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001001	Nguyễn Tất Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001317	Nguyễn Minh Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001023	Hồ Thái Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000054	Huỳnh Việt Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001032	Trần Mạnh Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000918	Võ Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000233	Huỳnh Hoàng Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000237	Nguyễn Bá Luân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000096	Lê Khắc Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42000955	Võ Tân Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001362	Nguyễn Trương Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000960	Lâm Vĩnh Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001364	Nguyễn Khắc Huy Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42000285	Đinh Phước Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001374	Nguyễn Cao Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000969	Phan Thành Trọng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001278	Lê Hoàng Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6704

Trang: 2/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000978	Nguyễn Vũ Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001280	Phạm Minh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001283	Tiền Tài Tường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001286	Dương Chấn Việt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6705

Trang: 1/2

Phòng thi: B303

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000847	Nguyễn Hoàng An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000859	Trần Trương Duy Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000343	Lê Âu Anh Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001310	Trần Đình Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000683	Lê Hoài Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000359	Trương Nhật Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42001327	Trương Gia Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000384	Huỳnh Quốc Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000394	Nguyễn Minh Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001043	Nguyễn Huỳnh Khánh Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000694	Nguyễn Tân Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000412	Võ Ngọc Minh Luân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42000571	Trần Lê Nhật Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001343	Trịnh Đình Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000446	Thiêm Huỳnh Tiến Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42000705	Nguyễn Anh Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001073	Đặng Phú Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000588	Lê Minh Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001075	Phan Việt Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42000460	Nguyễn Văn Sĩ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6705

Trang: 2/2

Phòng thi: B303

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 12 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001078	Lê Nhật	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001361	Nguyễn Phạm Minh	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001367	Võ Xuân	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000479	Lý Tân	Thoại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42000716	Phạm Ngọc	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001375	Phạm Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42000782	Trần Thiên	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	42001381	Bùi Văn	Trưởng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6706

Trang: 1/2

Phòng thi: B305

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42001119	Nguyễn Việt Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000725	Trần Trí Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001144	Đỗ Đồng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001146	Bùi Việt Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001155	Trương Ngọc Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000361	Nguyễn Đức Hậu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000740	Nguyễn Ngọc Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001170	Hồ Mạnh Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001187	Phạm Võ Quốc Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001191	Nguyễn Đinh Đăng Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001194	Hà Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001195	Lê Huỳnh Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001197	Phạm Hoàng Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42000401	Nguyễn Thành Lan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000407	Châu Minh Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001199	Đoàn Tân Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001209	Trần Quang Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001210	Xanh Hon Mừng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001212	Lê Quốc Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42000461	Trần Thanh Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: ..... Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: ..... Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6706

Trang: 2/2

Phòng thi: B305

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001084	Nguyễn Tiến Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000493	Trương Nguyễn Bảo Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001099	Nguyễn Lê Minh Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001100	Nguyễn Anh Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42000508	Huỳnh Cát Tường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42000521	Huỳnh Thị Trúc Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trưởng Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6707

Trang: 1/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000324	Nguyễn Ngọc Thuận	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000327	Huỳnh Nam	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000007	Phạm Nhật	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000178	Lê Phương	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000013	Nguyễn Quốc	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000336	Nguyễn Thanh	Đặng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000356	Phạm Hồng	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000239	Khưu Minh	Mẩn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001213	Nguyễn Nhật	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001217	Nguyễn Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000254	Nguyễn Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001220	Nguyễn Trí	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001223	Nguyễn Trần Ngọc	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001236	Cao Đức	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001241	Lê Thành	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001256	Nguyễn Phước	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42000133	Trần Lâm Thế	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000136	Trần Đức	Thọ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001262	Nguyễn Duy	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001263	Phạm Hoàng	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6707

Trang: 2/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001265	Huỳnh Trung	Tính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000302	Phan Ngọc Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001275	Trần Ngọc	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001279	Nguyễn Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42000308	Nguyễn Thế	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001287	Nguyễn Nhật	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6708

Trang: 1/2

Phòng thi: B311

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000985	Hà Quốc An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000852	Nguyễn Hoàng Trâm Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000996	Đặng Nguyễn Thanh Danh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001000	Nguyễn Huỳnh Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000870	Nguyễn Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001012	Nguyễn Trần Phú Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000897	Bùi Hồ Đình Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001029	Nguyễn Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000901	Nguyễn Thành Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000746	Phạm Quốc Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000903	Nguyễn Phước Huynh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000912	Trương Trọng Khiêm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42000691	Huỳnh Anh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001036	Nguyễn Đăng Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001039	Cao Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001041	Dương Tân Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001044	Nguyễn Quốc Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001053	Đàm Khánh Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001232	Nguyễn Hoàng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42000942	Trần Nhựt Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6708

Trang: 2/2

Phòng thi: B311

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 13 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000945	Nguyễn Lê Tuấn	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001252	Lê Tuấn	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000963	Trần Hoàng	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000715	Nguyễn Nhật	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42000967	Nguyễn Đăng	Tình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42000981	Lê Chí	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42000982	Ngô Thiên	Vĩnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6709

Trang: 1/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42001296	Đậu Văn Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001305	Đặng Đức Chính			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001307	Nguyễn Tiến Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001308	Hà Trí Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001313	Lưu Thế Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001315	Hồ Trần Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42001322	Huỳnh Quốc Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000381	Nguyễn An Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001330	Phan Quang Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001331	Nguyễn Phương Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001342	Trương Thiện Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001346	Trần Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001350	Trương Minh Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001356	Lâm Tuấn Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001244	Nguyễn Văn Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001363	Chung Tước Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001253	Nguyễn Danh Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001365	Nguyễn Nhật Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001366	Phạm Trung Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001260	Huỳnh Tấn Minh Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6709

Trang: 2/2

Phòng thi: B403

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001268	Hoàng Nam Tâm	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001379	Nguyễn Xuân	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001383	Nguyễn Minh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001385	Trần Anh Đạt	Văn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001285	Trần Văn	Viên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001288	Nguyễn Thế	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trưởng Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6710

Trang: 1/2

Phòng thi: B404

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000850	Trịnh Quốc Ân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000792	Lưu Chí Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000796	Nguyễn Châu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000732	Nguyễn Đình Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000798	Nguyễn Anh Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000895	Bùi Tân Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000808	Hà Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000811	Nguyễn Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000554	Huỳnh Đình Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000819	Trần Đăng Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000821	Nguyễn Minh Khương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000651	Nguyễn Hùng Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42000758	Thạch Trần Bình Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42000932	Vũ Trọng Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000761	Nguyễn Thị Huỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42000763	Nguyễn Hoàng Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42000829	Mai Đức Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000707	Bùi Tân Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000712	Lại Văn Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42000605	Võ Lê Phúc Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6710

Trang: 2/2

Phòng thi: B404

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000482	Huỳnh Ngọc Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000834	Nguyễn Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000497	Ngô Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000839	Nguyễn Văn	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42000722	Châu Hồ Hiển	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42000625	Ong Bảo	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6711

Trang: 1/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000988	Nguyễn Thế Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001129	Hoàng Hữu Chung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000997	Trần Công Danh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001140	Nguyễn Nho Thanh Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001006	Nguyễn Tiến Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001150	Phạm Nguyễn Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42001163	Trương Mạnh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001171	Quách Kim Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001175	Nguyễn Đinh Phương Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001176	Nguyễn Minh Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001030	Nguyễn Quốc Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001189	Nguyễn Bảo Khiêm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001046	Võ Đinh Hoàng Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001201	Nguyễn Bảo Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001205	Nguyễn Đức Mạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001206	Đinh Sỹ Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001061	Nguyễn Trương Khôi Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000251	Trần Thanh Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001229	Phạm Khánh Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001072	Trịnh Trọng Minh Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: .....	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: .....
				Chữ ký: .....	Chữ ký: .....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6711

Trang: 2/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 14 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000117	Cao Nguyễn Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001245	Nguyễn Văn Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001248	Lê Nguyễn Minh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001080	Nguyễn Đức Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42000284	Phạm Trần Minh Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001093	Ngô Trần Minh Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42000970	Huỳnh Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6712

Trang: 1/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 15 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000325	Tăng Duy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000005	Bùi Phước	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000864	Nguyễn Chí	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000681	Lê Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000640	Hồ Hữu	Đồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000883	Nguyễn Đoàn	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42001161	Nguyễn Trọng	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41900803	Nguyễn Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001177	Nguyễn Tân Anh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000649	Huỳnh Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000916	Nguyễn Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000920	Nguyễn Hữu	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42000652	Nguyễn Hữu Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001240	Lại Khánh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001243	Nguyễn Đoàn Quốc	Sỉ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001388	Pheap	Sophan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42000709	Nguyễn Tiến Phát	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001257	Trần Phúc	Thọ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001088	Hoàng Trần Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001261	Bạch Hữu	Thường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6712

Trang: 2/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 15 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000714	Nguyễn Mạnh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001273	Trần	Troy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000157	Trương Minh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001105	Đỗ Văn	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001389	Heal	Tuon		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6713

Trang: 1/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 15 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000848	Nguyễn Văn An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000987	Đỗ Hoàng Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000989	Trần Duy Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000854	Vũ Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000857	Phương Hoài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41800809	Trần Đình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000874	Đặng Đình Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001010	Tô Văn Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000886	Lê Trọng Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001020	Nguyễn Ngọc Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001021	Trần Huy Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000904	Nguyễn Đăng Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001052	Trần Thị Xuân Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001054	Lưu Ngọc Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001056	Lê Anh Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001060	Lê Quốc Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42000934	Trương Duy Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41800396	Trịnh Tân Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000941	Nguyễn Hoàng Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001074	Đỗ Minh Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6713

Trang: 2/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 15 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000943	Lê Quan	Quí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000948	Nguyễn Hoàng	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000954	Phạm Đức	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001082	Hồ Văn	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001083	Lê Phước	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42000983	Đặng Thanh	Vương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6714

Trang: 1/2

Phòng thi: B506-A

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:34

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42001294	Nguyễn Vĩnh An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001295	Lê Hoàng Ân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001117	Nguyễn Quốc Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001301	Hàn Gia Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000184	Lê Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000198	Bùi Thanh Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000041	Nguyễn Phúc Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000205	Hoàng Phạm Đức Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001168	Bùi Đức Huân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000075	Phan Duy Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001190	Đặng Trần Đăng Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001193	Dương Văn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001332	Phạm Vũ Hoàng Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001202	Trần Công Luyện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001203	Bùi Minh Mẫn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001336	Đỗ Hoài Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42000103	Trương Thị Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001226	Huỳnh Thiên Pháp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001348	Hà Đức Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001234	Đoàn Minh Phụng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6714

Trang: 2/2

Phòng thi: B506-A

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:34

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001237	Hoàng Minh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000120	Trần Văn	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001254	Vũ Trọng	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001370	Bùi Phú	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001259	Đỗ Xuân	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42000150	Lâm Hải	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42001101	Huỳnh Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	42001276	Lê Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	42000160	Nguyễn Ngọc Thanh	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	42001386	Dương Kiến	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	42000163	Lê Hậu	Vĩnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	42001387	Nguyễn Văn Hoàn	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	42001291	Phạm Thế	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	42001293	Phan Thái	Vương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6715

Trang: 1/2

Phòng thi: C208

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000846	Huỳnh Bảo An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000855	Lê Chí Tôn Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000861	Nguyễn Bảo Châu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000866	Nguyễn Hải Đăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000867	Nguyễn Nhựt Đăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000637	Nguyễn Chí Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000871	Trịnh Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001007	Nguyễn Văn Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000885	Nguyễn Nhật Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000888	Nguyễn Minh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001018	Lê Trọng Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001024	Trần Bùi Quốc Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42000898	Lê Nguyễn Quốc Xuân Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42000900	Nguyễn Sơn Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000906	Đoàn Huỳnh Phi Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42000913	Trịnh Minh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001048	Cát Tẩn Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001049	Đàm Hoàng Hải Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001050	Nguyễn Huy Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42000921	Quảng Trí Lương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6715

Trang: 2/2

Phòng thi: C208

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:32

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 16 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000927	Trần Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000702	Phan Thị Minh Nguyệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001068	Phạm Nguyễn Hoàng Gia Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000115	Lương Minh Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	41302379	Nguyễn Vũ Thiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42000135	Nguyễn Đỗ Trường Thọ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42000672	Trương Thanh Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	42000142	Nguyễn Quốc Tịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	42000840	Phan Ngọc Trọng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	42000976	Lê Anh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	42000843	Lý Minh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	42000977	Nguyễn Thái Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6716

Trang: 1/2

Phòng thi: C210

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:35

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000991	Trương Công An	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41601019	Huỳnh Hữu	Chương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000999	Nguyễn Cao Phát	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000641	Trần Hành	DŨ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000642	Trần Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000881	Lê Ngọc	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000884	Nguyễn Hữu Anh	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001014	Trần Trung	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000644	Nguyễn Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000370	Phạm Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000647	Nguyễn Đình	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001025	Vương Đình	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001027	Dương Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42000899	Nguyễn Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000382	Nguyễn Duy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001033	Lương Hoàng	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42000917	Trần Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000420	Đinh Quang	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000697	Nguyễn Hoàng	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42000755	Nguyễn Thành	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6716

Trang: 2/2

Phòng thi: C210

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:35

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000928	Phạm Thái Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000655	Trần Lê Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000939	Bùi Việt Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001247	Đoàn Kim Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001251	Trần Hoàng Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42000961	Nguyễn Đức Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42000962	Lê Quốc Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	42001258	Thạch Anh Thoại			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	42000965	Trần Chí Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	42001267	Võ Minh Trà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	42000971	Phùng Thanh Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	42000972	Đặng Kỳ Anh Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	42001282	Trần Khánh Tùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	42001284	Nguyễn Văn Tỷ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	42000513	Lê Hồng Việt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....		.....	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6717

Trang: 1/2

Phòng thi: C301

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:34

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42001115	Cao Quyền	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001123	Lý Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001127	Trần Xuân	Chiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001130	Huỳnh Thành	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001133	Trần Chí	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001135	Đặng Bá	Đang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42001141	Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001142	Trần Tân	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000195	Quách Văn Nhựt	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001154	Trần Văn	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001162	Nguyễn Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001165	Đoàn Duy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001019	Lưu Văn	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001172	Bùi Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001179	Võ Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001180	Vũ Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001181	Nguyễn	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001183	Phạm Hoàng Thái	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001185	Huỳnh Phan Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001186	Nguyễn Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6717

Trang: 2/2

Phòng thi: C301

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:34

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 17 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001035	Huỳnh Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000077	Trần Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	41901107	Quách Bảo	Lân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001214	Nguyễn Vũ Đại	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001215	Đoàn Đại	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001218	Lê Hoài	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42001219	Lê Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	42001246	Dương Văn	Song		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	42001081	Võ Văn Vàng	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	42000286	Phù Trung	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	42000287	Đào Phước	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	42001087	Mai Phước	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	42001106	Hồ Thanh	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	42001112	Nguyễn Hữu	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6718

Trang: 1/2

Phòng thi: C401

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000026	Phạm Tiến Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000030	Nguyễn Minh Định			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001148	Nguyễn An Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001158	Thái Vinh Hiển			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000902	Trương Đình Nhật Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000905	Phạm Thanh Khải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000907	Nguyễn Nhật Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000076	Đoàn Minh Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000227	Lâm Quang Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000084	Lê Bảo Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000924	Vũ Tuấn Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000258	Nguyễn Quang Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42000260	Trần Thị Huỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001225	Nguyễn Văn Phai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000946	Phan Đình Quốc Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42000276	Đào Hoàng Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42000951	Cao Đức Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001255	Đặng Hoàng Thịịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001089	Nguyễn Ngọc Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001091	Trần Thị Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6718

Trang: 2/2

Phòng thi: C401

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001095	Trần Cảnh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001270	Trương Thanh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001098	Doãn Văn	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001103	Nguyễn Trọng	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001104	Phạm Quốc	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001108	Huỳnh Quốc	Tưởng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42000315	Bùi Hoàng	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6719

Trang: 1/2

Phòng thi: C407

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42001300	Nguyễn Huy Thảo	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000330	Ngô Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001303	Nguyễn Trần Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000342	Phan Nguyễn Thiên	Định		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001311	Đỗ Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000353	Trần Lê Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000366	Lê Trí	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001318	Phan Văn	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000373	Đinh Chí	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001324	Nguyễn Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000377	Phạm Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001325	Trần Quốc	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001328	Trịnh Hồng	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001329	Lư Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001333	Nguyễn Ngọc	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001334	Phạm Thành	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42000414	Phạm Mỹ	Lynn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000443	Nguyễn Tố	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000933	Nguyễn Văn Bảo	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42000108	Hồ Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6719

Trang: 2/2

Phòng thi: C407

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001354	Bùi Minh Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000472	Nguyễn Hoàng Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000476	Phạm Văn Chí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001382	Đào Nguyễn Anh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001277	Lê Duy Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001384	Trần Nguyễn Sơn Tùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42001289	Bùi Hải Vũ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6720

Trang: 1/2

Phòng thi: C408

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000724	Nguyễn Mai Xuân	Bách		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000860	Vũ Khắc	Biển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000990	Nguyễn Trần Nhật	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000862	Bùi Nguyên	Chính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000993	Võ Thành	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41900356	Ngô Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42001005	Huỳnh Văn	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001013	Trần Vĩnh	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001017	Kim Mỹ	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001026	Đặng Thị	Hường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001028	Dương Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000551	Nguyễn Trần Anh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001045	Trần Thị Ngọc	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001051	Nguyễn Hải	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000696	Nguyễn Thị Thảo	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001058	Nguyễn Lê Tuấn	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001059	Bùi Hữu	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001063	Nguyễn Đan	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001065	Phạm Ngọc	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001067	Ngô Đoàn Vĩnh	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6720

Trang: 2/2

Phòng thi: C408

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Toán 1E2 (C01130 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 18 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000765	Phạm Hoàng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42000949	Nguyễn Thanh Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000600	Trịnh Đức Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000669	Trương Lâm Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42000979	Hồ Vĩ Tùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42000984	Thái Thanh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6601

Trang: 1/1

Phòng thi: E0301

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Nghe 2 (001121 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 10 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000696	Trương Tiểu	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000705	Phan Hứa Kiều	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000706	Trần Nguyễn Ngọc	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000735	Huỳnh Nhật	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000775	Hoàng Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000791	Đàm Thị Phương	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000792	Nguyễn Bảo Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000801	Đỗ Anh	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000808	Trần Mỹ	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000809	Võ Thanh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000810	Nguyễn Quốc	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000201	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000820	Lê Ngọc Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000827	Dương Thị Hà	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000832	Đào Thị Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000246	Nguyễn Quỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000248	Trần Thị Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000262	Thái Ngọc Nhã	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000848	Lê Thị Cẩm	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000850	Trần Thảo	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6600

Trang: 1/1

Phòng thi: E0302

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Nghe 2 (001121 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 10 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000690	Đỗ Thu An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000008	Phùng Thị Quỳnh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000009	Trịnh Thị Minh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000697	Nguyễn Nhật Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000020	Phan Thị Hồng Cẩm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000731	Kỷ Thị Minh Hòa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000734	Trần Thị Xuân Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000059	Huỳnh Thị Ngọc Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000061	Nguyễn Thị Thúy Huỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000742	Nguyễn Nhựt Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000109	Trần Thị Diễm My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000122	Phan Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000125	Vạn Gia Nghi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000130	Lê Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000138	Võ Thái Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000143	Nguyễn Phan Thảo Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000163	Phan Thị Yến Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000200	Nguyễn Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000206	Đỗ Kim Thoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000849	Trương Nhã Văn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6599

Trang: 1/1

Phòng thi: E0303

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:16

Lần:1

Môn học: Nghe 2 (001121 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 09 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000695	Trần Hà Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01701560	Phạm Thị Bích Cẩm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000700	Trương Phan Bảo Châu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000717	Đỗ Thị Ngọc Giao			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01701229	Trịnh Thị Ngọc Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000721	Trần Thị Kim Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000740	Lê Đạt Minh Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000509	Nguyễn Văn Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000749	Võ Thành Lê			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000520	Dương Thanh Anh Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000521	Phạm Hà My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000768	Nguyễn Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01701668	Võ Thị Thúy Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000843	Mai Thanh Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000847	Đỗ Thị Khánh Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01900573	Nguyễn Như Ý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6597

Trang: 1/1

Phòng thi: E0306

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Nghe 2 (001121 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 08 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000724	Đỗ Anh	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000741	Mạch Hoàng	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000747	Trần Nguyên	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000753	Nguyễn Thị Nhã	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000757	Phong Quang	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000764	Nguyễn Trần Hà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000765	Trần Hoàn	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000776	Nguyễn Ánh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000777	Phạm Thị Yến	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000779	Phạm Thanh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000782	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000785	Nguyễn Hồng Thiên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000787	Nguyễn Diệp Bảo	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000790	Ngô Lê Hoài	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000798	Lê Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000800	Trần Hoàng	Quí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000802	Lê Thị Mỹ	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000823	Nguyễn Hồ Xuân	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000833	Lại Thị Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000855	Huỳnh Anh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6598

Trang: 1/1

Phòng thi: E0309

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:16

Lần:1

Môn học: Nghe 2 (001121 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 09 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000692	Bùi Ngọc Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000713	Nguyễn Văn	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000722	Đoàn Thị Diệu	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000727	Phạm Quốc	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000739	Phạm Thị Thanh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000745	Đoàn Hiếu	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000769	Nguyễn Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000774	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000778	Biện Huỳnh Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000783	Thái Thị	Nhàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000788	Nguyễn Trần Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000796	Phùng Ngọc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000797	Trần Diễm	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000799	Trần Nguyễn Minh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000830	Trần Thái	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000860	Trần Hoàng Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6595

Trang: 1/1

Phòng thi: E0313

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Nghe 2 (001121 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000704	Võ Thị Anh	Đào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01800790	Nguyễn Thị Cẩm	Đoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000709	Nguyễn Thị Thục	Đoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000712	Nguyễn Thành	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000736	Nguyễn Lê	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000744	Trần Gia	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000761	Nguyễn Huệ	Mẩn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000784	Phạm Trần Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000794	Lưu Mỹ	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000804	Phạm Tố	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000813	Đỗ Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000817	Giang Trung	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000819	Huỳnh Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000821	Nguyễn Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000834	Lê Quỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000839	Nguyễn Thị Tú	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01800306	Trương Thị Kim	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000852	Cao Ngọc Phương	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000861	Vũ Trương Yến	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6596

Trang: 1/1

Phòng thi: E0314

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:20

Lần:1

Môn học: Nghe 2 (001121 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 08 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000693	Nguyễn Thị Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000694	Trần Đông	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000013	Trang Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000702	Phạm Linh	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000711	Nguyễn Thùy	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000508	Hồ Hoài	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000755	Tôn Yến	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000759	Văn Thị Huyền	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000527	Lâm Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000150	Nguyễn Phạm Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000177	Đào Tú	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000187	Nguyễn Thành	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000212	Ngô Nguyễn Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000213	Nguyễn Thùy Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000230	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000232	Nguyễn Thị Bảo	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000238	Lê Thị Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000266	Nguyễn Huỳnh Khánh	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000273	Khưu Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000276	Nguyễn Thị Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6594

Trang: 1/1

Phòng thi: E0401

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 7:30

SL:19

Lần:1

Môn học: Nghe 2 (001121 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000490	Trần Nhân	Ái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000012	Lê Nguyễn Hồng	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000036	Phạm Lê Minh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000715	Nguyễn Trà	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000719	Hoàng Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000505	Đặng Hữu Nhật	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000083	Bùi Thị Kim	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000093	Nguyễn Đan Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000095	Nguyễn Huỳnh Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000117	Hồ Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000120	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000124	Lôi Tú	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000157	Đoàn Thị Yến	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000532	Đinh Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02001007	Thon	Seryratha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	11900467	Leang	Sopheakk		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000190	Phạm Minh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000191	Huỳnh Tôn	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000198	Lưu Lê Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6690

Trang: 1/1

Phòng thi: A502

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:19

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 132 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0315	Trần Thái Đức	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H1046	Phạm Trang	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	120H0028	Đặng Thị Hồng	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	520H0225	Trần Huỳnh Duy	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1067	Trần Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0346	Trần Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	520H0463	Nguyễn Hoàng	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	519V0043	Nguyễn Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1075	Nguyễn Hoàng Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	520H0472	Cao Đức	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1315	Nguyễn Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0081	Trần Ngọc Bảo	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H0988	Võ Bích	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	520H0150	Phạm Hoàng	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	120H0023	Lê Nguyễn Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	519H0238	Nguyễn Quốc	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	019H0256	Lê Ngọc Hồng Cẩm	Tuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0198	Lục Tấn	Vương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	120H0050	Phạm Cát Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6691

Trang: 1/1

Phòng thi: A503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:19

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 132 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H1515	Lê Ngọc Đức	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B20H0022	Trần Nhật Uyển	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H1447	Đỗ Nguyễn Kỳ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H1461	Đặng Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H0110	Nguyễn Huỳnh Gia	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0308	Trần Thị Ánh	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1483	Bùi Lê	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0266	Trần Tô Đức	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B19H0283	Võ Thành	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H0153	Nguyễn Thị Kiều	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0134	Võ Trần	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1493	Phạm Thị Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1494	Nguyễn Hữu	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0279	Mã Hồng	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H0818	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H1620	Trần Thị Cẩm	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H0434	Trần Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H1506	Võ Thị Tuyết	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H1639	Lý Thị Hồng	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6661

Trang: 1/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 121 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0220	Lê Đình	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0325	Nguyễn Vũ Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0223	Nguyễn Quang	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0138	Nguyễn Ngọc Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0225	Lê Hoàng	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0228	Huỳnh Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0160	Nguyễn Ngọc Lan	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0259	Nguyễn Trần Anh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0170	Nguyễn Hồng	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0364	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0064	Đoàn Nguyễn Khôi	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	220H0089	Lê Ngọc Vân	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0375	Nguyễn Ngọc Ái	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0396	Nguyễn Tuyết	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0271	Nguyễn Hoàng	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	519V0054	Lê Hữu	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0274	Trà Trí	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0278	Ngô Đức	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0406	Phan Thị Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0417	Phạm Ngọc Thiên	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6661

Trang: 2/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 121 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0292	Trương Tuấn Vũ			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6662

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 121 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0270	Trần Nguyễn Thị Hồng	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0275	Nguyễn Vũ	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0016	Đỗ Tân	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0327	Huỳnh Tân	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1166	Phùng Dương Ngọc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0223	Trần Thị Hương	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H0310	Phạm Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H1070	Trần Thị Mỹ	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1456	Trịnh Khánh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0357	Phan Vũ Hiếu	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0301	Huỳnh Thị Kim	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1467	Hoàng Khánh	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1560	Nguyễn Hữu	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0311	Ngô Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0328	Khưu Kim	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0128	Huỳnh Nhật	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0342	Lương Thị Ngọc	Thẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0144	Trần Dương Trí	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0412	Trần Ngọc Song	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0419	Cao Ngọc Hồng	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6662

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 121 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0171	Đỗ Chí Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	320H0378	Lê Nguyễn Trúc Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0313	Lê Thị Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6663

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 122 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0302	Võ Khánh	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0055	Lâm Mai Hồ Nhựt	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0045	Văn Thiện	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0243	Lê Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0306	Nguyễn Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0191	Nguyễn Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0307	Lê Hoàng	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0308	Nguyễn Hữu	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0309	Triệu	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0141	Thái Khả	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1195	Vũ Thị Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	220H0409	Lê Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1111	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0208	Nguyễn Hoàng Giang Đại	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0209	Bùi Nhật	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H1206	Lê Thị Thảo	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0210	Nguyễn Hoàng	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0319	Phạm Ngọc Trường	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	220H0457	Vũ Lê Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H0626	Nguyễn Lý Yến	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: .....	Họ tên: .....
Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6663

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 122 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0216	Bùi Hoàng Ngọc	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	420H0144	Dương Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	420H0182	Võ Văn	Vẹn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	220H0297	Ngô Hoàng Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6664

Trang: 1/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 122 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0318	Lê Nguyễn Nguyệt	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0204	Nguyễn Lâm Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H0286	Lê Ngọc Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H0298	Nguyễn Vũ Hoàng	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0281	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0161	Nguyễn Thị Thu	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0351	Huỳnh Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H1544	Nguyễn Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0355	Đặng Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H1463	Nguyễn Thị Ánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0359	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0364	Trần Văn	Luận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000396	Đặng Thị Cẩm	Mây		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H0366	Lê Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H1574	Diệp Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0387	Phạm Thị Tuyết	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0324	Huỳnh Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0391	Đỗ Lê Vân	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0393	Nguyễn Hoàng	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0351	Phạm Ngọc Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6664

Trang: 2/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 122 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0416	Trần Thị Trúc	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H1614	Nguyễn Tân	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0169	Lê Đỗ Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	420H0321	Nguyễn Thái Sơn	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6666

Trang: 1/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 123 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0210	Trần Thị Hoài	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0011	Nguyễn Như	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0015	Đinh Huỳnh Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0324	Nguyễn Thị Hoàng	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0033	Trần Lê	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0034	Lê Đăng	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1531	Phạm Thị Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0236	Phan Hoàng Mỹ	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B19H0202	Nguyễn Hoàng Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H0914	Lưu Nguyễn Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1186	Lý Thục	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0098	Nguyễn Huỳnh Diễm	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0383	Nguyễn Thị Thúy	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0384	Võ Đặng Khánh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H1588	Huỳnh Ngọc	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0127	Trần Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0141	Huỳnh Thanh	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0405	Bùi Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H0603	Mai Hiền	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B19H0335	Nguyễn Kiều Nguyệt	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6666

Trang: 2/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 123 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0425	Lê Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020H0196	Lê Thị Khánh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020H0199	Nguyễn Ngọc Thảo Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6667

Trang: 1/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 124 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0319	Lê Nguyễn Duy	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0232	Đào Trung	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0334	Nguyễn Ngọc Duy	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0037	Lưu Nguyễn Hoàng	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0152	Nguyễn Thanh	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0249	Võ Hoàng	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0253	Lê Thị Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	120H0008	Trần Ngọc Thiết	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0067	Trần Võ Hạnh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0116	Võ Mai Hoàng	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0072	Huỳnh Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0268	Nguyễn Hồng	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0281	Lê Thị Cẩm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0391	Nguyễn Xuân	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0084	Đào Ngọc	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	120H0039	Bùi Ngọc Minh	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0101	Phan Thị Thúy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H1144	Nguyễn Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	220H0491	Dương Thị Thu	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0312	Lê Ngô Anh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6667

Trang: 2/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 124 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0124	Trần Bảo Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6668

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 124 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0276	Bùi Thị Ngọc	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H1443	Lê Nguyễn Yên	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0286	Phan Tăng Phương	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0290	Vương Minh	Huệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0164	Nguyễn Thụy Nguyên	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720H1459	Nguyễn Quốc	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1465	Trần Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320H0305	Nguyễn Phương	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1469	Nguyễn Xuân	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0313	Quách Phương	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H0752	Trương Thị Tiều	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H0755	Nguyễn Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0320	Nguyễn Thiên Tuệ	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H1490	Lê Thanh	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0223	Lê Nguyễn Ngân	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0348	Trần Nguyễn Thị Hoàng	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0233	Lê Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H0414	Đỗ Văn	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0244	Dương Chí	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0374	Trần An	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6668

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 124 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H1509	Cai Nguyễn Phương Vy			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	320H0383	Nguyễn Ngọc Như Ý			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6665

Trang: 1/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 123 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0335	Phạm Trí Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0336	Phan Phúc Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0338	Nguyễn Thị Thanh Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0234	Trần Lương Thảo Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0340	Nguyễn Thị Trọng Hằng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0350	Nguyễn Ngọc Bảo Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0353	Nguyễn Thị Hoàng Kim			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0355	Đinh Vũ Phương Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0367	Nguyễn Hiếu Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0374	Nguyễn Đắc Uyên Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0387	Nguyễn Trọng Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0390	Nguyễn Ngọc Xuân Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0404	Nguyễn Kiều Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0405	Tôn Nữ Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0407	Nguyễn Ngọc Trường Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0411	Hoàng Thị Bích Trà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0413	Hồ Lê Ngọc Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0422	Văn Cẩm Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0423	Nguyễn Thanh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0425	Lưu Kim Tuyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6665

Trang: 2/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 123 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0426	Phạm Bạch	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020H0428	Lương Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020H0198	Nguyễn Đặng Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	020H0432	Thái Mỹ	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6669

Trang: 1/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 125 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0145	Lê Phạm Tùng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0224	Trương Nguyễn Huy	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	520H0453	Huỳnh Thành	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0230	Phạm Hữu Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0233	Nguyễn Lê Anh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0059	Nguyễn Thanh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0154	Nguyễn Thanh	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0531	Huỳnh Nhật	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0239	Phạm Trung	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0072	Lê Ngô Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0251	Lê Vỹ	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0078	Phạm Huy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0296	Nguyễn Nam	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	419H0156	Lê Dương	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0193	Nguyễn Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0299	Hồ Đức	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0270	Lê Phước Kim	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0276	Huỳnh Chí	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0277	Kiều Võ Quang	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0282	Nguyễn Hoàng	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6669

Trang: 2/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 125 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0283	Nguyễn Hoàng	Tiền		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	420H0119	Đỗ Minh	Tiền		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6670

Trang: 1/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 125 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H1376	Nguyễn Phú Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H1533	Đặng Kiều Gia Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0287	Lê Thị Ngọc Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0304	Nguyễn Gia Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1460	Phan Thị Mộng Kiều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	120H0033	Trương Thị Thúy Kiều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0072	Nguyễn Thị Xuân Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0312	Nguyễn Trung Luân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1582	Nguyễn Thị Hồng Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	120H0037	Hồ Phạm Thiện Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0123	Võ Phi Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0399	Nguyễn Như Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	120H0038	Nguyễn Thanh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0401	Lê Minh Nhật Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0404	Lê Thị Phương Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0408	Nguyễn Trúc Thi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0410	Nguyễn Trung Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H1499	Võ Thị Thanh Thùy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0249	Lê Thị Bích Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0367	Bùi Lê Ngọc Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6670

Trang: 2/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 125 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0372	Phan Ngọc Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0433	Trịnh Hoàng Thanh	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	120H0043	Ngô Hải Yến	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6632

Trang: 1/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 111 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0316	Trương Thị Thu	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0323	Nguyễn Hà Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0328	Bùi Bảo	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0333	Ngô Thị Kim	Cương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0337	Võ Thị Bảo	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0233	Lý Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0236	Nguyễn Thị Tú	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0251	Dương Quốc	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0082	Huỳnh Dũng	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0260	Lữ Tuyết	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0099	Ngô Hoài Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0202	Trần Hoàng Yên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0111	Ngô Cao	Nhiệm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0381	Khưu Lễ	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0382	Nguyễn Hải Nguyên	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0386	Phạm Thiên	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0125	Nguyễn Thị Hoa	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0389	Đặng Tú	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0150	Nguyễn Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0304	Nguyễn Thị Lan	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6632

Trang: 2/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 111 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0419	Trần Nguyễn Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020H0185	Ngô Thị Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	320H0119	Hoàng Thị Trường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	320H0266	Tống Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6633

Trang: 1/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 111 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0003	Nguyễn Thế An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0011	Trương Minh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H1164	Lê Thị Ngọc Diễm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0030	Hoàng Thị Ngọc Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0146	Đinh Thị Thuỳ Dương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0338	Lê Ngọc Thanh Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0040	Phan Thị Hồng Hạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0051	Phạm Quế Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1071	Nguyễn Khánh Huỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0080	Phan Hoàng Vũ Luân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H0347	Bùi Trần Thiên Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0377	Nguyễn Tuyết Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1099	Hồ Thị Mỹ Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	820H0064	Lê Trọng Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H1579	Nguyễn Trần Yến Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H1580	Nguyễn Trịnh Nguyên Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H1590	Lê Minh Trúc Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0280	Đoàn Trần Vinh Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H1604	Tô Hiển Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0409	Hà Lê Thu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6633

Trang: 2/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 111 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H0638	Trần Thị Trung	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H1229	Dương Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	720H0447	Ngô Gia	Tuệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E20H0431	Nguyễn Đức Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	120H0016	Nguyễn Văn	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6634

Trang: 1/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 112 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0318	Lê Ngọc Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0324	Nguyễn Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H1442	Trần Trúc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H1161	Đỗ Thế	Bách		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1056	Nguyễn Quang	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720H0299	Nguyễn Thị Thu	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H0304	Trương Lâm Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0342	Lê Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1064	Phạm Đức	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H1065	Trịnh Trọng	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1453	Tô Thị Ngọc	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1068	Trần Quỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0354	Trần Phong	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H0331	Nguyễn Thị Tài	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H1081	Nguyễn Võ Thanh	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H1084	Nguyễn Huỳnh Diễm	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0362	Nguyễn Hoàng	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H0380	Vũ Huỳnh Lâm	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H0390	Phạm Nguyễn Nhã	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0401	Thái Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6634

Trang: 2/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 112 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0403	Văn Thị Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	220H0451	Hoàng Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020H0410	Nguyễn Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	720H1154	Lê Nguyễn Lan	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6635

Trang: 1/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 112 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H1523	Châu Cẩm	Đào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H1527	Nguyễn Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H0051	Nguyễn Ngọc Như	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H0314	Cao Thanh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1450	Trần Đình Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720H0317	Lê Đình Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1540	Phạm Thị Thanh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H0330	Trần Thành	Lập		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H0096	Trần Bảo	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H0334	Nguyễn Thành	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1471	Hùynh Nguyễn Lê	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H0348	Lê Thanh Tuyết	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H0129	Nguyễn Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H1475	Hồ Nguyễn Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H0378	Đỗ Nguyễn Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H1479	Nguyễn Thị Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H1480	Tạ Ngọc	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H1486	Bùi Thanh Trúc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H1488	Trần Ngô Diễm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H1597	Cao Tuệ	San		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6635

Trang: 2/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:25

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 112 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H1489	Thân Thị Mỹ	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H0398	Nguyễn Vũ Minh	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	720H0418	Nguyễn Dương Anh	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	720H1507	Dương Thành	Trương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72001574	Lu Ya	Wen		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Chữ ký: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6636

Trang: 1/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 113 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0020	Trần Anh	Chương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0335	Nguyễn Hương	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0350	Trương Thị Phương	Hường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0245	Trần Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0246	Đặng Thị Như	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0248	Huỳnh Ngọc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0250	Nguyễn Diệu	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0368	Phạm Thị Hà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0373	Nguyễn Ngọc Phương	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0374	Nguyễn Ông Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0379	Tống Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0089	Trần Lê Phương	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H0577	Lý Tiểu	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0271	Phạm Nguyễn Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0390	Vương Minh	Nhụt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0392	Phạm Thị An	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H0590	Nguyễn Tú	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0133	Đỗ Hồ Duy	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0293	Nguyễn Hải Minh	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0299	Điều Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6636

Trang: 2/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 113 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0164	Nguyễn Ngọc Minh	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000545	Đinh Thị Lan	Viên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0196	Nguyễn Ngọc Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6637

Trang: 1/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 113 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	220H0326	Bùi Phát	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H1526	Nguyễn Thanh	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B19H0183	Nguyễn Hoàng Thùy	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B19H0184	Nguyễn Ngọc Phương	Giao		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1545	Phạm Thị Thanh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720H0522	Nguyễn Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H0545	Trần Tường	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H1569	Giang Tịnh	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1576	Lâm Thị Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H1586	Nguyễn Hiếu	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1402	Trần Hữu	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1589	Đặng Ngọc Mỹ	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1591	Lữ Ngọc Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H0591	Phạm Nam	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0400	Dương Hoàng Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H1600	Phạm Xuân	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H1608	Trần Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	120H0015	Dư Hoàng Thanh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H1611	Nguyễn Hà Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0418	Lê Nguyễn Thu	Trà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6637

Trang: 2/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 113 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H1616	Trần Ngọc Bảo	Trâm		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	E20H0424	Ngô Vĩ	Triệu		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
23	720H1627	Nguyễn Xuân	Trường		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
24	E20H0432	Lê Nguyễn Hà	Vi		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6638

Trang: 1/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 114 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0006	Huỳnh Mỹ	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0322	Mai Tú	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0221	Nguyễn Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	519H0270	Nguyễn Hùng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0015	Trần Bội	Bội		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0227	Hà Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0024	Nguyễn Bảo	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320H0028	Huỳnh Thục	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0241	Triệu Huỳnh Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0157	Nguyễn Thị Thanh	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0181	Phạm Hà Ngọc	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0264	Dương Minh	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0170	Cao Đăng Tiến	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	419V0024	Trần Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0218	Võ Ngọc Yên	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0175	Lê Trần Quang	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0226	Trần Đỗ Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H1126	Trần Huỳnh Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0296	Trần Tiến Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0098	Nguyễn Lê Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6638

Trang: 2/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 114 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H1148	Lê Thảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H1150	Trần Thị Thanh	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	720H1151	Trần Thu	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6639

Trang: 1/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 114 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H1440	Lê Thụy Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H0274	Phạm Nữ Phan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H1063	Đặng Trần Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H1079	Lê Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1466	Dương Thị Thanh	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720H0361	Nguyễn Thành	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H0365	Đặng Thị Dương	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H1103	Võ Phước	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H0373	Nguyễn Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H0376	Lê Trương Uyển	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1481	Trương Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0332	Vũ Đặng Xuân	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H0394	Trần Ngọc	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0338	Trần Phạm Diễm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H1492	Nguyễn Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H1119	Võ Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H1500	Nguyễn Hoàng Mai	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H0420	Trương Thùy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0241	Nguyễn Trung	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H1504	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: ..... Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: ..... Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6639

Trang: 2/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 114 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H1505	Nguyễn Minh Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H0442	Nguyễn Ngọc Thanh Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	320H0377	Phan Thị Ánh Tuyết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	720H0458	Ngô Bảo Yên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6640

Trang: 1/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 115 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H1155	Lê Trương Thúy	Ái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H0467	Lê Nhật Mai	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H1160	Nguyễn Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H0469	Nguyễn Thị Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H0277	Nguyễn Thị Hồng	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0186	Vũ Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0340	Nguyễn Thị Kim	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H0521	Lê Ngọc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0061	Trần Đăng	Khương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0358	Tiêu Hoàng	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0074	Trần Ngọc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H0552	Lê Trần Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1200	Phạm Nguyễn Ngọc	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0383	Lê Hoàng	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H1204	Châu Lam	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H0602	Hà Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H0611	Trần Thị Kim	Thoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H1132	Nguyễn Thị Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0110	Nguyễn Hồ Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H0649	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6640

Trang: 2/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 115 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H0652	Nguyễn Tuyết	Vân		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020H0197	Lương Ngọc Tường	Vy		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....	Chữ ký:	Họ tên: 1/ .....	Họ tên: .....
2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6641

Trang: 1/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 115 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H1513	Phan Nguyễn Trường An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H1517	Nguyễn Thảo Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0320	Nguyễn Trần Hoàng Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H1518	Phạm Thị Lan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1521	Lê Thị Thanh Chúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0041	Bùi Thanh Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1541	Tạ Thị Lan Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H1473	Nguyễn Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1476	Lê Thị Tuyết Nhì			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H1583	Nguyễn Thị Hồng Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0274	Hoàng Ngọc Diễm Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1592	Đỗ Minh Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0333	Lạc Liên Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H1598	Phạm Thái Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H1603	Ung Vinh Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0352	Nguyễn Thị Hồng Thuận			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H1612	Trần Trọng Thức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0159	Thành Thanh Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H1626	Lê Văn Quốc Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H1636	Lương Tiểu Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6641

Trang: 2/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 115 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0184	Ngô Thị Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H1637	Nguyễn Yên	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0311	Trương Nguyễn Nhã	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6686

Trang: 1/1

Phòng thi: B201

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:20

Lần:1

Môn học: Phân tích dữ liệu khoa học (903046 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	92000272	Chu Ngọc Tú	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	92000273	Nguyễn Hoàng Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	92000283	Phạm Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	92000186	Nguyễn Ngọc	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	92000191	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	92000193	Nguyễn Phan Nhi	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	92000196	Sử Thị Thanh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	92000197	Lê Đình	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	92000199	Nguyễn Thị Thúy	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	92000200	Nguyễn Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	91703007	Trần Bá	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	92000201	Đặng Quang	Quí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	92000279	Tạ Lưu Kiều	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	92000280	Ninh Thị Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	92000281	Ngô Phạm Gia	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	92000282	Phạm Thị	Tiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	92000205	Lê Quốc Gia	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	92000206	Nguyễn Trường Dương	Tử		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	92000207	Mai Lê Châu	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	92000208	Võ Hoàng	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6606

Trang: 1/1

Phòng thi: B202

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:20

Lần:1

Môn học: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2 (002301 - 6 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000287	Nguyễn Loan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000290	Trần Kiều	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000319	Trần Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000325	Võ Thị Như	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000331	Vũ Văn	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000344	Lê Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000363	Phạm Bích	Lụa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000581	Phạm Thị Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000375	Trần Hoa Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000380	Phạm Nguyễn Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000391	Hồng Ngọc	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000393	Lê Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000398	Nguyễn Thị Trúc	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000406	Nguyễn Thị Như	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000411	Nguyễn Tú	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000420	Lâm Tú	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000449	Trần Thùy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01800306	Trương Thị Kim	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000485	Tô Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000487	Nguyễn Thị Phương	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6607

Trang: 1/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2 (002301 - 6 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000864	Lưu Huỳnh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000868	Đặng Ngọc Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000871	Lại Minh Khả			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000875	Đỗ Thị Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000876	Nguyễn Nhật Hẹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000891	Trần Gia Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000893	Mai Lê Lựu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000897	Dương Thị Hồng Nga			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000596	Nguyễn Thị Huỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000914	Trần Thị Kim Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000918	Trần Thị Mai Phượng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000922	Nguyễn Thị Hồng Thắm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000934	Nguyễn Ngọc Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000935	Trần Ngọc Minh Triết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000619	Bùi Thị Cẩm Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000623	Nguyễn Ngọc Bảo Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000942	Phạm Ngọc Tú Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000944	Võ Thanh Văn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000947	Phạm Thị Xuân Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000625	Trần Thị Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6607

Trang: 2/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2 (002301 - 6 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000951	Hà Nguyễn Thanh Xuân			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6687

Trang: 1/1

Phòng thi: B205

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:20

Lần:1

Môn học: Phân tích dữ liệu khoa học (903046 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	92000329	Dương Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	92000330	Tạ Thành	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	92000382	Trịnh Hoài	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	92000331	Trần Quốc	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	92000333	Phạm Thị Thanh	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	92000334	Nguyễn Xuân	Hợp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	92000337	Trần Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	92000338	Lê Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	92000386	Trịnh Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	92000339	Trần Tùng	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	92000340	Nguyễn Thanh	Liêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	92000390	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	92000345	Lê Ngọc	Sinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	92000391	Lê Đăng Phi	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	92000395	Nguyễn Huỳnh Phương	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	92000349	Phan Thị Bích	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	92000351	Trần Mạnh	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	92000352	Phạm Thảo	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	92000397	Cao Vương	Viên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	92000398	Nguyễn HẠ	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6609

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2 (002301 - 6 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000286	Nguyễn Huỳnh Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000283	Phạm Nguyễn Quế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01900609	Vũ Ngọc Nguyên	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000300	Trần Hoàng Tâm	Đoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000567	Nguyễn Trần Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000569	Hồ Nhật	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000347	Đỗ Thị Huyền	Lạc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000577	Rơ Châm	Ling		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000371	Huỳnh Tú	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000587	Nguyễn Thanh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000379	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000589	Lê Hoàng Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000392	Lê Thị An	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000410	Nguyễn Hoàng	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01801137	Hà Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000428	Phan Phương	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000435	Dương Xuân	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000442	Trương Nguyễn Anh	Thời		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000609	Nguyễn Anh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000445	Bùi Thu	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6609

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2 (002301 - 6 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000448	Trần Thị Kim Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000450	Trần Thủy Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000472	Lê Thị Yến Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6610

Trang: 1/2

Phòng thi: B209

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2 (002301 - 6 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000865	Võ Thị Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000873	Nguyễn Thanh	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000874	Lê Nguyễn Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000877	Huỳnh Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000878	Lê Mỹ	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000881	Tsản Mỹ	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000882	Diệp Lê Đại	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000894	Nguyễn Hoàng Xuân	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000896	Nguyễn Hoàng	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000900	Đoàn Hoài	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000905	Huỳnh Thị Kim	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000909	Phạm Linh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000915	Nguyễn Thị Kiều	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000923	Nguyễn Hoàng Ánh	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000924	Nguyễn Trần Mai	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000925	Nguyễn Huyền Minh	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000926	Châu Thị Kim	Thoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000610	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000621	Nguyễn Thị Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000940	Nông Thị	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6610

Trang: 2/2

Phòng thi: B209

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2 (002301 - 6 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000943	Đỗ Thị Cẩm	Vân		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000950	Mai Đăng Tường	Vy		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6611

Trang: 1/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2 (002301 - 6 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000553	Lâm Thiên	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000863	Lê Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000555	Nguyễn Thị Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000867	Vũ Ngọc Mai	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000870	Trịnh Khả	Di		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000872	Khổng Trần Diệu	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000307	Trần Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000317	Huỳnh Hoàn	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000880	Võ Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000329	Phạm Thị Phú	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000883	Phạm Ngọc Bích	Hợp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000884	Tô Gia	Huệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000885	Hồ Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000364	Phan Thị	Lụa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000579	Hoàng Đoàn Hải	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000373	Bùi Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000402	Châu Ngọc Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000427	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000431	Hoàng Thị	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000606	Nguyễn Ngọc Minh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6611

Trang: 2/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2 (002301 - 6 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01800742	Nguyễn Lộ Phương	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000469	Đặng Thị Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000475	Nguyễn Thị Ái	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6612

Trang: 1/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2 (002301 - 6 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000887	Hoàng Thị Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000888	Nguyễn Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	02000889	Nguyễn Lê Bảo	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000890	Phạm Thị Huyền	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000898	Lộc Trung Mỹ	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000899	Tạ Phương	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000902	Lê Bình	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000903	Nguyễn Thanh Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000906	Lê Thị Ý	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000907	Nguyễn Lê Quyên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000908	Nguyễn Thị Cẩm	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000911	Vũ Gia	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000913	Nguyễn Lê Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000916	Nguyễn Thị Trúc	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000917	Nguyễn Lê Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000927	Trần Kim	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000929	Lê Thị Thương	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000930	Nguyễn Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000931	Đoàn Thị Thu	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000932	Nguyễn Ngọc Kim	Tiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký: .....	Chữ ký: .....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6612

Trang: 2/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2 (002301 - 6 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000936	Võ Phát	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000939	Hồ Thị Bích	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000941	Hà Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000948	Vũ Quang	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6608

Trang: 1/1

Phòng thi: B402

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:20

Lần:1

Môn học: Xã hội học đại cương (302075 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000031	Tạ Mai Lan	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	51900649	Nguyễn Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000903	Nguyễn Hoàng Nhựt	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	31800398	Lê Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000926	Trần Thị Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32000930	Lê Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32000938	Lợi Kim	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32000939	Phan Thị Mỹ	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	31800095	Phạm Thị Thùy	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32000698	Trần Minh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32000942	Nguyễn Hồng	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	31800816	Phạm Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000945	Phan Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000186	Nguyễn Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	31800446	Vũ Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000964	Nguyễn Đăng Đồng	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31800488	Tăng Ngọc	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000732	Kiều Lan	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000982	Nguyễn Quốc	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000739	Nguyễn Phi Yến	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6622

Trang: 1/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Xã hội học đại cương (302075 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000622	Lê Đỗ Thái	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32000623	Nguyễn Hoàng	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000022	Kiều Đặng Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32000630	Lý Lê Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000033	Tăng Như	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32000632	Võ Thị Hồng	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32000639	Lê Công	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32000080	Đỗ Trần	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32000081	Lê Nguyễn Bình	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32000649	Trần Thị Mỹ	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32000087	Trần Thị Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32000088	Võ Thùy	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000097	Nguyễn Thị Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	31702073	Trần Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000658	Đinh Thảo	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000112	Phạm Nguyễn Quỳnh	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32000663	Đặng Thúy	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000664	Sú Ngọc	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000116	Huỳnh Ngọc Tùng	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000169	Đào Thảo	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6622

Trang: 2/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Xã hội học đại cương (302075 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32000701	Nguyễn Đỗ Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000171	Văn Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000174	Đặng Thụy Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32000177	Trần Ngọc Sương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32000215	Cao Minh Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000233	Ninh Thị Quỳnh Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32000236	Đinh Yến Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	31800834	Huỳnh Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	32000275	Vũ Hoàng Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6623

Trang: 1/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:31

Lần:1

Môn học: Xã hội học đại cương (302075 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000890	Phan Thị Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32000892	Trần Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000894	Mai Thanh	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32000895	Lương Thị Cẩm	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000898	Nguyễn Phan Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32000900	Lê Thị Thu	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32000901	Trần Hồng	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32000907	Võ Ngọc	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32000921	Văn Thị Minh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32000924	Nguyễn Hồng	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32000931	Phan Vũ Yến	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32000932	Trương Thị Mộng	Ni		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000935	Hồ Thị	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000940	Trần Trương Hữu	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000943	Huỳnh Phú	Quý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000950	Lâm Bửu Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32000709	Lê Thị Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000952	Phạm Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000961	Đào Phạm Duy	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000963	Lê Thị Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6623

Trang: 2/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:31

Lần:1

Môn học: Xã hội học đại cương (302075 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32000722	Thái Vĩ Duyên	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000972	Dương Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000973	Hoàng Đức Anh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32000974	Trần Cát	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32000975	Phạm Quang	Tuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000976	Nguyễn Ngọc Kim	Tuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32000977	Nguyễn Lê Hoàng Trinh	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	32000979	Lê Ái	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	32000735	Châu Phượng	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	32000988	Nguyễn Thị	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	32000989	Triệu Nguyễn Phi	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6624

Trang: 1/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Xã hội học đại cương (302075 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000006	Bùi Thị Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32000007	Hứa Ngọc Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000891	Mai Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32000036	Lê Ngọc	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000635	Phạm Ngọc Quỳnh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32000896	Triệu Trần Thuận	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32000050	Võ Trương Kiên	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32000897	Đỗ Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32000056	Lê Trần Mỹ	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32000059	Võ Trần Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32000637	Trần Nguyễn Kim	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32000094	Hồ Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000657	Đỗ Thị	Lương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000659	Nguyễn Thị Thanh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000130	Mai Trúc	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000138	Lê Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32000153	Lê Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	31900880	Đinh Nguyên Ngọc	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000692	Lê Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000162	Phạm Ngọc Khánh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6624

Trang: 2/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Xã hội học đại cương (302075 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32000184	Huỳnh Việt Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000185	Nguyễn Như Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000199	Trần Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32000725	Phan Thị Cát Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32000726	Hoàng Thiên Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000258	Phạm Huỳnh Khánh Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32000260	Bùi Nguyễn Phương Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	32000262	Lê Thanh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	32000274	Nguyễn Tiểu Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6625

Trang: 1/2

Phòng thi: B506-A

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:31

Lần:1

Môn học: Xã hội học đại cương (302075 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000902	Nguyễn Đặng Kim	Hường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32000904	Nguyễn Văn	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000905	Thiệu Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32000906	Nguyễn Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000915	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32000916	Huỳnh Tú	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32000917	Huỳnh Thị Kim	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32000920	Trương Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32000922	Bồ Trọng	Ngôn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32000923	Trần Tam	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32000925	Trần Nguyễn Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32000933	Võ Thị Đo	Ni		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000936	Võ Ngọc	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000941	Lê Đức Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000944	Dương Trúc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000951	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32000953	Ngô Huỳnh	Thơ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000954	Trần Thị Trang	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000955	Nguyễn Ngọc Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000957	Trần Bé	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6625

Trang: 2/2

Phòng thi: B506-A

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:31

Lần:1

Môn học: Xã hội học đại cương (302075 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32000958	Nguyễn Thanh Diễm	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000959	Nguyễn Thị Diễm	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000960	Nguyễn Mạnh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32000966	Quang Ngọc Khả	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32000968	Phạm Minh Bảo	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000969	Trần Dương Ngọc	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32000978	Trần Hải	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	32000981	Trần Cao	Vĩ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	32000984	Trần Lý Hồng	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	32000985	Trịnh Minh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	32000986	Lê Hoàng	Vỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6672

Trang: 1/1

Phòng thi: B508

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:19

Lần:1

Môn học: Hình học giải tích và đại số 2 (902046 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	92000210	Ngô Thị Hải	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	92000070	Nguyễn Như	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	91800201	Đoàn Nhật	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	92000080	Trương Thái	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	92000212	Bùi Ngọc Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	92000014	Đặng Gia	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	92000017	Lê Văn	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	92000020	Nguyễn Phúc	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	92000022	Trịnh Y	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	91401007	Phan Văn	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	92000114	Nguyễn Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	92000035	Lý Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	92000039	Huỳnh Trần Nhật	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	92000219	Lâm Bảo	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	91800262	Dương Quốc	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	92000048	Nguyễn Quốc	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	92000157	Phạm Minh	Thức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	92000058	Lê Thị Diễm	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	92000175	Võ Thị Thu	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6673

Trang: 1/1

Phòng thi: B509

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:18

Lần:1

Môn học: Hình học giải tích và đại số 2 (902046 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	92000284	Trương Vũ Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	92000299	Phạm Chí	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	92000301	Trương Đại	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	92000355	Nguyễn Khắc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	92000287	Nguyễn Hoàng	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	92000304	Nguyễn Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	92000288	Nguyễn Đình Danh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	92000309	Võ Đức	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	92000357	Nguyễn Lê Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	92000314	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	92000318	Trần Anh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	92000291	Mai Đình Anh	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	92000359	Trương Quốc	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	92000262	Nguyễn Đức	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	92000360	Trần Thành	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	92000378	Cao Thị Thanh	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	92000268	Trần Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	92000328	Nghiêm Thụy Kim	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6674

Trang: 1/2

Phòng thi: B511

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Hình học giải tích và đại số 2 (902046 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	92000298	Lương Bội	Bội		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	91800198	Cao Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	92000006	Cao Minh	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	92000086	Bùi Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	92000302	Đoàn Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	91800354	Trần Nguyễn Phi	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	92000110	Phạm Thị Phương	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	92000113	Ngô Toàn	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	92000116	Lê Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	92000290	Nguyễn Nam	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	92000140	Lý Thị Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	92000220	Trương Công	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	91800266	Nguyễn Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	92000259	Nguyễn Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	91701059	Nguyễn Minh	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	92000152	Nguyễn Ngọc Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	92000221	Trần Tấn	Thực		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	92000293	Bùi Thị	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	92000162	Lê Thị Thu	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	92000163	Nguyễn Ka	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6674

Trang: 2/2

Phòng thi: B511

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Hình học giải tích và đại số 2 (902046 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	92000164	Đoàn Thị Hoàng Trâm			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6685

Trang: 1/1

Phòng thi: C202

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:20

Lần:1

Môn học: Hình học giải tích và đại số 2 (902046 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	92000361	Nguyễn Phúc Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	92000354	Trần Đức	Chí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	92000356	Dương Thị Quỳnh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	92000363	Nguyễn Trương Diệu	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	92000303	Lê Diệp Tuấn	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	92000307	Lê Nguyễn Quỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	92000308	Phùng Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	92000364	Trương Như	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	92000310	Nguyễn Trương Anh	Kỳ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	92000312	Nguyễn Tân	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	92000367	Nguyễn Thị Phượng	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	92000371	Nguyễn Đình Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	92000315	Nguyễn Thanh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	92000317	Nguyễn Đặng Thiên	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	92000322	Đỗ Trọng	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	92000323	Nguyễn Công	Toại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	92000377	Phạm Thụy Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	92000326	Phạm Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	92000379	Dương Kim	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	92000380	Nguyễn Quốc	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6626

Trang: 1/2

Phòng thi: C203

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Công tác xã hội đại cương (304088 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32001121	Nguyễn Ngọc Hoài	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32000779	Lê Ngọc	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32001122	Lê Thị Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32001123	Nguyễn Ngô Huy	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	31800608	Trương Mỹ	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32001127	Nguyễn Tô Linh	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32001130	Phan Thị Ngọc	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32001133	Nguyễn Nguyệt	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32000422	Lại Kỳ	Lân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32000425	Nguyễn Thị Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32000790	Lê Trần Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32000441	Nguyễn Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	31900788	Kim Thị Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000448	Trần Thị Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000796	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000799	Hồ Thị Phương	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32000800	Nguyễn Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000451	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000801	Nguyễn Thái	Thoại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000802	Bùi Ngọc Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6626

Trang: 2/2

Phòng thi: C203

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Công tác xã hội đại cương (304088 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32000803	Hoàng Thị Thùy			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000807	Nguyễn Thị Cẩm Tú			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6671

Trang: 1/1

Phòng thi: C302

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:14

Lần:1

Môn học: Luật doanh nghiệp (E01118 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B20K0129	Đào Ngọc Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B20K0130	Hoàng Hà	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B20K0131	Cao Sơn Tất	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B20K0132	Phòng Mỹ	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B20K0121	Huỳnh Văn	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B20K0016	Huỳnh Sâm	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B20K0133	Ngô Thành	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B20K0122	Trần Hải Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B20K0049	Trần Hoa	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B20K0134	Võ Duy	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B20K0109	Trần Trọng	Thạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B20K0135	Lê Huỳnh Song	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B20K0136	Quách Khánh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	B20K0115	Nguyễn Bùi Nguyên	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6627

Trang: 1/2

Phòng thi: C411

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Công tác xã hội đại cương (304088 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32001134	Lương Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32001137	Vũ Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32001140	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32001144	Trịnh Tú	Khuê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32001145	Nguyễn Hoàng	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32001148	Nguyễn Thị Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32001150	Đặng Quốc	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32001154	Trần Đại Nhân	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32001162	Nguyễn Thị Tố	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32001166	Cao Tấn	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32001167	Đoàn Thiên	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32001170	Trần Trúc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32001173	Nguyễn Trần Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32001175	Nguyễn Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32001176	Nguyễn Hoài Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32001177	Nguyễn Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32001178	Nguyễn Đức	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32001180	Nguyễn Hữu Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32001184	Nguyễn Sơn	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32001185	Châu Lê Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6627

Trang: 2/2

Phòng thi: C411

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 8:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Công tác xã hội đại cương (304088 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32001186	Võ Ngô Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32001189	Trần Thị Thanh	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32001192	Trần Thị Ngọc	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6684

Trang: 1/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 130 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0268	Lê Nguyễn Bình	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H1439	Lê Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H1441	Lưu Hoàng Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0328	Hồ Sĩ Thái	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0280	Lỗ Hồng	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720H1535	Tống Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0283	Trương Lý Hữu	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0347	Phùng Lữ Thể	Hoài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0291	Trần Nguyên Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0352	Lê Nguyễn Thu	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1457	Võ Thể	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1554	Nguyễn Thị Ngọc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0306	Hồ Nhựt	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H1565	Lê Huỳnh Phương	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0314	Lê Hoàng Phương	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0315	Nguyễn Võ Trọng	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0321	Chung Ngọc Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	320H0330	Nguyễn Thị	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H1596	Trần Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H1624	Nguyễn Trà Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6684

Trang: 2/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 130 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0173	Nguyễn Thanh	Tuấn		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	E20H0176	Phạm Thanh	Uyên		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Chữ ký: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6688

Trang: 1/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 131 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	120H0018	Dương Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0031	Nguyễn Ngọc Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	120H0029	Lê Văn Anh	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0158	Lương Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0256	Võ Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0258	Nguyễn Ngọc	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	120H0012	Nguyễn Vi Diễm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0317	Lưu Phước	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0176	Nguyễn Ngọc Công	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0273	Phan Công	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0275	Trần Hạo	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0415	Cao Phạm Mai	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0117	Nguyễn Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0417	Nguyễn Đắc	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0427	Nguyễn Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0217	Trần Thanh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0285	Trần Lâm	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0200	Trần Nguyễn Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0219	Tôn Nghiêm Cát	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0126	Nguyễn Minh	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6688

Trang: 2/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 131 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0201	Trần Thành Vũ			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6689

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 131 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0322	Trương Vũ Bảo	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0222	Nguyễn Thùy Bạch	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0333	Mai Kỳ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0334	Dương Hoàng	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0337	Nguyễn Ngọc	Giàu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0034	Huỳnh Hồng	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0224	Nguyễn Hoàng Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0344	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0037	Trần Đức	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	620H0051	Âu Dương Vĩnh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0294	Tạ Nguyễn Thụy	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1562	Nguyễn Thị Hà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1566	Nguyễn Phú Nhật	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0371	Trần Hải	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0375	Nguyễn Thị Thu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0376	Nguyễn Thu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0380	Bùi Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0118	Nguyễn Hà Minh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H1671	Chitpasong	Somphou		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0289	Hoàng Minh	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6689

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 131 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0413	Vũ Thị Anh	Thư		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	320H0370	Nguyễn Thụy Thanh	Trúc		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6675

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 126 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H1437	Trương Minh Việt	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0004	Cao Gia	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H1438	Đinh Thị Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H0289	Phạm Linh	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H0487	Trương Nguyễn Khánh	Đoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	520H0535	Nguyễn Đồng	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1458	Trần Hoàng Dĩ	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	520H0555	Đỗ Hoàng Minh	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0057	Đặng Thanh Trúc	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H0345	Nguyễn Hăng	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0378	Tô Thị Bảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0060	Đinh Gia	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	520H0557	Nguyễn Khắc	Nghiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0381	Trần Thị Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H1107	Nguyễn Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H0584	Đỗ Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0394	Ngô Thị Đan	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0402	Lương Trần Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0221	Bùi Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0255	Võ Thị Đoan	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6675

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 126 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H1232	Phan Thị Bé	Ty		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H0670	Lê Thị Kim	Yến		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6676

Trang: 1/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 126 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0316	Lâm Thảo Phương	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0212	Thái Minh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0339	Trần Thanh	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0341	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1538	Trần Cao	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0239	Phạm Sông	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1542	Nguyễn Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0354	Trần Trọng	Khiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1559	Nguyễn Hoàng Duy	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H1561	Lê Thị Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1570	Cao Minh	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0096	Võ Thị Bích	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1578	Lê Thị Thanh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0268	Lê Thị Thanh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0270	Nguyễn Ngọc Nguyên	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H1595	Ngô Nguyễn Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H1605	Huỳnh Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H1496	Hồ Nguyễn Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0365	Trần Ngọc Mỹ	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H1617	Võ Hoàng Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6676

Trang: 2/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 126 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0371	Tô Trần Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H1628	Nguyễn Thanh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	720H1638	Phan Võ Ái	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6677

Trang: 1/1

Phòng thi: A509

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:20

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 127 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	120H0044	Đặng Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	120H0017	Hồ Nguyễn Thực	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	12000199	Phan Huỳnh Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0237	Thái Nhựt	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0046	Nguyễn Tuyết	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0343	Hứa Vĩnh	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1073	Nguyễn Thái Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0205	Doãn Tùng	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	120H0034	Bùi Hà Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000760	Lai Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	120H0006	Nguyễn Phương	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1096	Phạm Ánh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1196	Huỳnh Thị Thúy	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H0399	Đặng Ngọc	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	120H0047	Phan Hồ Thanh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	120H0048	Nguyễn Lê Phương	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	120H0041	Nguyễn Ngọc Thúy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0179	Cao Hoài	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0290	Hồ Trung	Vĩnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0291	Bùi Trần	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6678

Trang: 1/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 127 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H0268	Nguyễn Duy Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B19H0167	Nguyễn Hoàng	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H1528	Nguyễn Bá Hồng	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0336	Trần Mai Ngọc	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1534	Đỗ Vượng Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0343	Lê Ngân	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0292	Lê Thị Mỹ	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0045	Đặng Thị Minh	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0300	Vũ Hương	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H1553	Đào Thị Mai	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0304	Nguyễn Khắc Hoàng	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1472	Nguyễn Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0317	Nguyễn Lê Hoàng	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H1477	Phan Yên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H1584	Trần Kim	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0331	Trần Lê Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H1594	Lê Hàn Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H1599	Võ Tùng	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0358	Phan Thành	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0182	Phạm Nguyễn Thy	Văn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6678

Trang: 2/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 127 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0435	Dương Thúy Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0197	Nguyễn Hoàng Phương Yên			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6679

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 128 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0212	Đoàn Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0046	Nguyễn Hữu	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0222	Huỳnh Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0229	Lê Huy	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0045	Nguyễn Hữu	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0038	Phạm Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0345	Nguyễn Nguyệt Minh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0249	Phạm Huy	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0253	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0255	Trần Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0257	Nguyễn Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0168	Nguyễn Trung	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0196	Nguyễn Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0372	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0120	Dương Nguyễn Trọng	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0133	Trần Thị Lê	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0285	Nguyễn Thị	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	520H0418	Phạm Phước	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0294	Hồ Thụy Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0414	Trần Ngọc Ngân	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6679

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 128 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0422	Hoàng Lê Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	320H0116	Nguyễn Thị Bảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020H0195	Huỳnh Thị Ngọc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6680

Trang: 1/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 128 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H1512	Nguyễn Văn An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0317	Đỗ Ngọc Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0330	Nguyễn Nam Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H1446	Nguyễn Tiến Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1452	Võ Hoàng Huân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0179	Trần Thị Diệu Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H0337	Nguyễn Phạm Minh Lý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H1564	Lê Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0095	Nguyễn Thị Diễm Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H1568	Trần Mộng Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0323	Trần Kiều Oanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1587	Nguyễn Thái Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1601	Trịnh Hoàng Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0135	Bạch Ngọc Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0346	Nguyễn Phan Thu Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H1609	Phạm Thành Thiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H1503	Phan Thị Kiều Trân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	620H0249	Phạm Thu Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H1622	Bùi Lê Minh Triết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0428	Đoàn Nguyên Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6680

Trang: 2/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 128 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0373	Nguyễn Ngọc Tùng			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0436	Trần Tống Trúc Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6681

Trang: 1/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 129 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0269	Nguyễn Thị Thúy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B20H0511	Tạ Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0169	Huỳnh Như	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0049	Nguyễn Ngọc Yên	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0362	Lâm Gia	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0365	Nguyễn Phương	Lương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0367	Nguyễn Thanh Trúc	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H1091	Trần Lê Thy	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1106	Lâm Yên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0389	Nguyễn Minh	Nhụt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	120H0035	Nguyễn Tường	Ninh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0398	Nguyễn Cát	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0083	Lê Nhất	Sinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0227	Lý Xuân	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0411	Trần Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H0422	Nguyễn Hồ Công	Toại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0420	Lê Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0421	Võ Thị Quỳnh	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0106	Trần Lương Vân	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0429	Lê Ngọc Lan	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6681

Trang: 2/2

Phòng thi: A604

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 129 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0434	Lê Anh	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0310	Nguyễn Lê	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0437	Lê Thị Hải	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6682

Trang: 1/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 129 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0319	Lê Thụy Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0010	Tô Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0323	Lý	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0017	Lưu Ngọc Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0326	Lâm Ngọc	Đình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0329	Nguyễn Bùi Trường	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1532	Trần Thị Ngân	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H1539	Đàm Đình	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000389	Đỗ Nguyễn Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0302	Lưu Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0175	Lý Hoài	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1557	Ngô Kiều	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0307	Phan Trần Hữu	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0256	Biên Ngọc Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0258	Huỳnh Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0195	Lâm Kim	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0099	Huỳnh Phúc	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	320H0318	Lâm Ngọc Phương	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0220	Trần Ngọc	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H1613	Chu Thị	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6682

Trang: 2/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 129 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H1619	Nguyễn Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H1631	Lư Tịnh	Văn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0186	Nguyễn Hồ Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6683

Trang: 1/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 130 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0127	Nguyễn Thúy	Ái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0003	Trần Lâm Linh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0132	Phạm Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0144	Phạm Thị Kim	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0151	Lê Quốc	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0034	Lê Hồng	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0035	Lương Phan Nhật	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320H0039	Phạm Vũ	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1074	Lê Hoàng Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0182	Nguyễn Thị Khánh	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1082	Nguyễn Thị Khánh	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0062	Nguyễn Trần Hạ	Nghy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H0364	Châu Trần Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0071	Trần Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001624	Nguyễn Ngọc Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0097	Trần Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H1130	Phạm Nhã	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H0443	Nguyễn Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H0445	Huỳnh Minh	Tử		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	220H0488	Nguyễn Thị Cát	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6683

Trang: 2/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 130 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0121	Ngô Triệu Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6651

Trang: 1/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 116 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H1516	Nguyễn Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H0474	Bùi Nhật	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H1519	Hoàng Ngọc Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H0291	Thái Phạm Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1052	Đỗ Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720H1445	Lê Thị Phương	Du		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1451	Nguyễn Lê Thiên	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H0511	Đỗ Trầm Quế	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H0321	Trần Khánh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H1548	Võ Hiếu	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1558	Nguyễn Thị Cẩm	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H0343	Nguyễn Hoàn	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1567	Nguyễn Hằng	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H1575	Đỗ Uyên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H1577	Lê Hoàng Khánh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B19H0309	Huỳnh Nhật	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	720H1123	Lê Hồng Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H1138	Trương Trọng Minh	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H1623	Nguyễn Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H1630	Trương Vũ Thùy	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6651

Trang: 2/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 116 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H1632	Trần Lê Nhật	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H1635	Dương Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	720H1236	Từ Cao	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6652

Trang: 1/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 117 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0002	Lê Trần Thuận	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0129	Lê Thúy	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0273	Nguyễn Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0131	Nguyễn Lê Lam	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0137	Nguyễn Thu Minh	Đài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0145	Phan Minh	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0030	Trịnh Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	120H0031	Vũ Thanh Thanh	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0043	Vương Thị Kim	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0183	Nguyễn Viết Đức	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1090	Trần Hà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0188	Bùi Văn Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0069	Đỗ Hoàng Thanh	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0207	Trần Thị Tố	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0095	Chẽm Lê An	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0073	Ngô Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0216	Phạm Thùy Diễm	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0269	Nguyễn Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0224	Ngô Bùi Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0229	Đường Thị Cẩm	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6652

Trang: 2/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 117 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H0415	Trần Diệu	Thường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	320H0262	Nguyễn Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	320H0264	Trần Ngọc Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6653

Trang: 1/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 117 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0271	Huỳnh Hà Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0331	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0345	Trương Trung	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0295	Dương Lâm	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0174	Lại Đào Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	720H1555	Hồ Thị	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0369	Ngô Thành	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0260	Châu Bửu	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1474	Trần Thanh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0095	Trần Thị Ánh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1478	Trần Nguyễn Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0105	Trương Thị Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0322	Nguyễn Cao Bảo	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0334	Nguyễn Thị Như	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	720H1593	Đặng Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0344	Văn Ngọc Đan	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0155	Nguyễn Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0157	Phan Nguyễn Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0245	Lê Hoàng	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0361	Huỳnh Thị Tú	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6653

Trang: 2/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 117 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0366	Trần Thị Thảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H1508	Nguyễn Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	720H1510	Huỳnh Thiên	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6650

Trang: 1/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 116 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0215	Nguyễn Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0330	Mã Tú	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0331	Nguyễn Dương Hoàng	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H1168	Lê Thị Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0347	Trần Hữu	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0349	Chu Vĩnh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0359	Huỳnh Quang Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0088	Trần Thảo	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0101	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0266	Tôn Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0379	Nguyễn Thanh	Nhơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0270	Nguyễn Thị Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0115	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0392	Trần Nguyễn Diễm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0290	Đặng Vũ Quang	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0400	Nguyễn Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0412	Đặng Thị Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0424	Hồ Nhã Thanh	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0305	Nguyễn Ngọc	Tuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H1153	Trần Tín	VĨ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6650

Trang: 2/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 116 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0311	Hứa Bảo Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020H0202	Nguyễn Phạm Nhật Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020H0431	Đinh Thị Thanh Xuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6655

Trang: 1/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 118 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	720H1520	Trần Mỹ	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	720H1530	Phạm Kiều Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0284	Lê Thanh	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0158	Huỳnh Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	720H1551	Bùi Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0071	Hứa Nguyễn Bảo	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1556	Nguyễn Thanh	Lực		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320H0184	Lâm Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1563	Hồ Trọng	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	620H0296	Mai Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H1581	Ngô Thanh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1585	Hỏa Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0326	Nguyễn Hữu	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	720H1602	Trần Thị Ngọc	Thạch		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0341	Trương Hồng	Thắm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H1606	Nguyễn Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0347	Trương Thị Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H1497	Lê Đỗ Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001100	Ngô Ngọc Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	720H1498	Trần Vũ Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6655

Trang: 2/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:24

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 118 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0165	Trần Ngọc Yến	Thy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	720H1618	Đinh Ngọc Yến	Trang		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
23	720H1633	Đoàn Khả	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
24	320H0380	Trần Nguyễn Cát	Vy		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6657

Trang: 1/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 119 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0315	Hồ Xuân An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0321	Lê Quỳnh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0206	Phạm Thị Kim Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H0471	Tạ Thị Hoàng Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0342	Trần Nguyễn Bích Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0238	Nguyễn Kim Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	720H1546	Vũ Thị Khánh Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0353	Võ Lê Trường Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	720H1549	Trần Minh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0299	Mai Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	720H0327	Đinh Đức Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1462	Dương Thị Khánh Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	720H1571	Trần Tín Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0369	Trương Phan Hoàng Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E2000143	Nguyễn Thành Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0327	Đỗ Ngọc Kim Phụng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0395	Ngô Minh Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0403	Viên Trang Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0151	Lê Trần Duy Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0408	Nguyễn Thị Anh Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6657

Trang: 2/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 119 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H1629	Lê Quốc Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	720H0453	Ngô Mỹ Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	720H1634	Đoàn Thị Ngọc Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6656

Trang: 1/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 119 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0047	Võ Quốc Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0002	Mai Thanh Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	519H0150	Cao Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0187	Huỳnh Lê Anh Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0202	Trần Mai Gia Hiệp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0240	Trần Trung Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0242	Đặng Ngọc Huy Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0246	Nguyễn Ngọc Hưng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0250	Lại Văn Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0260	Đặng Vũ Anh Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0132	Phan Thanh Liêm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0056	Võ Thế Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0263	Nguyễn Phan Minh Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0265	Đinh Nguyễn Gia Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0267	Hồ Thanh Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0172	Bùi Lê Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0272	Nguyễn Hoàng Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0199	Lê Long Song Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0415	Trịnh Hoàng Ngọc Trần			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0287	Cao Hoài Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6656

Trang: 2/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 119 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0288	Hoàng Anh	Tuấn		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	
22	420H0289	Bùi Thanh	Tùng		•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓱ ⓲ ⓳ ⓴ ⓵ ⓶ ⓷ ⓸ ⓹ ⓺ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Chữ ký: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6654

Trang: 1/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 118 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	519H0132	Huỳnh Bình	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	520H0508	Đào Duy	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0214	Ngô Nguyễn Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H1053	Hoàng Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0236	Phạm	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0346	Hồ Thị Xuân	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0349	Ngô Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0075	Huỳnh Võ Phú	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0077	Nguyễn Uy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0254	Nguyễn Phan Minh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0090	Nguyễn Trung	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H1105	Huỳnh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0076	Trịnh Ngọc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0198	Trần Bảo	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0173	Trần Tú	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0131	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0289	Sa Y	Thah		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	720H0412	Chung Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	720H0620	Nguyễn Trần Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0297	Phạm Tiến	Tối		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6654

Trang: 2/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 118 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H1224	Bùi Thị Tố	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0430	Huỳnh Ngọc Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	320H0260	Trương Thảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6658

Trang: 1/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 120 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0012	Phan Quỳnh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0224	Nguyễn Khánh Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0232	Dương Nguyễn Quỳnh Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0155	Lê Đỗ Gia Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0166	Hà Anh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0357	Phạm Thị Quỳnh Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0255	Bùi Ngọc Quỳnh Mi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320H0068	Lê Thị Huỳnh Nha			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0203	Văn Đào Phương Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0269	Lê Nguyễn Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0271	Trần Nguyễn Mai Oanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0385	Lê Tân Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0118	Trần Tiến Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0079	Đỗ Thị Ngọc Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0147	Lê Thị Hoàng Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0087	Nguyễn Thị Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0091	Phạm Ngọc Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	320H0094	Nguyễn Ngọc Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0309	Phạm Thị Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0191	Lê Tường Vi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6658

Trang: 2/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 120 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0313	Nguyễn Tường Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6659

Trang: 1/2

Phòng thi: A710

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê-nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 120 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0203	Nguyễn Huệ	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0018	Hoàng Thái	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	720H1455	Nguyễn Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	720H0322	Trương Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0163	Võ Thị Giáng	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0173	Hoàng Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0303	Huỳnh Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	720H1468	Đỗ Thị Trúc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	220H0387	Lê Lâm Gia	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	720H1470	Dương Bảo	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0312	Nguyễn Hoàng Phương	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	720H0358	Phù Thị Yến	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	220H0419	Nguyễn Thị Kim	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	120H0036	Mai Văn	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0314	Trần Tân	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	720H0778	Lê Thị Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0340	Lê Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0156	Phạm Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0356	Nguyễn Thanh Thùy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0359	Phan Trung	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6659

Trang: 2/2

Phòng thi: A710

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Triết học Mác - Lê nin (306102 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 120 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	720H1139	Lê Đình Kiều	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	320H0253	Phạm Thị	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	720H1142	Trần Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6795

Trang: 1/2

Phòng thi: B202

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Luật hình sự (E01005 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	71400528	Đỗ Quang Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E1600069	Hồ Ngọc	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E1701212	Nguyễn Thế	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E1701222	Bùi Thị Hồng	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	A1600154	Nguyễn Đoàn Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E1701035	Nguyễn Ngọc	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E1800573	Nguyễn Quang	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1701252	Nguyễn Văn	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000082	Vũ Bảo	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E1701044	Đinh Văn	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E1701289	Lê Thị	Liêu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1701292	Lâm Nhật	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E1701590	Lê Duy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E1701595	Trần Hoàng	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1701304	Nguyễn Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1701389	Trương Lê Duy	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1500034	Nguyễn Thị Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E1701641	Trần Quốc	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E1701449	Nguyễn Thị Nhựt	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1600315	Nguyễn Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6795

Trang: 2/2

Phòng thi: B202

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Luật hình sự (E01005 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E1800678	Tăng Thị Thanh	Trúc		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E1800680	Trương Thị Minh	Tú		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6642

Trang: 1/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:30

Lần:1

Môn học: Vật liệu xây dựng (800042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000003	Phạm Văn An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000438	Phan Trọng Bửu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000445	Nguyễn Phú Thiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000331	Nguyễn Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000027	Trần Quốc Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000333	Lê Huỳnh Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000034	Phạm Văn Được			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000451	Lê Hoàng Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000454	Nguyễn Thái Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000455	Phạm Văn Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000460	Nguyễn Trọng Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000049	Lê Minh Hòa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000212	Đinh Thanh Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000464	Nguyễn Tiến Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000342	Đào Ngọc Hùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000058	Bùu Hoàng Nhật Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000059	Đoàn Tân Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000060	Huỳnh Khắc Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000345	Lâm Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000067	Nguyễn Quốc Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6642

Trang: 2/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:30

Lần:1

Môn học: Vật liệu xây dựng (800042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000099	Huỳnh Công	Luận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000221	Nguyễn Hoàng	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000120	Hoàng Linh	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000128	Nguyễn Văn	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000145	Phùng Nguyễn Nhật	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000155	Phạm Quốc	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000176	Nguyễn Huỳnh Gia	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	82000180	Huỳnh Châu Hữu	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	82000234	Ngô Minh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	82000204	Huỳnh Ngọc Phương	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6646

Trang: 1/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:29

Lần:1

Môn học: Vật liệu xây dựng (800042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000324	Lê Mai	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000434	Nguyễn Thế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000439	Phan Chí	Cao		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000440	Lâm Bình	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	71901993	Cao Minh	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000446	Nguyễn Tuấn	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000448	Phan Thanh	Điền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000028	Lê Nhựt	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000208	Lê Hoàng	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000453	Nguyễn Minh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000469	Đỗ Tân	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000216	Lê Đức	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000066	Nguyễn Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000473	Trương Văn	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000480	Châu Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000487	Nguyễn Văn Duy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000350	Nguyễn Văn	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000104	Phùng Đức	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000107	Lê Bảo Huyền	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000121	Bùi Đặng Trọng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6646

Trang: 2/2

Phòng thi: B206-B

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:29

Lần:1

Môn học: Vật liệu xây dựng (800042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000127	Nguyễn Trần Quốc	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000130	Trần Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	81900433	Nguyễn Thanh	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000150	Nguyễn Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000370	Phan Sỹ	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	81900359	Nguyễn Văn	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000169	Lê Trung	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	82000196	Phạm Thùy	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	82000201	Nguyễn Hữu	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6796

Trang: 1/2

Phòng thi: B209

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Luật hình sự (E01005 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E2000338	Võ Đặng Huỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E2000347	Văn Quý Hoa	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E2000363	Trần Thị Phượng	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000371	Lương Văn	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000130	Phạm Nguyễn Gia	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E2000410	Nguyễn Quốc	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000144	Hồ Long	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E2000414	Lý Ái	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000416	Nguyễn Yên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E2000426	Đỗ Tiến	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000172	Nguyễn Thị Thục	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E2000434	Nguyễn Tất	Quyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000437	Phạm Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E2000443	Nguyễn Lưu Bảo	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E2000190	Ngô Thị Trung	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E2000191	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000198	Hồ Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E2000452	Huỳnh Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E2000455	Nguyễn Thị Hiền	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E2000217	Trần Huỳnh	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6796

Trang: 2/2

Phòng thi: B209

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:23

Lần:1

Môn học: Luật hình sự (E01005 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E2000223	Nguyễn Thị Tú	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000468	Nguyễn Thị Kim	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E2000478	Lê Nhựt Quỳnh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6725

Trang: 1/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Đại số tuyến tính 1 (C03003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C2000001	Lê Hoàng Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C2000076	Lê Thụy Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	C2000126	Võ Văn	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	C2000008	Trương Ngô Tấn	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	C2000188	Lý Trường	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	C2000190	Trần Thị Thu	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C2000191	Nguyễn Thành	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C2000194	Trần Thanh	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C2000022	Nguyễn Dương	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	C2000026	Trần Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	C2000132	Đỗ Như	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C2000134	Trần Gia	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	C2000196	Nguyễn Minh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	C2000139	Nguyễn Hồng	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C2000031	Vũ Thị	Liễu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	C2000035	Vũ Quang	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C2000050	Vũ Thị Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	C2000056	Nguyễn Ngọc Thiên	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	31900552	Lê Thị Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	C1900178	Nguyễn Tuyết	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6725

Trang: 2/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:22

Lần:1

Môn học: Đại số tuyến tính 1 (C03003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000064	Trần Duy Anh	Tiến		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C2000065	Lê Thị Thu	Trang		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6643

Trang: 1/2

Phòng thi: B304

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:30

Lần:1

Môn học: Vật liệu xây dựng (800042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000716	Nguyễn Chí	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000742	Hean	Bunkan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000468	Dương Tài	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000476	Nguyễn Vỹ	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000577	Nguyễn Hải Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000481	Lý Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000486	Nguyễn Lê	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000494	Phan Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000499	Phạm Đức	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000500	Huỳnh Thanh	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000580	Huỳnh Tân	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000505	Nguyễn Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000507	Trần Minh	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000508	Lê Đại	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000509	Lê Thành	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000514	Nguyễn Lương	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000517	Phan Anh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000519	Lê Huỳnh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000524	Trương Đỗ Minh	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000525	Nguyễn Phú	Quý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6643

Trang: 2/2

Phòng thi: B304

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:30

Lần:1

Môn học: Vật liệu xây dựng (800042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000743	Kim Sengthay			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000529	Huỳnh Trần Thái	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000534	Nguyễn Văn Tân	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000538	Nguyễn Phương Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000546	Lê Huỳnh Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000549	Đoàn Trọng	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000550	Lê Nguyễn Trọng	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	82000553	Huỳnh Bảo Trấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	82000556	Võ Nguyên Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	82000569	Nguyễn Anh Vũ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6644

Trang: 1/2

Phòng thi: B306-A

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:31

Lần:1

Môn học: Vật liệu xây dựng (800042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000435	Nguyễn Trung	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000436	Trà Thái Hoàng Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000016	Bùi Lê Quốc	Bửu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81900594	Kheing	Chandara		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000021	Huỳnh Quốc	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000444	Đoàn Bảo	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000447	Trần Văn Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000449	Thái Hoàng	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000450	Khổng Quang	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000062	Lê Anh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000218	Ngô Hoàng	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000081	Hồ Đình	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000090	Nguyễn Vỹ	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000092	Lê Bửu	Kỳ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000348	Võ Duy	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000115	Phan Việt	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000117	Trần Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000222	Lê Thị Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000358	Lương Nhật	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000224	Nguyễn Minh	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6644

Trang: 2/2

Phòng thi: B306-A

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:31

Lần:1

Môn học: Vật liệu xây dựng (800042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000360	Nguyễn Quang Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000132	Đặng Kỳ Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000136	Phạm Xuân Quyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000153	Hồ Đức Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000163	Huỳnh Phước Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000170	Lê Xuân Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000171	Phạm Minh Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	82000186	Phùng Tú Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	82000374	Trần Nguyễn Minh Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	82000189	Lưu Nhật Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	82000378	Lê Quang Vinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6647

Trang: 1/2

Phòng thi: B308

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Vật liệu xây dựng (800042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000715	Trần Việt	Bắc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000717	Lê Đức	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000573	Bùi Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000489	Nguyễn Tân	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000491	Lý Thành	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000579	Trương Hồ	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000501	Trần Thành	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000513	Trần Thanh	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000521	Đinh Diện	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000523	Ngô Trần Kiến	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000584	Hồ Đình	Quý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000527	Đào Văn	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000531	Cao Trần Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000535	Trần Ngọc	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000726	Lương Chánh	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000585	Bùi Duy	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000537	Đoàn Trung	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000543	Huỳnh Nhật	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000586	Trịnh Phúc	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000554	Nguyễn Đức	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6647

Trang: 2/2

Phòng thi: B308

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Vật liệu xây dựng (800042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000557	Lê Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000559	Lê Quốc	Triệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000562	Trương Hiếu	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000730	Lê Phan Nhật	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000565	Lê Văn	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000568	Nguyễn Quốc	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000590	Phạm Hoàng Anh	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6792

Trang: 1/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Luật hình sự (E01005 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E2000333	Nguyễn Ngọc Bảo	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E2000007	Nguyễn Thị Thúy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E2000008	Trần Ngọc Quế	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000335	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000336	Nguyễn Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E2000030	Lưu Huỳnh Bảo	Di		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000037	Trần Lý Tiến	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E2000044	Mai Thúy	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000049	Tạ Nguyễn Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E2000053	Vương Huỳnh Ngọc	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000073	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1701265	Bùi Duy	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000076	Mai Văn	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E2000276	Lê Hồng	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E1701049	Lý Châu Ngọc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E2000105	Nguyễn Lê Ban	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E1701313	Trần Công	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E2000291	Trần Thị Mộng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E2000171	Lê Thị Vân	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E1701423	Lê Công	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6792

Trang: 2/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Luật hình sự (E01005 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E2000199	Nguyễn Hoài	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000298	Phạm Trần Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E2000203	Võ Ngọc Ái	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E2000315	Vũ Thúy	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E1800698	Lê	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E2000253	Nguyễn Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6726

Trang: 1/2

Phòng thi: B402

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:24

Lần:1

Môn học: Đại số tuyến tính 1 (C03003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C2000266	Huỳnh Thị Kim Chung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C2000273	Nguyễn Thị Hiếu Kiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	C2000197	Dương Trần Thanh Lam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	C2000198	Phan Thị Yến Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	C2000199	Lê Hàm Miên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	C2000200	Đỗ Anh Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C2000203	Nguyễn Vĩnh Kỳ Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C2000204	Nguyễn Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C2000207	Nguyễn Lê Hoài Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	C2000208	Trần Thanh Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	C2000274	Nguyễn Ngọc Tâm Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C2000213	Lê Thị Bích Phượng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	C2000275	Nguyễn Thị Ngọc Sương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	C2000217	Huỳnh Xuân Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C2000219	Nguyễn Tân Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	C2000260	Nguyễn Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C2000261	Nguyễn Hoài Thường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	C2000224	Nguyễn Kim Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	C2000228	Võ Hữu Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	C2000233	Vòng Trung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6726

Trang: 2/2

Phòng thi: B402

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:24

Lần:1

Môn học: Đại số tuyến tính 1 (C03003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000277	Huỳnh Quốc Anh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C2000234	Đào Nguyễn Mỹ	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	C2000236	Hồ Nguyễn Hiếu	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	C2000237	Lê Công	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6645

Trang: 1/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:32

Lần:1

Môn học: Vật liệu xây dựng (800042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000570	Nguyễn Thanh An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000452	Nguyễn Hoàng Nhật Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000462	Nguyễn Đức Hòa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000470	Huỳnh Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000471	Nguyễn Triệu Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000576	Trần Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000474	Nguyễn Huỳnh Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000478	Châu Nguyễn Minh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000719	Nguyễn Đắc Thắng Lợi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000492	Nguyễn Trọng Luân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000493	Nguyễn Phạm Hoàng Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000496	Nguyễn Hiếu Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000498	Nguyễn Minh Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000503	Trương Quang Nho			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000504	Nguyễn Văn Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000515	Trần Đăng Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000516	Trương Quang Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000522	Lê Đắc Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000528	Đinh Tiến Sĩ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000530	Trương Hoài Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6645

Trang: 2/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:32

Lần:1

Môn học: Vật liệu xây dựng (800042 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000532	Nguyễn Bá	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000533	Lục Phi	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000541	Đặng Trường	Thọ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000542	Nguyễn Minh	Thoại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000547	Nguyễn Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000729	Nguyễn Thương	Tính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000552	Lê Xuân	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	82000555	Trần Đình	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	82000558	Nguyễn Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	82000587	Phạm Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	82000561	Nguyễn Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	82000564	Trần Thanh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6793

Trang: 1/2

Phòng thi: B406-B

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Luật hình sự (E01005 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E2000337	Phạm Nguyễn Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E2000339	Ngô Thị	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E2000342	Trần Minh	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000343	Hà Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000344	Lê Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E2000348	Võ Thị Ngọc	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000351	Phan Thị Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E2000352	Nguyễn Đăng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000356	Trương Hoàng	Giàu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E2000358	Đặng Thị Bích	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000359	Lê Thị Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E2000361	Đinh Thị	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000369	Nguyễn Công	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E2000372	Nguyễn Đức	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E2000373	Nguyễn Thị Phương	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E2000374	Đỗ Hữu	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000376	Nguyễn Mậu	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E2000377	Lư Minh	Hu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E2000378	Trương Thị	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E2000380	Nguyễn Huỳnh Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6793

Trang: 2/2

Phòng thi: B406-B

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Luật hình sự (E01005 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E2000381	Nguyễn Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000383	Nguyễn Minh Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E2000388	Nguyễn Thị Kiều			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E2000393	Lê Thành Luật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E2000398	Phạm Nguyễn Đăng Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E2000405	Nguyễn Thị Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E2000406	Nguyễn Thị Hồng Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6794

Trang: 1/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Luật hình sự (E01005 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E2000407	Trần Thị Khánh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E2000411	Chu Thị Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E2000413	Hồ Hoài	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000415	Nguyễn Quỳnh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000417	Vương Tử Ý	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E2000418	Đỗ Nguyễn Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000420	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E2000424	Nguyễn Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000427	Lê Hoàng Nhật	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E2000430	Hoàng Đức	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000435	Hồ Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E2000441	Nguyễn Thành	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000442	Lê Kiều Mỹ	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E2000445	Đặng Phú	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E2000446	Hứa Võ Huy	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E2000447	Nguyễn Quốc	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000448	Nguyễn Văn	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E2000457	Lê Trần Việt	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E2000458	Nguyễn Lê Thùy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E2000460	Trần Trung	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6794

Trang: 2/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Luật hình sự (E01005 - 4 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E2000462	Nguyễn Thị Như	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000464	Lê Hoàng Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E2000465	Lương Thị Minh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E2000466	Nguyễn Thị Kiều	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E2000467	Đặng Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E2000476	Võ Thị Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E2000480	Nguyễn Ngọc Ánh	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	E2000483	Phạm Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....		1/ .....		.....	.....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6590

Trang: 1/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Hóa đại cương B (602021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000955	Cao Thụy Thuận	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	62000956	Huỳnh Thị Vân	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000958	Phạm Khánh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61503080	Vũ Duy	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62000961	Phan Thị Mộng	Cầm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000966	Nguyễn Thành	Đông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000969	Đinh Nguyễn Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62000375	Đỗ Bảo	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	62000972	Trần Thế	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000379	Đào Văn	Giàu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62000978	Nguyễn Phước	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	62000979	Phạm Ngọc	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62000980	Võ Đông	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000981	Nguyễn Vũ Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000983	Huỳnh Nhựt	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000386	Lê Trình Trung	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000984	Nguyễn	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000985	Bùi Minh	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62000388	Nguyễn Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000987	Đào Gia	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6590

Trang: 2/2

Phòng thi: B504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Hóa đại cương B (602021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000703	Nguyễn Đình Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62000705	Hồ Thị Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	61703163	Nguyễn Trung Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62000721	Nguyễn Hồng Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	61603130	Nguyễn Thụy Như Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	62000507	Huỳnh Trọng Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	62000516	Phan Tân Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6591

Trang: 1/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:29

Lần:1

Môn học: Hóa đại cương B (602021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000990	Nguyễn Thị Định	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	62000997	Huỳnh Thê	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000998	Trần Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62001000	Trương Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62001002	Lương Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62001003	Nguyễn Kim	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62001007	Lê Thị Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62001015	Phan Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	62001018	Bùi Ngọc	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62001021	Lê Đình Trung	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62001023	Trịnh Thị	Nhị		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	62001027	Huỳnh Thanh	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62001030	Lê Thị	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62001041	Phan Phú	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62001043	Đào Thị Thảo	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62001048	Phan Ngọc Thanh	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62001052	Nguyễn Thị	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62001053	Nguyễn Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62001054	Phạm Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62001056	Tạ Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6591

Trang: 2/2

Phòng thi: B505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:29

Lần:1

Môn học: Hóa đại cương B (602021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62001057	Nguyễn Phạm Minh	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62001071	Lê Khánh	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62001086	Hùynh Thanh	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62001087	Trương Thị Kim	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62001088	Nguyễn Hữu	Tỷ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	91800546	Đặng Thị Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	62001093	Nguyễn Lê Thanh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	62001094	Nguyễn Lê Trúc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	62001097	Phạm Hoàng Bảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6592

Trang: 1/2

Phòng thi: B506-A

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:33

Lần:1

Môn học: Hóa đại cương B (602021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000957	Nguyễn Thái An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	62000959	Dương Uyên Ân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000347	Nguyễn Lê Văn Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000960	Nguyễn Thị Kim Ánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62000362	Hồ Ngọc Chăm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000963	Trương Huỳnh Châu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000964	Kiều Quyết Chiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62000965	Vũ Tiến Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	62000688	Nguyễn Thị Thanh Diệu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000967	Nguyễn Đỗ Hoàng Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62000971	Huỳnh Khánh Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	62000973	Huỳnh Võ Trường Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62000975	Đinh Thị Xuân Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000977	Nguyễn Thị Ngọc Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000383	Lê Tăng Gia Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000982	Trần Ngọc Khà Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000986	Trần Thị Thanh Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000988	Phan Nhật Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62000989	Trần Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000424	Nguyễn Ngọc Như Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6592

Trang: 2/2

Phòng thi: B506-A

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:33

Lần:1

Môn học: Hóa đại cương B (602021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000436	Nguyễn Xuân Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62000711	Vũ Nguyễn Thảo My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62000473	Trương Hà Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62000490	Phan Thiện Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	61703240	Kim Thị Ngọc Oanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	62000728	Lý Phước Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	62000511	Nguyễn Nhật Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	62000532	Nguyễn Thị Bích Thủy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	62000736	Trần Thị Thu Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	62000737	Hồ Quang Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	62000539	Hồ Ngọc Bích Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	61900888	Huỳnh Phúc Viễn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	62000744	Tòng Phạm Kiều Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6727

Trang: 1/1

Phòng thi: B508

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:18

Lần:1

Môn học: Đại số tuyến tính 1 (C03003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C2000182	Bùi Quốc Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C2000183	Phan Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	C2000184	Phan Nguyễn Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	C2000185	Trần Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	C2000011	Lê Thị Thuỳ	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	C2000189	Nguyễn Khánh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C2000020	Tất Dư Thị	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C2000192	Võ Thị Mỹ	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C2000193	Lê Đức	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	C2000032	Lê Nhật	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	C2000201	Đinh Huyền	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C2000202	Nguyễn Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	C2000036	Phan Lê	Na		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	C1703059	Hà Thái	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C2000150	Võ Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	C2000063	Lê Thanh Hải	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C2000156	Đinh Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	C2000158	Cao Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6728

Trang: 1/2

Phòng thi: B509

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Đại số tuyến tính 1 (C03003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C2000265	Phạm Bích	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C2000268	Phạm Thị Thùy	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	C2000205	Phạm Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	C2000206	Đặng Thị	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	C2000209	Phạm Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	C2000291	Võ Ngọc Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C2000210	Phạm Nguyễn Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C2000212	Nguyễn Minh Hoàng	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C2000215	Nguyễn Thị	Sen		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	C2000220	Võ Ngọc	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	C2000222	Nguyễn	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C2000223	Đặng Nguyễn Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	C2000227	Phan Lê Hoàng	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	C2000229	Đặng Thị Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C2000230	Đồng Thị Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	C2000232	Lê Đức	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C2000235	Lê Thị Hồng	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	C2000278	Mai Nguyễn Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	C2000279	Nguyễn Mẫn Minh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	C2000238	Nguyễn Thị Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6728

Trang: 2/2

Phòng thi: B509

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Đại số tuyến tính 1 (C03003 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000239	Phùng Thị Thu	Yến		•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6593

Trang: 1/2

Phòng thi: C201

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:34

Lần:1

Môn học: Hóa đại cương B (602021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000993	Phan Trần Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	62001001	Lê Thành	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62001006	Trương Công	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62001009	Phạm Hoàng	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62001012	Nguyễn Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62001013	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62001014	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62001016	Phan Thị Mỹ	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	62001019	Phạm Hùng	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62001022	Dương Linh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62001024	Hoàng Trần Thảo	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	62001025	Nguyễn Kim Tuyết	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62001026	Nguyễn Thị Quỳnh	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62001028	Nguyễn Gia	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62001033	Nguyễn Ngọc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62001040	Phạm Lê Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62001046	Nguyễn Xuân	Thắm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62001047	Nguyễn Thị Tâm	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62001055	Phan Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62001059	Bùi Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6593

Trang: 2/2

Phòng thi: C201

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:34

Lần:1

Môn học: Hóa đại cương B (602021 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62001060	Nguyễn Thùy Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62001067	Nguyễn Tân	Tiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62001068	Đặng Trọng	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62001073	Lê Nguyễn Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62001078	Nguyễn Quang	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	62001079	Phan Phước	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	62001081	Phan Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	62001084	Huỳnh Thanh	Tuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	62001085	Nguyễn Lê	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	62001089	Nguyễn Phùng Thảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	62001092	Hồ Ngọc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	62001095	Nguyễn Ngọc Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	62001096	Nguyễn Thị Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	62001098	Trần Mai	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6618

Trang: 1/2

Phòng thi: C211

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Nhập môn khu vực học (303003 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000468	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32000817	Hoàng Thị Hương	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000491	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32000497	Lữ Phúc Lục	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000822	Lưu Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32001239	Nguyễn Thị Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32000829	Lê Hoàng	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32001248	Trịnh Bảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32000840	Lê Trung	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32000534	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32000536	Nguyễn Hồng	Nhiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32000549	Nguyễn Bá	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32001276	Lê Thị Hồng	Son		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32001279	Nguyễn Khắc	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32001282	Trịnh Việt	Thân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000852	Đoàn Thị Minh	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32000581	Trần Nhã	Thuy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000590	Nguyễn Thị Ngọc	Trầm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000592	Phạm Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000593	Phạm Thị Huế	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6618

Trang: 2/2

Phòng thi: C211

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 10:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Nhập môn khu vực học (303003 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32000597	Đặng Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000601	Nguyễn Thị	Tư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32001299	Lê Thị Kim	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32001304	Nguyễn Thị Khánh	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32001306	Cao Thị Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32001309	Trịnh Vũ Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6729

Trang: 1/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 131 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000182	Trần Gia Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000185	Cao Nguyên Bình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000193	Nguyễn Phúc Bảo	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000196	Nguyễn Tiến Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52000643	Nguyễn Tân Điền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000197	Huỳnh Huỳnh Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000647	Võ Hoàng Đức			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000651	Huỳnh Kiên Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000755	Ngô Trác Hi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32001017	Lý Thị Ngọc Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000661	Phan Xuân Hiền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000756	Nguyễn Minh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000668	Nguyễn Trần Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000217	Tô Ngọc Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52000674	Phan Văn Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000829	Lê Hoàng Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32000833	Hà Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000915	Nguyễn Thị Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000238	Ngô Trọng Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	12000306	Khưu Thị Kim Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6729

Trang: 2/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 131 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000091	Huỳnh Phúc	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000840	Lê Trung	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	12000183	Nguyễn Ngọc Phương	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	52000253	Phạm Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	52000139	Nguyễn Trường	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000958	Nguyễn Thanh Diễm	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52000283	Trần Thị Cẩm	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	52000152	Nguyễn Trần Minh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6730

Trang: 1/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 131 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32001194	Lê Hà Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000626	Phạm Quốc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000826	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000832	Lâm Gia	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32001208	Nguyễn Thị	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32001220	Diệp Hồng	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32001221	Võ Nguyễn Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32001137	Vũ Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C2000026	Trần Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32001145	Nguyễn Hoàng	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32001045	Huỳnh Thị Thanh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000784	Huỳnh Lê Nhất	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000580	Trương Thiều Khoa	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000504	Đặng Công	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000448	Trần Thị Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000511	Nguyễn Thanh	Quí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32001278	Bùi Thị Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000515	Phan Nguyễn Huy	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000803	Phạm Cao	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32001087	Phan Thị Thu	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6730

Trang: 2/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 131 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	22000409	Võ Thu	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000451	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32001175	Nguyễn Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	52000809	Nguyễn Đức Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	C2000228	Võ Hữu	Tiễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	C2000156	Đinh Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32001296	Ngô Thị	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	32001300	Lê Thị Thu	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	22000444	Trần Nguyễn Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6731

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 131 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D2000253	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	12000501	Phan Nguyễn Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	92000329	Dương Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	D2000020	Phan Thị Kim	Chăm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001322	Hơn Ngọc	Chân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	71901321	Phạm Thị Diệp	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	D2000033	Tôn Thị Thùy	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D2000034	Bùi Đắc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D2000036	Nguyễn Tiến Hoàng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	C2000268	Phạm Thị Thùy	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	D2000394	Trần Đại Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	92000304	Nguyễn Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	92000307	Lê Nguyễn Quỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	D2000062	Hứa Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001354	Nguyễn Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000650	Nguyễn Trần Hoàng	Lai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	D2000406	Trần Cao	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	D2000106	Phạm Nguyễn Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	D2000109	Trần Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D2000415	Trần Thị Cẩm	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6731

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:29

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 131 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72000985	Nông Thị Kim Oanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D2000246	Nguyễn Thị Thùy Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000427	Nguyễn Thạch Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72001631	Lâm Kim Thoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D2000430	Đinh Song Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	D2000182	Đoàn Thị Ngọc Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	72001557	Hồ Cao Thực Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	72001746	Mai Đặng Mỹ Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	D2000226	Bùi Vũ Lê Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6732

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 132 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A2000166	Nguyễn Thị Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	22000343	Ngô Nguyễn Thục	Đoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001144	Đỗ	Đồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	22000357	Phạm Thị	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000897	Đỗ Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	22000053	Hồ Hiểu	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000890	Nguyễn Công	Hoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	A2000288	Hồ Ngọc Mỹ	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000196	Nguyễn Phi	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000292	Lê Minh	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	A2000310	Nguyễn Thị Hương	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001223	Nguyễn Trần Ngọc	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	22000396	Trần Thị Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000933	Võ Thị Đo	Ni		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	22000406	Lê Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	22000410	Nguyễn Trung	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32000186	Nguyễn Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000285	Đinh Phước	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001256	Nguyễn Phước	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001088	Hoàng Trần Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6732

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 132 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000915	Vũ Văn Tiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	22000422	Nguyễn Thị Bảo Trân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	A2000137	Bùi Thị Thanh Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	22000432	Phạm Thị Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001094	Nguyễn Minh Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000974	Trần Cát Tường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	22000214	Nguyễn Phùng Diễm Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....		1/ .....		.....	.....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6733

Trang: 1/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 132 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000349	Lâm Thị Thu	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E2000347	Văn Quý Hoa	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000628	Nguyễn Thanh	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B2000358	Trần Thị Mỹ	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000416	Đặng Nhật	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000633	Đào Gia	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B2000367	Phạm Thế	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72000322	Trần Thị Diễm	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B2000372	Nguyễn Tuân	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001497	Vũ Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B2000274	Kha Thị	Muội		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001520	Lê Thị Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32001162	Nguyễn Thị Tố	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000516	Trương Quang	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62001034	Trần Thị Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32001170	Trần Trúc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000443	Nguyễn Lưu Bảo	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E2000191	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E2000199	Nguyễn Hoài	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E2000455	Nguyễn Thị Hiền	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6733

Trang: 2/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 132 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B2000176	Trần Phạm Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000427	Nguyễn Hữu	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72000461	Nguyễn Đoan	Thục		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E2000203	Võ Ngọc Ái	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32001291	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E2000315	Vũ Thúy	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E2000478	Lê Nhựt Quỳnh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B2000443	Chí Mỹ	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6734

Trang: 1/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 132 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H2000354	Mạc Thiện Mai	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000725	Trần Trí	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000618	Nguyễn Thành	Điền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000622	Trần Vũ Phương	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000317	Huỳnh Hoàn	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H2000382	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000462	Nguyễn Đức	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000760	Lý Phi	Học		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001319	Lê Thế Khánh	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H2000395	Huỳnh Nhật	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000765	Nguyễn Võ Công	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H2000412	Nguyễn Gia	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001053	Đàm Khánh	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H2000423	Nguyễn Lương Khánh	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001705	Trịnh Ngọc Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000500	Huỳnh Thanh	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000788	Nguyễn Trần Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001074	Đỗ Minh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001083	Lê Phước	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	02000930	Nguyễn Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6734

Trang: 2/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 132 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	02000931	Đoàn Thị Thu	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	42001274	Nguyễn Văn	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000939	Hồ Thị Bích	Tuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	12000414	Huỳnh Nguyễn Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000708	Mai Thanh	Viên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000712	Đỗ Thị Thanh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	H2000513	Trương Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	72001758	Phạm Thị Kim	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trưởng Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6735

Trang: 1/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 133 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000754	Trần Quế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	62000767	Đặng Cao Trúc	Đoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000776	Nguyễn Thị Thuỳ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000777	Phạm Thùy Khánh	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62000778	Hồ Phương	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001313	Lưu Thế	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000784	Nguyễn Trọng	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62000787	Nguyễn Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000888	Nguyễn Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001322	Huỳnh Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000811	Nguyễn Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000819	Trần Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001330	Phan Quang	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001200	Từ Quốc	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001332	Phạm Vũ Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000137	Ngô Thị Giáng	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000177	Trần Thị Thanh	Nhàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001226	Huỳnh Thiên	Pháp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001227	Lê Phúc	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000507	Huỳnh Trọng	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6735

Trang: 2/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 133 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001370	Bùi Phú	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62000263	Ngô Thị Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001095	Trần Cảnh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41801262	Võ Minh	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001379	Nguyễn Xuân	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001103	Nguyễn Trọng	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42001385	Trần Anh Đạt	Văn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6736

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 133 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D2000380	Phan Bửu	Bửu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	D2000389	Trần Thị Kiều	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	A2000287	Phạm Trương Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000375	Nguyễn Mai	Hoàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000377	Lư Minh	Hu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000803	Huỳnh Thị Kim	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000814	Trương Thị Nhật	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72001690	Phạm Thị Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000311	Lưu Thái	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D2000301	Nguyễn Thị Phương	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62000846	Nguyễn Thị Quyền	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	62000850	Võ Nguyễn Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	D2000127	Hoàng Thanh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000860	Lầu Thiệu	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000869	Đào Nhật	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D2000142	Lâm Trí	Quyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000882	Nguyễn Tân	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	D2000153	Thái Tân	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	D2000160	Nguyễn Thạch Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D2000166	Trần Châu	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6736

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 133 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000903	Phan Trần Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62000913	Trần Thị Cẩm	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62000943	Phạm Thùy	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000345	Trần Thị Cẩm	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D2000224	Trần Thị Hồng	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	D2000225	Phạm Quốc	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	62001096	Nguyễn Thị Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6737

Trang: 1/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 133 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000604	Bùi Hoàng Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000616	Phạm Quốc Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000617	Võ Minh Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H2000370	Nguyễn Khánh Đoan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H2000371	Huỳnh Huyền Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	92000331	Trần Quốc Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H2000212	Huỳnh Trần Mỹ Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H2000381	Đào Nguyễn Mỹ Hạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H2000052	Nguyễn Tâm Hảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D2000047	Nguyễn Lê Trung Hoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H2000072	Huỳnh Đỗ Nhả Khanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	92000309	Võ Đức Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000648	Thái Quốc Kiến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001051	Nguyễn Hải Luân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	D2000405	Phan Hoàng Tuyết Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H2000264	Huỳnh Phương Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001386	Nguyễn Thanh Nhàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000666	Nguyễn Thị Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H2000299	Thái Việt Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D2000425	Trần Nguyễn Việt Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6737

Trang: 2/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 133 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H2000470	Nguyễn Trang	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D2000428	Phạm Huỳnh Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000431	Châu Ngọc	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000689	Nguyễn Thanh	Trà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	H2000485	Cáp Ngọc Kim	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	H2000489	Nguyễn Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	D2000439	Hà Mẫn	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	82000706	Võ Hồ Tú	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6738

Trang: 1/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 134 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A2000277	Trương Tô Hoài	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	A2000165	Nguyễn Huỳnh Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000753	Phạm Diễm Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000758	Đoàn Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	A2000280	Nguyễn Lê Vân	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	A2000029	Trương Nhật	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	A2000186	Trần Thụy Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	A2000285	Quách Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000203	Trương Thị Thanh	Lệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000062	Võ Cẩm	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	A2000300	Châu Quế	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	A2000301	Phùng Thị Thảo	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62000839	Nguyễn Thị Tú	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A2000314	Nguyễn Hiền	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000315	Nguyễn Phạm Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	A2000111	Nguyễn Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	A2000235	Phạm Nguyễn Ngọc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000957	Đỗ Ngọc	Thạch		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000813	Đỗ Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	A2000247	Nguyễn Duy	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6738

Trang: 2/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 134 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	A2000126	Trương Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000335	Nguyễn Hoàng Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62000736	Trần Thị Thu	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62000916	Đinh Minh	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42000513	Lê Hồng	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6739

Trang: 1/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 134 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000958	Phạm Khánh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C2000265	Phạm Bích	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	C2000011	Lê Thị Thuỳ	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000037	Trần Lý Tiến	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000351	Phan Thị Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72001069	Hoàng Thanh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000973	Huỳnh Võ Trường	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E2000044	Mai Thúy	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72000299	Nguyễn Lê Như	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E2000053	Vương Huỳnh Ngọc	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000076	Mai Văn	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C2000286	Nguyễn Hoàng Minh	Khan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62000891	Nguyễn Ngọc	Thạch		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000897	Lê Thị Hồng	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72000705	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000910	Bùi Đoan Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000925	Võ Huỳnh Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000929	Hoàng Lê Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62001078	Nguyễn Quang	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62001084	Huỳnh Thanh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6739

Trang: 2/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 134 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000978	Nguyễn Vũ	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62001085	Nguyễn Lê	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	A2000346	Mai Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000347	Hà Dương Tuyền	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	A2000349	Nguyễn Thị Trúc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6740

Trang: 1/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 134 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42001121	Hoàng Việt	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	92000330	Tạ Thành	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000594	Lê Thị Hương	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	92000186	Nguyễn Ngọc	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000735	Nguyễn Tấn	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001167	Nguyễn Nhật	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000640	Ngô Việt	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000736	Đỗ Thị Tú	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000247	Đỗ Thành	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000737	Nguyễn Bạch	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000652	Cao Thị Mai	Lý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000521	Phạm Hà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H2000429	Nguyễn Thu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	D2000119	Nguyễn Đoàn Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	92000196	Sử Thị Thanh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	92000388	Nguyễn Long	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000415	Nguyễn Quỳnh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E2000291	Trần Thị Mộng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001224	Võ Lê Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	92000200	Nguyễn Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6740

Trang: 2/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 134 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	92000344	Phan Văn Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000436	Nguyễn Thị Hương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000599	Dương Đinh Thắng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000823	Nguyễn Hồ Xuân Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E2000458	Nguyễn Lê Thùy Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E2000465	Lương Thị Minh Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000405	Nguyễn Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6741

Trang: 1/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 135 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000850	Trịnh Quốc Ân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000792	Lưu Chí Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000796	Nguyễn Châu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001305	Đặng Đức Chính			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000869	Nguyễn Hiển Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001002	Nguyễn Văn Doanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000873	Nguyễn Thanh Dương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000884	Tô Gia Huệ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000915	Nguyễn Trung Kiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000808	Lưu Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000885	Hồ Thiên Kim			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000905	Huỳnh Thị Kim Nguyệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000939	Phan Thị Mỹ Phụng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001356	Lâm Tuấn Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000946	Phan Đình Quốc Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000880	Nguyễn Đức Thái Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000885	Trương Thị Mỹ Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000924	Nguyễn Trần Mai Thi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000962	Lê Quốc Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001259	Đỗ Xuân Thông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6741

Trang: 2/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 135 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000719	Huỳnh Trí Thông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000954	Trần Thị Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62000923	Trần Bảo Trân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001282	Trần Khánh Tùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32000986	Lê Hoàng Vỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000989	Triệu Nguyễn Phi Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên:
1/ .....		1/ .....		.....	.....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6742

Trang: 1/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 135 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C2000241	Hà Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E2000337	Phạm Nguyễn Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B2000345	Trần Quốc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000338	Võ Đặng Huỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	C2000242	Nguyễn Thị Linh	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72000811	Dương Thị Bích	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32001130	Phan Thị Ngọc	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C2000188	Lý Trường	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E2000361	Đinh Thị	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001672	Phùng Duy	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32001140	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C2000247	Hoàng Thị Ngọc	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32001150	Đặng Quốc	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001610	Trần Lê Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000844	Nguyễn Hoàng Uyển	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000845	Nguyễn Ngọc Ý	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001526	Văn Ý	Nhiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B2000393	Nguyễn Thị Hoài	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	C2000257	Trần Huỳnh Kim	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	C2000258	Bùi Ngân	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6742

Trang: 2/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 135 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72001540	Vũ Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B2000403	Nguyễn Lê Vĩnh	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32001173	Nguyễn Trần Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	C2000259	Phan Quốc	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32001177	Nguyễn Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	C2000180	Phan Thị Minh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32001185	Châu Lê Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6743

Trang: 1/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 135 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000553	Lâm Thiên	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000012	Lê Nguyễn Hồng	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001143	Trần Văn Bá	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72001655	Hồ Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	22000247	Lê Thị Hồng	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	22000248	Bùi Ngọc	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C2000284	Nguyễn Thị Diễm	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	22000362	Trần Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	12000335	Mách Sa	Liêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000364	Phan Thị	Lụa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000581	Phạm Thị Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001693	Phạm Hiểu	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000371	Huỳnh Tú	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	C2000288	Trần Kim	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H2000435	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000596	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhu'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001712	Lê Thị	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000410	Nguyễn Hoàng	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	22000066	Trần Hoàng	Quy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001630	Lê Kim	Thoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6743

Trang: 2/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 135 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000299	Lê Xuân	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C2000301	Trần Thị Thanh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000433	Cao Phạm Hoài	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	H2000493	Nguyễn Lam	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000621	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02000469	Đặng Thị Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	C2000307	Đặng Thị Hồng	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6744

Trang: 1/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 136 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000541	Võ Thanh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000741	Võ Thị Quế	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000828	Trần Bồi	Dân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000649	Đoàn Thanh	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000292	Trần Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32001008	Trương Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32001013	Trần Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	22000360	Lý Giai	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32001224	Nguyễn Thúy	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000758	Trần Đình Thanh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000761	Bùi Tuấn	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32001026	Phạm Phúc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32001028	Nguyễn Thị Nhã	Khâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000678	Phạm Đăng	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32001037	Đậu Nguyễn Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32001039	Nguyễn Kim	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32000522	Võ Thùy Tuyết	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000130	Mai Trúc	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000785	Nguyễn Huỳnh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	22000399	Hoàng Vũ Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6744

Trang: 2/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 136 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000699	Nguyễn Thuận	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000791	Nguyễn Khánh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	52000710	Mai Đắc Thiên	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	22000419	Nguyễn Thị Xuân	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	52000811	Nguyễn Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	52000728	Vũ Mạnh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52000430	Ngô Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6745

Trang: 1/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 136 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32001121	Nguyễn Ngọc Hoài	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C2000184	Phan Nguyễn Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	C2000185	Trần Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32001206	Lê Thị Kim	Cương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72000022	Nguyễn Quốc	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32001127	Nguyễn Tô Linh	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72000814	Tăng Thị Hồng	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72001120	Ngô Tịnh	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32001223	Trần Công	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001589	Nguyễn Thị	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	C2000193	Lê Đức	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001355	Lê Duy	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	C2000199	Lê Hàm	Miên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001608	Nguyễn Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C2000201	Đinh Huyền	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	C2000205	Phạm Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32001264	Nguyễn Hải	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32001265	Phạm Hoàng	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32001282	Trịnh Việt	Thân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	C2000063	Lê Thanh Hải	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6745

Trang: 2/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 136 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000229	Đặng Thị Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72001149	Huỳnh Võ Ái	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	C2000234	Đào Nguyễn Mỹ	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32001301	Nguyễn Hữu Minh	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72000928	Trần Nguyễn Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32001186	Võ Ngô Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	C2000239	Phùng Thị Thu	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6746

Trang: 1/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 136 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D2000370	Nguyễn Lê Trúc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	D2000030	Đặng Đăng	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001588	Huỳnh Lý Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000836	Trần Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001671	Trần Duy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	92000385	Nguyễn Long	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	D2000399	Trịnh Hoàng Tuấn	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	92000338	Lê Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32000315	Nguyễn Trí	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D2000078	Ngô Hồng	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	D2000403	Nguyễn Thị Hải	Lý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000084	Đoàn Ngọc	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	12000533	Trần Mai Ái	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001711	Nguyễn Quốc	Nhụt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52000854	Võ Huy	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D2000420	Nguyễn Vũ Khánh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	12000359	Huỳnh Lê Bảo	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72001730	Trần Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	D2000424	Tống Quốc	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	92000359	Trương Quốc	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6746

Trang: 2/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 136 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	D2000426	Lưu Quốc Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D2000321	Nguyễn Trung Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	12000251	Lâm Trà Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	92000377	Phạm Thụy Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D2000332	Nguyễn Thị Kiều Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	D2000434	Trần Huỳnh Triết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000565	Lê Văn Tuấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Chữ ký: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6747

Trang: 1/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 137 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000992	Trần Đăng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32000994	Điêu Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000995	Dương Hồng	Chương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001138	Nguyễn Đức	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001146	Bùi Việt	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000650	Hoàng Đức	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	22000355	Trần Thị Hà	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001153	Phạm Văn	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	22000359	Tống Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000835	Nguyễn Thị Thanh	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32001022	Đinh Quốc	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32001023	Trần Đình	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	22000361	Trần Thị Thanh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	22000366	Nguyễn Thanh Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	22000089	Nguyễn Thị Thúy	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000917	Huỳnh Thị Kim	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52000786	Nguyễn Thị Thu	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000771	Lư Hoàng	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000944	Dương Trúc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000185	Nguyễn Như	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6747

Trang: 2/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 137 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001089	Nguyễn Ngọc	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000966	Quang Ngọc Khả	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	22000428	Hoàng Thị Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	22000433	Trần Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001099	Nguyễn Lê Minh	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	22000220	Phạm Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	22000447	Lê Hoàng Hải	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	32000274	Nguyễn Tiểu	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trưởng Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6748

Trang: 1/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 137 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000347	Nguyễn Lê Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	62000751	Nguyễn Trần Khánh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000757	Dương Thiên	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B2000351	Lê Trần Thanh	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62000774	Phạm	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000093	Lê Phúc	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000122	Nguyễn Thị Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62000824	Nguyễn Lê Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	62001007	Lê Thị Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000711	Vũ Nguyễn Thảo	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62001014	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	62000153	Trần Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62001019	Phạm Hùng	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32001074	Hồ Hữu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62001033	Nguyễn Ngọc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32001078	Nguyễn Phước	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32001081	Trần Hương	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000516	Phan Tân	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32001288	Vũ Thị	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B2000318	Nguyễn Thị Minh	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6748

Trang: 2/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 137 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000919	Nguyễn Văn	Tốt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32001099	Huỳnh Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62000667	Nguyễn Viết Minh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32001184	Nguyễn Sơn	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32001299	Lê Thị Kim	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B2000227	Phạm Nhật	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	A2000164	Nguyễn Hoàng	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6749

Trang: 1/2

Phòng thi: A710

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 137 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72000537	Nguyễn Huỳnh Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000865	Võ Thị Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	12000323	Nguyễn Hoàng	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000642	Trần Khánh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72000574	Châu Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000877	Huỳnh Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B2000357	Đào Thị	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B2000370	Lý	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000890	Phạm Thị Huyền	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	C2000198	Phan Thị Yến	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000363	Phạm Bích	Lụa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000696	Nguyễn Thị Thảo	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B2000378	Lê Thúy	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000587	Nguyễn Thanh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B2000383	Lại Nguyễn Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000391	Hồng Ngọc	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000911	Vũ Gia	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000916	Nguyễn Thị Trúc	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001072	Trịnh Trọng Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H2000459	Lê Văn	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6749

Trang: 2/2

Phòng thi: A710

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 137 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B2000404	Võ Phạm Hồng	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B2000406	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72001735	Võ Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000669	Trương Lâm Minh	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	C2000224	Nguyễn Kim	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02000932	Nguyễn Ngọc Kim	Tiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B2000432	Hồ Đỗ Mỹ	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B2000433	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6649

Trang: 1/2

Phòng thi: B201

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (E01006 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0315	Hồ Xuân An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0316	Lâm Thảo Phương An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0319	Lê Thụy Vân Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0326	Lâm Ngọc Đình			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0327	Huỳnh Tân Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0222	Nguyễn Thùy Bách Dương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0333	Mai Kỳ Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0223	Trần Thị Hương Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0034	Huỳnh Hồng Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0224	Nguyễn Hoàng Bảo Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0037	Trần Đức Hiển			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0352	Lê Nguyễn Thu Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0353	Võ Lê Trường Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0354	Trần Trọng Khiêm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0357	Phan Vũ Hiểu Lam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1606075	Nguyễn Đức Long			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0376	Nguyễn Thu Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0381	Trần Thị Hồng Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0144	Trần Dương Trí Thiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0289	Hoàng Minh Thông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: ..... Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: ..... Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6649

Trang: 2/2

Phòng thi: B201

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:28

Lần:1

Môn học: Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (E01006 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0412	Trần Ngọc Song	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0419	Cao Ngọc Hồng	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0422	Hoàng Lê Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E20H0171	Đỗ Chí	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E20H0428	Đoàn Nguyên	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E20H0173	Nguyễn Thanh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	E20H0436	Trần Tống Trúc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	E20H0313	Lê Thị	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6797

Trang: 1/2

Phòng thi: B202

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (E01006 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0206	Phạm Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0010	Tô Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0323	Lý	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0016	Đỗ Tân	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0017	Lưu Ngọc Bảo	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0020	Trần Anh	Chương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0329	Nguyễn Bùi Trường	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E1606019	Lê Công	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0238	Nguyễn Kim	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0041	Bùi Thanh	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0245	Trần Hoàng	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E1606028	Nguyễn Tuấn	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000389	Đỗ Nguyễn Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0071	Hứa Nguyễn Bảo	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E2000396	Đặng Thị Cẩm	MẬy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0090	Nguyễn Trung	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000143	Nguyễn Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0131	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0164	Nguyễn Ngọc Minh	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0169	Lê Đỗ Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6797

Trang: 2/2

Phòng thi: B202

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (E01006 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0186	Nguyễn Hồ Thảo	Vy		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0310	Nguyễn Lê	Vy		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6798

Trang: 1/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (E01006 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0338	Lê Ngọc Thanh	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0340	Nguyễn Thị Kim	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0345	Trương Trung	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0349	Ngô Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0359	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0364	Trần Văn	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0365	Nguyễn Phương	Lượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0367	Nguyễn Thanh Trúc	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0374	Nguyễn Ông Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0389	Nguyễn Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0390	Vương Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0391	Đỗ Lê Vân	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0393	Nguyễn Hoàng	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0399	Nguyễn Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0403	Viên Trang	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0410	Nguyễn Trung Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0413	Vũ Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0417	Nguyễn Đắc	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0418	Lê Nguyễn Thu	Trà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0427	Nguyễn Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6798

Trang: 2/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:22

Lần:1

Môn học: Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (E01006 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0430	Huỳnh Ngọc Phương	Uyên		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0433	Trịnh Hoàng Thanh	Vi		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6799

Trang: 1/2

Phòng thi: B208

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (E01006 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0203	Nguyễn Huệ	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0015	Đinh Huỳnh Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0236	Phan Hoàng Mỹ	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0246	Đặng Thị Như	Huỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0248	Huỳnh Ngọc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0250	Nguyễn Diệu	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E18H0201	Lục Kim	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E18H0438	Tô Hương	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0256	Biện Ngọc Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0258	Huỳnh Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0260	Châu Bửu	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0089	Trần Lê Phương	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0095	Trần Thị Ánh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0099	Huỳnh Phúc	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0105	Trương Thị Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0270	Nguyễn Ngọc Nguyên	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0271	Phạm Nguyễn Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E17H0158	Vũ Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0280	Đoàn Trần Vinh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0133	Đỗ Hồ Duy	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6799

Trang: 2/2

Phòng thi: B208

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (E01006 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0135	Bạch Ngọc Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0155	Nguyễn Thị Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0157	Phan Nguyễn Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E20H0159	Thành Thanh Thương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E20H0176	Phạm Thanh Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6800

Trang: 1/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (E01006 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0320	Nguyễn Trần Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0324	Nguyễn Thị Hoàng	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0331	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0335	Nguyễn Hương	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0342	Trần Nguyễn Bích	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0346	Hồ Thị Xuân	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0355	Đặng Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0362	Lâm Gia	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0369	Ngô Thành	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0373	Nguyễn Ngọc Phương	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0377	Nguyễn Tuyết	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0378	Tô Thị Bảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0383	Nguyễn Thị Thúy	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0384	Võ Đăng Khánh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0398	Nguyễn Cát	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0401	Lê Minh Nhật	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0405	Bùi Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0408	Nguyễn Trúc	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0411	Trần Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0297	Phạm Tiến	Tối		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6800

Trang: 2/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:25

Lần:1

Môn học: Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (E01006 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0299	Điều Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0424	Ngô Vĩ	Triệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0425	Lê Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E20H0429	Lê Ngọc Lan	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	E20H0431	Nguyễn Đức Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Chữ ký: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6801

Trang: 1/2

Phòng thi: B211

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (E01006 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0318	Lê Nguyễn Nguyệt	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0204	Nguyễn Lâm Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0011	Trương Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0322	Trương Vũ Bảo	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0212	Thái Minh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0328	Hồ Sĩ Thái	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0330	Nguyễn Nam	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0334	Dương Hoàng	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0336	Trần Mai Ngọc	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0337	Nguyễn Ngọc	Giàu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0239	Phạm Sông	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0045	Đặng Thị Minh	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0096	Võ Thị Bích	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0268	Lê Thị Thanh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0274	Hoàng Ngọc Diễm	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0118	Nguyễn Hà Minh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0123	Võ Phi	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0156	Phạm Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0182	Phạm Nguyễn Thy	Văn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0184	Ngô Thị Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6801

Trang: 2/2

Phòng thi: B211

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:23

Lần:1

Môn học: Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (E01006 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0311	Trương Nguyễn Nhã Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0196	Nguyễn Ngọc Như Ý			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0197	Nguyễn Hoàng Phương Yên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6802

Trang: 1/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (E01006 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E20H0339	Trần Thanh Hải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	E20H0341	Nguyễn Thị Ngọc Hân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	E20H0343	Lê Ngân Hằng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E20H0344	Nguyễn Thị Mỹ Hằng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E20H0350	Trương Thị Phương Hường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E20H0351	Huỳnh Gia Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E20H0358	Tiêu Hoàng Lảm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E20H0368	Phạm Thị Hà My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	E20H0371	Trần Hải Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E20H0375	Nguyễn Thị Thu Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E20H0379	Tống Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E20H0380	Bùi Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E20H0387	Phạm Thị Tuyết Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E20H0392	Phạm Thị An Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E20H0394	Ngô Thị Đan Phượng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E20H0400	Dương Hoàng Minh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E20H0402	Lương Trần Thanh Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E20H0416	Trần Thị Trúc Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E20H0420	Lê Ngọc Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E20H0421	Võ Thị Quỳnh Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6802

Trang: 2/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế (E01006 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E20H0432	Lê Nguyễn Hà	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E20H0434	Lê Anh	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E20H0435	Dương Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E20H0437	Lê Thị Hải	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6603

Trang: 1/2

Phòng thi: B302

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Đọc nâng cao (001306 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020K0226	Nguyễn Trần Hoàng Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020K0228	Lê Tiến Mạnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020K0086	Nguyễn Hải Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020K0233	Nguyễn Quế My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020K0093	Trần Nguyễn Diệu My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020K0235	Trương Nguyễn Ngọc Kim			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020K0282	Hoàng Lê Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020K0115	Nguyễn Đăng Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020K0116	Nguyễn Song			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020K0122	Hồ Ngọc Yến			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020K0285	Nguyễn Thành Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020K0139	Nguyễn Thị Thanh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020K0141	Trang Cẩm Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020K0148	Lê Minh Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020K0156	Bùi Đức Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020K0254	Lê Quang Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020K0258	Trần Ngọc Quỳnh Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020K0259	Lê Quỳnh Ngọc Trân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020K0180	Nguyễn Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020K0272	Phạm Đào Anh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: ..... Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: ..... Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6603

Trang: 2/2

Phòng thi: B302

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Đọc nâng cao (001306 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020K0266	Phan Nhật Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020K0267	Võ Chí Viễn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020K0186	Võ Hoàng Việt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	020K0188	Phan Thị Trúc Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6604

Trang: 1/2

Phòng thi: B303

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Đọc nâng cao (001306 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020K0005	Đặng Tú	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020K0006	Hùng Ngọc Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020K0008	Nguyễn Hữu Bảo	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020K0198	Nguyễn Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020K0199	Nguyễn Thị Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020K0017	Nguyễn Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020K0202	Doãn Xuân Hòa	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020K0021	Võ Thị Ngọc	Chân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020K0024	Trần Niên	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020K0203	Nguyễn Ngọc Linh	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020K0029	Nguyễn Hoàng	Đặng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020K0037	Đặng Thái	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020K0042	Trần Minh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020K0278	Lý Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020K0052	Nguyễn Đoàn Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020K0055	Nguyễn Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020K0280	Phan Huỳnh Duy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020K0281	Nguyễn Lê Vân	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020K0065	Khổng Kim	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020K0220	Lê Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6604

Trang: 2/2

Phòng thi: B303

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:24

Lần:1

Môn học: Đọc nâng cao (001306 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020K0223	Ngô Phạm Hoàng	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020K0072	Lâm Tiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020K0074	Lại Huỳnh Ngọc	Lễ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	020K0075	Huỳnh Hoa Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6605

Trang: 1/1

Phòng thi: B310

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 13:30

SL:7

Lần:1

Môn học: Kế toán trong kinh doanh quốc tế 1 (205001 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	219V0023	Võ Khánh	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	220K0081	Nguyễn Thụy Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	220K0082	Vũ Minh	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	220K0060	Lê Thị Thuỳ	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	220K0083	Lê Nguyễn Phúc	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	219V0031	Nguyễn Ngọc Bích	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	220K0076	Đoàn Nguyễn Phương	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6750

Trang: 1/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 138 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	52000623	Nguyễn Lê Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000013	Nguyễn Quốc Công			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	51900733	Đoàn Nhật Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32000637	Trần Nguyễn Kim Hằng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42000885	Nguyễn Nhật Hào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000788	Huỳnh Đình Hiển			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000368	Ngô Minh Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000680	Trần Hợp Kiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000917	Trần Tuấn Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000848	Nguyễn Thành Lộc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001207	Nguyễn Công Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42000258	Nguyễn Quang Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000705	Trần Lai Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42000707	Bùi Tân Quốc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000871	Đoàn Phương Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001242	Hồ Văn Sĩ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001246	Dương Văn Song			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000728	Lý Phước Tài			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000712	Lại Văn Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000862	Nguyễn Lê Trí Thông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6750

Trang: 2/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 138 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000911	Huỳnh Mỹ	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62000936	Lê Đình	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001277	Lê Duy	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000977	Nguyễn Thái	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	52000867	Nguyễn Thành	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	62000945	Nguyễn Thị Yến	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42001289	Bùi Hải	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6751

Trang: 1/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 138 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000340	Phạm Hải An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000829	Nguyễn Minh Đăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	22000353	Huỳnh Thị Tiên Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000356	Trương Hoàng Giàu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32001219	Trần Thị Thu Hà			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32001230	Lưu Ngọc Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	22000369	Tiêu Ngọc Lâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	22000373	Phan Thị Tuyết Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000218	Nguyễn Ngọc Hà Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32001251	Nguyễn Thị Bích Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	22000388	Đồng Xuân Nhân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	22000395	Trần Ngọc Linh Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000420	Nguyễn Thị Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E2000424	Nguyễn Thị Hồng Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E2000171	Lê Thị Vân Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000795	Huỳnh Hồng Sơn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000442	Lê Kiều Mỹ Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32001279	Nguyễn Khắc Tâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32001284	Nguyễn Thanh Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	E2000198	Hồ Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: ..... Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: ..... Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6751

Trang: 2/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 138 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	A2000333	Võ Nguyễn Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000259	Đỗ Thị Quỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32001108	Phan Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B2000218	Trâm Thị Quỳnh	Tươi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32001109	Phan Thị Thu	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	22000217	Lê Đoàn Yến	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52000821	Đặng Văn	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6752

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:30

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 138 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H2000362	Phạm Nguyễn Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H2000377	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B2000362	Trần Thị	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H2000055	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B2000366	Nguyễn Xuân	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72001489	Ông Nguyên	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H2000409	Đinh Thị Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000889	Nguyễn Lê Bảo	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000348	Võ Duy	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H2000420	Nguyễn Thanh Bình	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B2000377	Lê Thị	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H2000266	Huỳnh Trần Quí	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B2000380	Phạm Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001509	Phan Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H2000433	Nguyễn Quang	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H2000271	Ngô Lê Minh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001514	Nguyễn Thị Kim	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000117	Trần Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B2000386	Nguyễn Ngọc Thanh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H2000448	Nguyễn Minh	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6752

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:30

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 138 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H2000302	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B2000411	Trần Duy	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	H2000151	Tạ Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B2000418	Nguyễn Văn	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	H2000162	Lê Thị Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B2000426	Ngô Thị Hồng	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B2000428	Hồ Trịnh Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B2000225	Lê Thị Kim	Vàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	H2000504	Đào Nguyễn Ngọc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	B2000439	Trần Triệu	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6753

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 139 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000031	Tạ Mai Lan	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000870	Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	22000342	Trần Hữu	Điền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000878	Lê Mỹ	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000882	Diệp Lê Đại	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000912	Trương Trọng	Khiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000811	Trần Nguyễn Hoài	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62000812	Ngô Nguyễn Nhứt	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	22000372	Nguyễn Trần Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32001046	Lê Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	22000379	Nguyễn Tiểu	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32000916	Huỳnh Tú	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	22000404	Nguyễn Thị Kiều	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	22000405	Nguyễn Thị Thanh	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000942	Nguyễn Hồng	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000945	Phan Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000221	Chung Thế	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001244	Nguyễn Văn	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000923	Nguyễn Hoàng Ánh	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000953	Ngô Huỳnh	Thơ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6753

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 139 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32001176	Nguyễn Hoài Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000959	Nguyễn Thị Diễm	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32000803	Hoàng Thị	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32001180	Nguyễn Hữu Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000847	Đỗ Thị Khánh	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	02000950	Mai Đặng Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02000860	Trần Hoàng Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6754

Trang: 1/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 139 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C2000076	Lê Thụy Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001648	Nguyễn Bách	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000997	Trần Công	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	C2000079	Lư Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72000035	Phạm Quốc	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	C2000189	Nguyễn Khánh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72000284	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72001669	La Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C2000191	Nguyễn Thanh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001017	Kim Mỹ	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000913	Trịnh Minh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72000331	Võ Hoàng	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	C2000139	Nguyễn Hồng	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	C2000031	Vũ Thị	Liễu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001689	Võ Minh	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	C2000202	Nguyễn Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	C2000203	Nguyễn Vĩnh Kỳ	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E2000402	Ngô Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	C2000171	Nguyễn Ngọc	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001713	Trần Hoàng	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6754

Trang: 2/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 139 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000210	Phạm Nguyễn Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72001715	Hoàng Hà	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72001719	Hồ Sĩ	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72001721	Cao Nguyễn Thanh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	C2000213	Lê Thị Bích	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72001729	Hồ Thị Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42000965	Trần Chí	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6755

Trang: 1/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 139 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000692	Bùi Ngọc Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C2000240	Đinh Thị Trung	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001580	Nguyễn Quyền	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H2000367	Trần Hữu	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	02000331	Vũ Văn	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B2000365	Lã Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H2000411	Phan Lê Phương	Loan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C2000250	Đặng Phú	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	C2000287	Nguyễn Đức	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000774	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B2000382	Phan Hoài Bảo	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001706	Nguyễn Lương Phương	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	12000351	Lê Hoàng	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	12000352	Huỳnh Thị Hồng	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001710	Phan Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D2000130	Yu Khánh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	12000361	Nguyễn Lê	Sanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H2000474	Lê Quốc	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	B2000419	Trần Ngọc	Tiễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001058	Huỳnh Đoàn Minh	Triệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6755

Trang: 2/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 139 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72000753	Lê Bùi Thúy	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C2000263	Hoàng Thị Thảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72001570	Nguyễn Thị Ánh	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72000776	Phan Thị Yến	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000625	Trần Thị Vinh	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	H2000506	Lê Thanh Vy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	H2000512	Triệu Phương Vy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6759

Trang: 1/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 141 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A2000005	Lưu Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	62000750	Nguyễn Diễm Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001124	Trần Quốc	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000537	Vương Trần Minh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001151	Phan Quang	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000883	Nguyễn Đoàn	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	12000026	Lê Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001159	Trần Trọng	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001164	Võ Văn	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000790	Phan Thanh	Hoài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001316	Lê Minh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	62000802	Trần Nhựt	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001189	Nguyễn Bảo	Khiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000804	Nguyễn Tú	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A2000296	Trần Khánh	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000122	Phan Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	A2000307	Trần Bảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000254	Nguyễn Thành	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000260	Trần Thị Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000199	Nguyễn Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6759

Trang: 2/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 141 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000605	Võ Lê Phúc	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000257	Nguyễn Hải An	Thuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001285	Trần Văn	Viên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001291	Phạm Thế	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62000327	Nguyễn Thị Khả	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	12000101	Trương Thị Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6760

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 141 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000961	Phan Thị Mộng	Cầm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	A2000282	Nguyễn Văn Công	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000983	Huỳnh Nhựt	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000987	Đào Gia	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62000817	Võ Phi	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E2000105	Nguyễn Lê Ban	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000831	Trần Phùng Hiếu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62000841	Phạm Đức	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	62000842	Nguyễn Anh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000857	Nguyễn Hiệp	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62000866	Nguyễn Thị Anh	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	62000868	Nguyễn Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62001046	Nguyễn Xuân	Thắm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62001047	Nguyễn Thị Tâm	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	E2000450	Phùng Phước	Thiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	A2000336	Phạm Huy	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62001073	Lê Nguyễn Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000922	Phan Huỳnh Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62000927	Lê Nguyễn Bảo	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000928	Trịnh Thị Thiên	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6760

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 141 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000930	Trần Văn Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62001087	Trương Thị Kim	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	62000944	Nguyễn Thị Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	62000946	Phan Thị Thúy	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62000947	Lê Hữu Thế	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	E2000477	Nguyễn Thế	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	62000950	Võ Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trưởng Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6761

Trang: 1/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 141 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D2000376	Phạm Thị Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000411	Thái	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	92000298	Lương Bội	Bội		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H2000026	Nguyễn Ngọc	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000621	Nguyễn Thị Mỹ	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	02000876	Nguyễn Nhật	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	D2000388	Phạm Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000722	Đoàn Thị Diệu	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	92000333	Phạm Thị Thanh	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H2000387	Trần Ngọc	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H2000388	Đào Thị Minh	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D2000400	Mai Thị Kim	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	92000339	Trần Tùng	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	D2000082	Trần Thị Tố	Lin		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001054	Lưu Ngọc Đức	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D2000295	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000660	Lê Văn	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	D2000303	Võ Thiên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001067	Ngô Đoàn Vĩnh	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D2000421	Trần Nguyễn Mai	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6761

Trang: 2/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 141 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H2000454	Trần Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D2000162	Nguyễn Xuân	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D2000432	Ka	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000549	Đoàn Trọng	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D2000437	Phạm Minh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	92000351	Trần Mạnh	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	D2000441	Nguyễn Anh	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	82000322	Lâm Đức	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6762

Trang: 1/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 142 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32001196	Phạm Trần Vân	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	22000027	Thái Hiền	Cơ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000967	Nguyễn Đỗ Hoàng	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000881	Tsần Mỹ	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32001226	Nguyễn Đoàn Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001027	Dương Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42001042	Nguyễn Văn Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32001236	Lê Thị Mỹ	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	22000371	Nguyễn Thị Cẩm	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32001042	Phan Thành	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32001241	Nguyễn Thị Kim	Lý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001052	Trần Thị Xuân	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000779	Đinh Quang	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000780	Hoàng Quốc	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	52000782	Nguyễn Quốc	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000909	Phạm Linh	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32001064	Nguyễn Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001073	Đặng Phú	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000922	Nguyễn Thị Hồng	Thẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000801	Huỳnh Quốc	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6762

Trang: 2/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 142 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001081	Võ Văn Vàng	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32001091	Nguyễn Tiến	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	12000486	Phạm Đoàn Phương Thảo	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	02000941	Hà Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32001111	Nguyễn Công	Viên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32001112	Nguyễn Hoàng	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32001114	Cao Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	52000825	Nguyễn Thùy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6763

Trang: 1/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 142 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000466	Lạc Đặng Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B2000344	Trần Hoàng Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000765	Cao Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32001218	Nguyễn Thị Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32000750	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32001014	Trần Thị Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32000821	Nguyễn Thị Trâm	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001321	Đào Tấn	Hữu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32001033	Đỗ Thị Siêu	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32000755	Nguyễn Hoàng	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32001036	Nguyễn Thị Nhật	Lệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32001038	Lê Thùy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42000920	Nguyễn Hữu	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000816	Phan Thành	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000790	Lê Trần Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32000772	Nguyễn Thị	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52000398	Võ Quốc	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000799	Hồ Thị Phương	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000850	Nguyễn Trọng Khoa	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B2000408	Trần Mạnh	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6763

Trang: 2/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 142 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32000585	Nguyễn Thị Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32001294	Nguyễn Thị Quế	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001272	Nguyễn Hữu	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32000807	Nguyễn Thị Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42001383	Nguyễn Minh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32001303	Bùi Thị Thúy	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32000610	Đỗ Phạm Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6764

Trang: 1/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 142 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	C2000183	Phan Kim Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001145	Nguyễn Văn Du			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	12000437	Nguyễn Thị Diệp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001157	Nguyễn Sông Hậu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001165	Đoàn Duy Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001175	Nguyễn Đinh Phương Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	12000332	Nguyễn Bích Huyền			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	12000446	Lê Văn Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000843	Trương Xuân Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72000354	Giang Thị Tuyết Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001607	Nguyễn Ái Mẫn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	12000338	Nguyễn Văn Mẫn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72000622	Võ Đoàn Ngọc My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32000336	Nguyễn Hữu Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	12000463	Nguyễn Minh Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	12000234	Hồ Đặng Trang Nhung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	12000077	Mukoyama Trúc Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	12000078	Võ Ngọc Diễm Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	C2000217	Huỳnh Xuân Thái			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001732	Lâm Ngọc Lan Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6764

Trang: 2/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 142 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	12000085	Đinh Nguyễn Uyên	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C2000223	Đặng Nguyễn Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000609	Nguyễn Anh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72001745	Tạ Thị Huỳnh	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	12000093	Lê Ngọc Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	72001639	Hoàng Thị Hải	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	92000352	Phạm Thảo	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	C2000238	Nguyễn Thị Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6765

Trang: 1/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 143 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E2000017	Đỗ Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	A2000281	Trần Phương	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42001131	Đồng Anh	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000343	Hà Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	A2000283	Trần Thị Kim	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000773	Nguyễn Đào Đức	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000354	Lê Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000881	Lê Ngọc	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42001154	Trần Văn	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000783	Nguyễn Chí	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	C1603028	Hứa Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	62000821	Trần Thị Trà	Mi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62000823	Nguyễn Hoàng Quốc	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A2000211	Kiều Ngô Uyên	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000851	Nguyễn Đình	Nhu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001247	Đoàn Kim	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	A2000329	Nguyễn Thị Anh	Thơ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000716	Phạm Ngọc	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000414	Trần Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	C2000230	Đồng Thị Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6765

Trang: 2/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 143 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	81501158	Phạm Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000342	Trần Lương Hoàng	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001283	Tiễn Tài	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000350	Nguyễn Võ Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trưởng Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6766

Trang: 1/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 143 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000956	Huỳnh Thị Vân	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000999	Nguyễn Cao Phát	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000027	Trần Quốc	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000984	Nguyễn	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	62000990	Nguyễn Thị Định	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	E2000399	Đinh Thị	Na		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000836	Nguyễn Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	62001021	Lê Đình Trung	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	62001023	Trịnh Thị	Nhị		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	E2000425	Đoàn Phương	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	62001041	Phan Phú	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E2000439	Trần Kim	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	E2000447	Nguyễn Quốc	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62001048	Phan Ngọc Thanh	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000896	Huỳnh Thị Mỹ	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62001053	Nguyễn Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000900	Ngô Phương	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B1800456	Hoàng Thị	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	E2000467	Đặng Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000933	Trương Minh	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6766

Trang: 2/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 143 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000934	Lê Quốc Trưởng			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	ⓦ ⓧ ⓨ ⓩ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪	
22	62000942	Nguyễn Hoàng Thảo			•	V	⓪ ⓫ ⓬ ⓭ ⓮ ⓯ ⓰ ⓻ ⓼ ⓽ ⓾ ⓿ ⓻ ⓽ ⓺ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻ ⓻	ⓦ ⓧ ⓨ ⓩ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪ ⓪	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Chữ ký: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6767

Trang: 1/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 143 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000387	Dương Chí	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	92000354	Trần Đức	Chí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000734	Võ Hồng	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000417	Phạm Ngọc	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H2000059	Hà Phan Vân	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41602065	Nguyễn Ngọc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H2000404	Hoàng Mặc	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000481	Lý Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000391	Nguyễn Phan Duy	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	11900314	Võ Nguyễn Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41800894	Thái Quang	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	12000063	Nguyễn Vũ Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	92000290	Nguyễn Nam	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000677	Khổng Minh	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	92000391	Lê Đăng Phi	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	11800392	Hồ Ngọc Thư	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	11603064	Nguyễn Quốc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000832	Đào Thị Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000730	Lê Phan Nhật	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01900523	Nguyễn Thị Kim	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6767

Trang: 2/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 143 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000601	Thi Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000848	Lê Thị Cẩm	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000850	Trần Thảo	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000432	Huỳnh Xuân	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	11800460	Nguyễn Hoàng	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	11900293	Nguyễn Thị Thu	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000741	Nguyễn Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6768

Trang: 1/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 144 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000959	Dương Uyên	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32000990	Nguyễn Trần Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32001209	Hoàng Hải	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001008	Nguyễn Thanh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32001213	Trần Phạm Anh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000041	Nguyễn Phúc	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42001315	Hồ Trần	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001021	Trần Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32000822	Lưu Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000837	Nguyễn Tiễn	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000381	Nguyễn An	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000770	Nguyễn Vĩnh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	42001331	Nguyễn Phương	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001198	Tăng Hoàng	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000096	Lê Khắc	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42000655	Trần Lê	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52000697	Đỗ Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000844	Ngô Quang	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000858	Lê Gia	Thạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000709	Lê Thị Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6768

Trang: 2/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 144 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001085	Nguyễn Hoàng Kỳ	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000328	Nguyễn Phước	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32001090	Đoàn Thị Kim	Tho		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001097	Nguyễn Tuyết	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	42000970	Huỳnh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001110	Trần Quang	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	32000976	Nguyễn Ngọc Kim	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6769

Trang: 1/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 144 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72000802	Nguyễn Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72000544	Lương Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B2000347	Ngô Vũ	Ca		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	62000770	Phạm Quốc	Được		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B2000354	Đặng Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	A2000190	Tạ Chí Mỹ	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	B2000361	Hà Thanh	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B2000368	Tống Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000905	Phạm Thành	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000821	Nguyễn Minh	Khương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	52000775	Dương Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32000087	Trần Thị Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	B2000374	Võ Thị Trúc	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	22000403	Trần Thị Kim	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000865	Lê Thị Trúc	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B2000395	Nguyễn Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32000177	Trần Ngọc	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42000953	Lê Minh	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72000996	Đặng Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B2000413	Lê Tô Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6769

Trang: 2/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 144 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B2000417	Lê Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	A2000140	Nguyễn Thị Huyền	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	22000222	Trần Trác	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	A2000352	Trần Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32001308	Lê Thị Phương	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	A2000353	Nguyễn Ngọc Minh	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6770

Trang: 1/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 144 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	12000382	Nguyễn An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H2000365	Lâm Huỳnh Nhựt	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H2000368	Huỳnh Tân	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000450	Khổng Quang	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000469	Đỗ Tân	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000646	Trần Lê Minh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000484	Trương Đỉnh Nhất	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72001496	Trần Nhã Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000579	Hoàng Đoàn Hải	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	12000523	Phạm Bình	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000722	Lê Nhật	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000498	Nguyễn Minh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H2000104	Nguyễn Dương Ái	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H2000105	Nguyễn Dương Yến	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B2000390	Trần Thị Ngọc	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001621	Võ Tá	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001623	Trần Trọng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000522	Lê Đắc	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000523	Ngô Trần Kiến	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000535	Trần Ngọc	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6770

Trang: 2/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 144 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H2000472	Nguyễn Hoàng	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	12000409	Nguyễn Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	72001633	Nguyễn Nhã	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72001569	Đoàn Thị Cẩm	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	12000492	Nguyễn Thúy	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000709	Vương Lê	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	H2000509	Tôn Nguyễn Long	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	B2000441	Huỳnh Minh	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	B2000444	Trần Hải	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6771

Trang: 1/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 145 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000955	Cao Thụy Thuận	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42000866	Nguyễn Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000764	Dương Hoàng	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42000640	Hồ Hữu	Đồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001308	Hà Trí	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000876	Vũ Xuân	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000771	Nguyễn Lê	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	51800273	Nguyễn Trường	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000886	Lê Trọng	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42000897	Bùi Hồ Đình	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	91800152	Bùi Lê Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001333	Nguyễn Ngọc	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62000627	Trần Thị Tú	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A2000313	Võ Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000628	Hồ Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000884	Nguyễn Hữu Thiên	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000888	Nguyễn Võ Duy	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000895	Văn Phước Công	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	A2000327	Võ Hương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	62000926	Đỗ Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6771

Trang: 2/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 145 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	A2000339	Vương Nữ Kiều	Trang		•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	
22	42000843	Lý Minh	Tuấn		•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6772

Trang: 1/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 145 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	E2000333	Nguyễn Ngọc Bảo	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	D2000382	Trần Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000972	Trần Thế	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	E2000369	Nguyễn Công	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000285	Ông Diệp Vinh	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01900986	Đinh Văn	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000403	Phan Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01900998	Trần Lâm	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	B1800418	Phạm Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000292	Bùi Thị Tuyết	Ni		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	E2000438	Từ Thị Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	E2000441	Nguyễn Thành	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000301	Nguyễn Phú	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000302	Phạm Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001733	Trần Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D2000165	Nguyễn Minh	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	92000395	Nguyễn Huỳnh Phương	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000315	Nguyễn Ngọc	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000317	Phan Tân	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000430	Phạm Đỗ Anh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6772

Trang: 2/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 145 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01801165	Võ Nguyễn Thái Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6773

Trang: 1/2

Phòng thi: A710

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 145 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	91900162	Trần Huỳnh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H2000373	Nguyễn Tân Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	92000080	Trương Thái Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	D2000393	Cao Vũ Đức Hiếu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D2000397	Hồ Thanh Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H2000403	Phạm Thị Như Huỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000761	Nguyễn Huệ Mẩn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D2000407	Nguyễn Kiều My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D2000409	Bùi Thị Minh Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000662	Phan Thái Hàn Nhật			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000797	Trần Diễm Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000678	Nguyễn Đức Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000799	Trần Nguyễn Minh Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H2000457	Trương Yên Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	D2000328	Phạm Thị Kiều Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D2000202	Ngô Minh Kim Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000695	Lê Thị Phương Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000698	Trương Đình Trọng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	92000360	Trần Thành Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H2000494	Lê Thị Thanh Tuyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6773

Trang: 2/2

Phòng thi: A710

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:22

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 145 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	D2000219	Tăng Thị Bạch	Tuyết		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000705	Nguyễn Ngọc Tú	Uyên		•	<input checked="" type="radio"/>	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6585

Trang: 1/2

Phòng thi: B201

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Viết 2 (001151 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 32 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0210	Trần Thị Hoài	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0316	Trương Thị Thu	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0328	Bùi Bảo	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	018H0426	Lưu Thanh	Đan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0236	Nguyễn Thị Tú	Hảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0051	Phạm Quế	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0080	Phan Hoàng Vũ	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0082	Huỳnh Dũng	Mãnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0088	Trần Thảo	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0095	Nguyễn Thị Diễm	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0098	Nguyễn Huỳnh Diễm	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0260	Lữ Tuyết	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0099	Ngô Hoài Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0375	Nguyễn Ngọc Ái	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0111	Ngô Cao	Nhiệm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0269	Lê Nguyễn Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0383	Lê Hoàng	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0120	Dương Nguyễn Trọng	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0125	Nguyễn Thị Hoa	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0133	Trần Thị Lệ	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6585

Trang: 2/2

Phòng thi: B201

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Viết 2 (001151 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 32 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0150	Nguyễn Thị Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	018H0631	Diệp Ngọc Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020H0304	Nguyễn Thị Lan Trinh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	020H0309	Phạm Thị Vân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	020H0195	Huỳnh Thị Ngọc Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	020H0197	Lương Ngọc Tường Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	020H0199	Nguyễn Ngọc Thảo Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....		1/ .....			
2/ .....		2/ .....			

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6723

Trang: 1/2

Phòng thi: B202

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Vật liệu và linh kiện điện tử (402057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0145	Lê Phạm Tùng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0002	Mai Thanh	Bình		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0186	Vũ Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0055	Lâm Mai Hồ Nhựt	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0059	Nguyễn Thanh	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	417H0182	Nguyễn Hồng	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0072	Lê Ngô Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0191	Nguyễn Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0078	Phạm Huy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0132	Phan Thanh	Liêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	419H0156	Lê Dương	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	417H0199	Lương Bảo	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0193	Nguyễn Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	417H0143	Hoàng Nguyễn Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0170	Cao Đặng Tiến	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	419V0024	Trần Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0198	Trần Bảo	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0172	Bùi Lê	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0173	Trần Tú	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	419H0172	Nguyễn Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6723

Trang: 2/2

Phòng thi: B202

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:23

Lần:1

Môn học: Vật liệu và linh kiện điện tử (402057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0117	Nguyễn Minh	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	420H0200	Trần Nguyễn Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	420H0126	Nguyễn Minh	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6586

Trang: 1/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Viết 2 (001151 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 31 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0319	Lê Nguyễn Duy	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0322	Mai Tú	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0214	Ngô Nguyễn Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0325	Nguyễn Vũ Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0224	Nguyễn Khánh	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	51800671	Trần Huỳnh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	019H0039	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0232	Dương Nguyễn Quỳnh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0341	Trần Thu	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0342	Lê Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0061	Trần Đăng	Khương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0357	Phạm Thị Quỳnh	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0361	Nguyễn Hoàng Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0363	Nguyễn Phạm Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0364	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0372	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	019H0307	Nguyễn Khánh	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0116	Võ Mai Hoàng	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0384	Dương Võ Gia	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0391	Nguyễn Xuân	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6586

Trang: 2/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Viết 2 (001151 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 31 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0147	Lê Thị Hoàng	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020H0296	Trần Tiến Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020H0165	Trần Ngọc Yến	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	020H0409	Lê Võ Thùy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	020H0417	Phạm Ngọc Thiên	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	020H0185	Ngô Thị Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	019H0272	Lê Phạm Lan	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6724

Trang: 1/2

Phòng thi: B208

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Vật liệu và linh kiện điện tử (402057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0220	Lê Đình Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0222	Huỳnh Gia Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0223	Nguyễn Quang Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0224	Trương Nguyễn Huy Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0229	Lê Huy Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0230	Phạm Hữu Thành Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0242	Đặng Ngọc Huy Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0243	Lê Huy Hoàng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0253	Nguyễn Ngọc Anh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0254	Nguyễn Phan Minh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0255	Trần Đăng Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0256	Võ Anh Khoa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0257	Nguyễn Minh Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0259	Nguyễn Trần Anh Khôi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0264	Dương Minh Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0299	Hồ Đức Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0265	Đinh Nguyễn Gia Phú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0314	Trần Tân Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0268	Nguyễn Hồng Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0269	Nguyễn Minh Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6724

Trang: 2/2

Phòng thi: B208

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:24

Lần:1

Môn học: Vật liệu và linh kiện điện tử (402057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0317	Lưu Phước Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	420H0270	Lê Phước Kim	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	420H0201	Trần Thành Vũ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	420H0292	Trương Tuấn Vũ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Chữ ký: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6602

Trang: 1/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Viết 2 (001151 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 36 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0003	Nguyễn Thế An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0212	Đoàn Thị Lan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0321	Lê Quỳnh Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0018	Hoàng Thái Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0037	Lưu Nguyễn Hoàng Giang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0253	Lê Thị Ngọc Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0369	Trương Phan Hoàng Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0381	Khưu Lễ Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0117	Phạm Thị Hồng Phấn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0385	Lê Tân Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0128	Huỳnh Nhật Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0390	Nguyễn Ngọc Xuân Quyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0281	Lê Thị Cẩm Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0395	Ngô Minh Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0285	Nguyễn Thị Sương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0289	Sa Y Thah			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0151	Lê Trần Duy Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0294	Hồ Thụy Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0408	Nguyễn Thị Anh Thy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0415	Trịnh Hoàng Ngọc Trân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6602

Trang: 2/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:21

Lần:1

Môn học: Viết 2 (001151 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 36 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0179	Cao Hoài Trọng			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6587

Trang: 1/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Viết 2 (001151 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 34 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0318	Lê Ngọc Tuyết	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0335	Phạm Trí	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0336	Phan Phúc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0338	Nguyễn Thị Thanh	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0340	Nguyễn Thị Trọng	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0045	Nguyễn Hữu	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0350	Nguyễn Ngọc Bảo	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0249	Võ Hoàng	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0353	Nguyễn Thị Hoàng	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0355	Đinh Vũ Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0367	Nguyễn Hiếu	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0374	Nguyễn Đắc Uyên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0271	Trần Nguyễn Mai	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0118	Trần Tiến	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0387	Nguyễn Trọng	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0293	Nguyễn Hải Minh	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	017H0214	Nguyễn Lê Minh	Thông		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0404	Nguyễn Kiều Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0405	Tôn Nữ Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0411	Hoàng Thị Bích	Trà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6587

Trang: 2/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Viết 2 (001151 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 34 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0413	Hồ Lê Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020H0422	Văn Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020H0423	Nguyễn Thanh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	020H0425	Lưu Kim	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	020H0426	Phạm Bạch	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	020H0428	Lương Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	020H0191	Lê Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	020H0312	Lê Ngô Anh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	020H0432	Thái Mỹ	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6588

Trang: 1/2

Phòng thi: B303

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Viết 2 (001151 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 33 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	020H0323	Nguyễn Hà Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0324	Nguyễn Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0011	Nguyễn Như	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0333	Ngô Thị Kim	Cương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	020H0030	Hoàng Thị Ngọc	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	020H0033	Trần Lê	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0337	Võ Thị Bảo	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0034	Lê Đăng	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0233	Lý Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0234	Trần Lương Thảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0040	Phan Thị Hồng	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0251	Dương Quốc	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000760	Lai Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0362	Nguyễn Hoàng	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0386	Phạm Thiên	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0127	Trần Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0389	Đặng Tú	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0392	Trần Nguyễn Diễm	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0141	Huỳnh Thanh	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0396	Nguyễn Tuyết	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6588

Trang: 2/2

Phòng thi: B303

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:29

Lần:1

Môn học: Viết 2 (001151 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 33 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0401	Thái Thị Thanh	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020H0403	Văn Thị Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020H0407	Nguyễn Ngọc Trường	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	020H0410	Nguyễn Thúy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	020H0419	Trần Nguyễn Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	020H0424	Hồ Nhã Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02000545	Đinh Thị Lan	Viên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	020H0196	Lê Thị Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	020H0198	Nguyễn Đặng Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6589

Trang: 1/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Viết 2 (001151 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 35 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	017H0053	Phạm Thị Bảo	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	020H0215	Nguyễn Ngọc	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	020H0330	Mã Tú	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	020H0331	Nguyễn Dương Hoàng	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	018H0436	Nhan Mạnh	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	019H0298	Võ Thi	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	020H0347	Trần Hữu	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	020H0349	Chu Vĩnh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	020H0074	Trần Ngọc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	020H0255	Bùi Ngọc Quỳnh	Mi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	020H0359	Huỳnh Quang Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	020H0101	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	020H0266	Tôn Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	020H0379	Nguyễn Thanh	Nhơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	020H0270	Nguyễn Thị Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	020H0382	Nguyễn Hải Nguyên	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	020H0115	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	020H0290	Đặng Vũ Quang	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	020H0400	Nguyễn Thị Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	020H0406	Phan Thị Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6589

Trang: 2/2

Phòng thi: B310

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Viết 2 (001151 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 35 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	020H0412	Đặng Thị Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	020H0305	Nguyễn Ngọc	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	020H0311	Hứa Bảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	020H0202	Nguyễn Phạm Nhật	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	020H0313	Nguyễn Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	020H0431	Đinh Thị Thanh	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6721

Trang: 1/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Vật liệu và linh kiện điện tử (402057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0221	Nguyễn Hoàng Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0046	Nguyễn Hữu Băng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0047	Võ Quốc Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0031	Nguyễn Ngọc Hải Đăng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0225	Lê Hoàng Danh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0187	Huỳnh Lê Anh Duy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0202	Trần Mai Gia Hiệp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0190	Nguyễn Ngọc Huân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41600035	Cao Trung Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0073	Lê Vũ Anh Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41503613	Phạm Lê Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0075	Huỳnh Võ Phú Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0208	Nguyễn Hoàng Giang Đại Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41600069	Trần Như Phong			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0095	Chẽm Lê An Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0209	Bùi Nhật Quang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0210	Nguyễn Hoàng Sang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41606067	Nguyễn Trung Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41600085	Phạm Duy Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0199	Lê Long Song Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6721

Trang: 2/2

Phòng thi: B405

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:26

Lần:1

Môn học: Vật liệu và linh kiện điện tử (402057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0216	Bùi Hoàng Ngọc	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	420H0144	Dương Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	420H0217	Trần Thanh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	41501603	Nguyễn Ngọc Minh	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	420H0219	Tôn Nghiêm Cát	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	420H0182	Võ Văn	Vẹn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6722

Trang: 1/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Vật liệu và linh kiện điện tử (402057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	420H0227	Hà Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	420H0228	Huỳnh Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	420H0232	Đào Trung	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	420H0302	Võ Khánh	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	420H0236	Phạm	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	420H0240	Trần Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	420H0241	Triệu Huỳnh Minh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	420H0304	Nguyễn Gia	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	420H0246	Nguyễn Ngọc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	420H0306	Nguyễn Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	420H0250	Lại Văn	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	420H0307	Lê Hoàng	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	420H0308	Nguyễn Hữu	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	420H0309	Triệu	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	420H0260	Đặng Vũ Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	420H0263	Nguyễn Phan Minh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	420H0266	Trần Tô Đức	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	420H0271	Nguyễn Hoàng	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	420H0272	Nguyễn Hoàng	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	420H0319	Phạm Ngọc Trường	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6722

Trang: 2/2

Phòng thi: B503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 14:50

SL:27

Lần:1

Môn học: Vật liệu và linh kiện điện tử (402057 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	420H0274	Trà Trí Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	420H0278	Ngô Đức Thiện			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	420H0279	Mã Hồng Thịnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	420H0288	Hoàng Anh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	420H0289	Bùi Thanh Tùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	420H0321	Nguyễn Thái Sơn Tùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	420H0291	Bùi Trần Vũ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Chữ ký: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký: .....	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6756

Trang: 1/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 140 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000748	Nguyễn Thị Diệu	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	42001115	Cao Quyền	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	42000996	Đặng Nguyễn Thanh	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000646	Nguyễn Trọng	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	E2000348	Võ Thị Ngọc	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32001005	Nguyễn Văn	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	E2000357	Nguyễn Thị Ngọc	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	E2000358	Đặng Thị Bích	Hạ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000356	Phạm Hồng	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000194	Trần Hoàng Gia	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	A2000286	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001025	Vương Đình	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000449	Trần Triều	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42001036	Nguyễn Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000906	Nguyễn Anh	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	A2000205	Nguyễn Thị Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001213	Nguyễn Nhật	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000172	Văn Khánh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	22000138	Đặng Thiện	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000853	Trần Trương Gia	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6756

Trang: 2/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 140 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000708	Huỳnh Triệu Phú	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	E2000437	Phạm Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32001084	Lâm Thanh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000284	Phạm Trần Minh	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62000901	Nguyễn Thị Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	42001106	Hồ Thanh	Tùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	22000445	Phan Võ Thảo	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6757

Trang: 1/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 140 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000245	Nguyễn Hoàng Thiên	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B2000252	Nguyễn Lê Bảo	Ánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000444	Đoàn Bảo	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	B2000352	Trần Đức	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000471	Nguyễn Triệu	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000474	Nguyễn Huỳnh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000478	Châu Nguyễn Minh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	B2000276	Nguyễn Thị Thục	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000395	Hồ Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	B2000379	Nguyễn Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	B2000288	Lê Minh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	B2000387	Trần Thị Ý	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72001525	Trần Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	E2000421	Phan Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001716	Nguyễn Hoàng	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	B2000129	Nguyễn Hồng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000530	Trương Hoài	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000153	Hồ Đức	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000163	Huỳnh Phước	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B2000414	Nguyễn Lê Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6757

Trang: 2/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 140 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000170	Lê Xuân	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000552	Lê Xuân	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	B2000421	Đào Nguyên Nhã	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B2000422	Đỗ Thị Hoài	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B2000435	Võ Thị Mỹ	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000196	Phạm Thùy	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6758

Trang: 1/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 140 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000570	Nguyễn Thanh An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72000266	Huỳnh Thị Ngọc Diệp			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H2000210	Đào Mỹ Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H2000390	Nguyễn Thị Nhật Hồng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H2000392	Vòng Gia Huệ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72001351	Nguyễn Thế Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000576	Trần Quang Huy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001326	Trần Bảo Khang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000719	Nguyễn Đắc Thắng Lợi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H2000418	Nguyễn Ngọc Phương Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000493	Nguyễn Phạm Hoàng Nam			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72000630	Nguyễn Thị Thanh Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H2000443	Lê Quỳnh Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72000986	Đoàn Dương Hoàng Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000360	Nguyễn Quang Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000533	Lục Phi Tân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	82000541	Đặng Trường Thọ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H2000484	Nguyễn Kim Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42000493	Trương Nguyễn Bảo Trâm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	42001374	Nguyễn Cao Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6758

Trang: 2/2

Phòng thi: A504

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 140 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000558	Nguyễn Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000561	Nguyễn Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	52000727	Trần Hiếu	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000374	Trần Nguyễn Minh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000378	Lê Quang	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000711	Nguyễn Thanh	Vương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	42000521	Huỳnh Thị Trúc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	H2000516	Võ Hoàng	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6774

Trang: 1/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 148 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	62000761	Hồ Triệu Ánh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	62000030	Nguyễn Tân Nguyên	Chương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000997	Huỳnh Kim	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32000999	Nguyễn Thị	Diệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52000445	Hoàng Thị Mai	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001023	Hồ Thái	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	62000795	Trần Nguyễn Quỳnh	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42000808	Hà Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	42000903	Nguyễn Phước	Huynh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81603031	Phạm Cao	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	C2000197	Dương Trần Thanh	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	52000846	Nguyễn Cao	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32000912	Đặng Thị Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000691	Lê Công	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000702	Phan Thị Minh	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	C2000207	Nguyễn Lê Hoài	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42000460	Nguyễn Văn	Sĩ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000894	Nguyễn Huỳnh Vân	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	52000717	Nguyễn Bá	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000718	Nguyễn Trường	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6774

Trang: 2/2

Phòng thi: A505

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 148 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000476	Phạm Văn Chí	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000720	Nguyễn Thanh	Thúy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000497	Ngô Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	52000724	Phạm Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	52000868	Nguyễn Khắc	Văn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	52000730	Đồng Phong	Vin		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	62000336	Nguyễn Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	62000338	Phạm Thị Kim	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6775

Trang: 1/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 148 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72000536	Hồ Hồng	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B2000246	Nguyễn Thị Diệu	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001327	Nguyễn Thị	Diệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000875	Đỗ Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B2000263	Lý Gia	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	C2000283	Mai Thị Thu	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32001229	Trần Lai Bửu	Huê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72001360	Đỗ Ngọc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	62000822	Ngô Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	62000825	Trần Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32001248	Trịnh Bảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001381	Dương Mỹ	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32001250	Nguyễn Hoàng	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62000837	Trịnh Đình	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32001255	Trần Thế	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32001256	Phan Thị Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32001069	Quách Thị Lâm	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	C2000255	Nguyễn Đăng Hoàng	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	02000917	Nguyễn Lê Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	C2000275	Nguyễn Thị Ngọc	Sương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6775

Trang: 2/2

Phòng thi: A507

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 148 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62000890	Trần Thanh	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62000898	Lê Thị Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	32001290	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72001147	Lê Quỳnh	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32001105	Nguyễn Thị Thu	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B2000430	Võ Ngọc	Tuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	C2000304	Bùi Nguyễn Thu	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	02000947	Phạm Thị Xuân	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6776

Trang: 1/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:29

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 148 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	02000287	Nguyễn Loan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	12000212	Hồ Thị Mỹ	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001592	Châu Kim	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	12000331	Bùi Thị Thúy	Hợp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001598	Bùi Duy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	52000783	Nguyễn Quang Phương	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	02000380	Phạm Nguyễn Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	12000345	Lê Thị Lan	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32000346	Trần Bảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000789	Nguyễn Thúc	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001720	Trần Hữu	Phước		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D2000310	Phạm Thị Thu	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	12000358	Lưu Nhật	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000800	Đinh Văn	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H2000467	Hoàng Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	22000168	Phan Thị Tuyết	Thơ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000448	Trần Thị Kim	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000450	Trần Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	22000420	Trần Minh	Tính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	12000372	Nguyễn Hoàng Minh	Triết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6776

Trang: 2/2

Phòng thi: A508

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:29

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 148 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000817	Lâm Minh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000818	Nguyễn Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	92000396	Nguyễn Xuân	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72001568	Phan Trần Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	52000820	Thái Lê	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	H2000500	Phan Thị Yến	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52000822	Lê Văn	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	72001643	Huỳnh Thị	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	02000487	Nguyễn Thị Phương	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6777

Trang: 1/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 149 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32001199	Lâm Nhựt	Băng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000738	Hồ Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32001207	Võ Hải	Đăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	52000314	Nguyễn Thành	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32001211	Nguyễn Quốc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	32001215	Hoàng Thị	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32001133	Nguyễn Nguyệt	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32001015	Lê Nguyễn Thanh	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000665	Lê Thị Thu	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32001228	Lê Thị Tuyết	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32001243	Trần Thị Hà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32001054	Nguyễn Thị Kiều	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32001055	Võ Lê Hiếu	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32001059	Trương Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32001257	Vương Thị Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	32001258	Đinh Thị Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32001260	Trần Thị Bội	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	32000935	Hồ Thị	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32001266	Lưu Hồ Diễm	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	52000703	Nguyễn Trọng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6777

Trang: 2/2

Phòng thi: A509

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 149 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	52000709	Lê Minh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32001281	Lý Quốc	Tấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	52000716	Nguyễn Hoài	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	32001283	Võ Thị Phương	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32000950	Lâm Bửu Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32001289	Ngô Vũ Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	52000726	Nguyễn Văn	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6778

Trang: 1/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 149 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001316	Nguyễn Lê Thực	Ái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C2000182	Bùi Quốc Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000276	Kiên Thị Như	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	72000806	Hồ Mỹ Trang	Đài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	22000035	Nguyễn Hoàng	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	72000817	Lý Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000043	Lê Thị Thúy	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	52000049	Phạm Trí	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72001485	Hoàng Thu	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	52000844	Vũ Quang	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72000332	Nguyễn Thị Thanh	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	72001609	Phan Đặng Trà	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000086	Huỳnh Thị Thảo	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72000632	Trương Thị Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001510	Âu Mỹ	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	72001702	Mai Bùi Bão	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001383	Nguyễn Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	C2000206	Đặng Thị	Nguyệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	72001622	Nguyễn Thị Tuyết	Phê		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	72001723	Lưu Hiếu	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6778

Trang: 2/2

Phòng thi: A510

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 149 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C2000219	Nguyễn Tân Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72000449	Đỗ Trịnh Minh Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	22000189	Nguyễn Huỳnh Trân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72000922	Phan Văn Trường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	52000866	Đặng Anh Tuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	C2000279	Nguyễn Mẫn Minh Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6779

Trang: 1/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 149 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D2000369	Lữ Phụng Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	92000361	Nguyễn Phúc Trâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000434	Nguyễn Thế	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	12000385	Nguyễn Thị Lan	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000611	Lê Đức	Đại		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000613	Diệp Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	12000504	Nguyễn Thị Bích	Du		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000208	Lê Hoàng	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	91800467	Dương Vương	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	92000356	Dương Thị Quỳnh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	D2000277	Nguyễn Thị Phương	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000473	Trương Văn	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	12000518	Dương Thị Mai	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000487	Nguyễn Văn Duy	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000501	Trần Thành	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000581	Hoàng Văn	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H2000450	Ngô Bảo	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	92000291	Mai Đình Anh	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H2000122	Nguyễn Vũ	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000531	Cao Trần Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6779

Trang: 2/2

Phòng thi: A602

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 149 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72001627	Nguyễn Trần Công	Tạo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000585	Bùi Duy	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000554	Nguyễn Đức	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000201	Nguyễn Hữu	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	52000823	Trần Quốc	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000590	Phạm Hoàng Anh	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6780

Trang: 1/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 150 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000622	Lê Đỗ Thái	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32001122	Lê Thị Ngọc	Bích		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	32000892	Trần Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001310	Trần Đình	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	32001212	Phạm Đình	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	C2000192	Võ Thị Mỹ	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	42000893	Mai Trần Phi	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32001025	Trần Thị Mỹ	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	32001148	Nguyễn Thị Trúc	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	32001052	Nguyễn Thị Kiều	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000928	Phạm Thái	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001343	Trịnh Đình	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32001262	Thái Yến	Ny		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	32001272	Mai Bá	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42001245	Nguyễn Văn	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	C2000220	Võ Ngọc	Thanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	42001364	Nguyễn Khắc Huy	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	42001260	Huỳnh Tân Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32000590	Nguyễn Thị Ngọc	Trầm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000963	Lê Thị Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6780

Trang: 2/2

Phòng thi: A603

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 150 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32000592	Phạm Ngọc	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000593	Phạm Thị Huế	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001279	Nguyễn Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001287	Nguyễn Nhật	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62001094	Nguyễn Lê Trúc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32001192	Trần Thị Ngọc	Yến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6781

Trang: 1/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 150 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	72001581	Nguyễn Thị Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	72001328	Phan Hoàng Ngọc	Diệu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001068	Lê Phạm Thùy	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	D2000263	Trương Thị Yến	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001665	Phạm Ngọc Bảo	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	D2000271	Nguyễn Thúy	Hăng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72000950	Nguyễn Đặng Cát	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72001596	Mai Thị Ngọc	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72001680	Nguyễn Thị Vĩ	Khuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	C2000273	Nguyễn Thị Hiếu	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001681	Trần Phương	Lam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	62001001	Lê Thành	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62001002	Lương Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	62001013	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C2000256	Nguyễn Hữu	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	62000870	Huỳnh Nhật	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	72001727	Phạm Lê Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	62000886	Huỳnh Nhật	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	D2000172	Nguyễn Hoài	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D2000173	Lê Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6781

Trang: 2/2

Phòng thi: A605

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:28

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 150 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	62001060	Nguyễn Thùy Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	72001740	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	C2000302	Lưu Mạnh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72001561	Nguyễn Thanh	Triều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72001748	Võ Thị Ngọc	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	D2000438	Nguyễn Phan Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	C2000303	Lê Thị Ngọc	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	D2000442	Âu Dương Trần	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6782

Trang: 1/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 150 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	32000007	Hứa Ngọc Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	12000314	Trần Đặng Việt	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	12000202	Trần Tiểu	Bội		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	D2000381	Lê Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	12000316	Nguyễn Ngọc Minh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	12000017	Võ Quốc	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	12000325	Bùi Thị Mỹ	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	02000567	Nguyễn Trần Thu	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	12000023	Bùi Duy	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	12000024	Trần Yên	Hàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41900388	Lý Phước	Hậu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	22000065	Huỳnh Văn	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	12000329	Nguyễn Chí	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	D2000398	Lưu Vĩ	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	22000368	Võ Thị Thanh	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001043	Nguyễn Huỳnh Khánh	Lâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	92000340	Nguyễn Thanh	Liêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	D2000289	Nguyễn Thanh Thảo	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	42001060	Lê Quốc	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	12000229	Lưu Thanh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6782

Trang: 2/2

Phòng thi: A607

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 150 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	12000350	Huỳnh Kim Bảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000153	Lê Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	12000471	Lê Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	12000360	Phan Lê Đỗ	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32000184	Huỳnh Việt	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	12000487	Ngô Thị Thùy	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	02000951	Hà Nguyễn Thanh	Xuân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6783

Trang: 1/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 153 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000325	Tăng Duy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	52000622	Đặng Phùng Thiên	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000632	Nguyễn Lê Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001135	Đặng Bá	Đang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001139	Lê Công Tiến	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	62000769	Quách Đại	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	32000894	Mai Thanh	Duyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32000635	Phạm Ngọc Quỳnh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000047	Phạm Thái	Học		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	42001171	Quách Kim	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42000904	Nguyễn Đăng Nhật	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001186	Nguyễn Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	52000068	Lê Dương	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A2000069	Nguyễn Gia Thiện	Mỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32000920	Trương Bảo	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	52000851	Nguyễn Gia	Nguyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52000383	Vũ Đình	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	52000857	Nguyễn Thái	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62001049	Phạm Hoàng Minh	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32000955	Nguyễn Ngọc Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6783

Trang: 2/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 153 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001266	Nguyễn Kế	Tính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32000969	Trần Dương Ngọc	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42001269	Mai Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42001275	Trần Ngọc	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	62000937	Lương Hưng	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	32000984	Trần Lý Hồng	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6784

Trang: 1/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 153 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B2000350	Nguyễn Thị Kiều	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32001210	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	B2000353	Nguyễn Võ Thanh	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	A2000033	Phan Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	B2000359	Lý	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000049	Lê Minh	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000464	Nguyễn Tiến	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	A2000041	Đinh Thị Ánh	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000289	Nguyễn Thị Ngọc	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000047	Trần Thị Lê	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000218	Ngô Hoàng	Khải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000090	Nguyễn Vỹ	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	A2000294	Lý Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000486	Nguyễn Lê	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	32001047	Nguyễn Thị	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	A2000297	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	B2000375	Lê Thị Tuyết	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	22000386	Trương Thị Như	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000524	Trương Đỗ Minh	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000145	Phùng Nguyễn Nhật	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6784

Trang: 2/2

Phòng thi: A609

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 153 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	A2000119	Phan Thị Hồng	Thắm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	52000806	Lê Nguyễn Tân	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	A2000334	La Trần Thanh	Thủy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	B2000423	Phan Huỳnh Bích	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B2000211	Nguyễn Phạm Thành	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000316	Nguyễn Võ Thành	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	82000569	Nguyễn Anh	Vũ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6785

Trang: 1/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 153 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000436	Trà Thái Hoàng Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000716	Nguyễn Chí	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000748	Lê Kiều	Diễm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000709	Nguyễn Thị Thục	Đoan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	82000333	Lê Huỳnh	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	12000511	Nguyễn Thanh	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000460	Nguyễn Trọng	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H2000386	Phạm Nguyễn Ngọc	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000759	Trần Gia	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	02000883	Phạm Ngọc Bích	Hợp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000468	Dương Tài	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	12000395	Nguyễn Thị Anh	Khuyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	82000494	Phan Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72000397	Huỳnh Trung	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	02000902	Lê Bình	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000903	Nguyễn Thanh Thảo	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000907	Nguyễn Lê Quyên	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000913	Nguyễn Lê Huỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000580	Huỳnh Tân	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000505	Nguyễn Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6785

Trang: 2/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 153 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42000703	Hồ Nhuận	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000507	Trần Minh	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000508	Lê Đại	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000582	Cao Nguyễn Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000525	Nguyễn Phú	Quý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	82000538	Nguyễn Phương	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	12000547	Đào Thị Hải	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6786

Trang: 1/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 151 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A2000276	Phạm Thị Bích	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	32000991	Phạm Ngô Tâm	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	52000189	Nguyễn Minh	Chí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	32001010	Ngô Nguyễn Ngân	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	52000753	Lê Phú	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42000895	Bùi Tấn	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	52000845	Nguyễn Thị Thiên	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	32001035	Phan Thị Ngọc	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	A2000305	Dương Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	A2000306	Nguyễn Huỳnh Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	32000925	Trần Nguyễn Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32000926	Trần Thị Thảo	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	32001068	Nguyễn Thị	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42000661	Nguyễn Tân	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	42000934	Trương Duy	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	42001353	Trần Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	32001080	Nguyễn Thị Thảo	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	A2000323	Bùi Thị Ngọc	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32001092	Lê Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	32001093	Nguyễn Thị	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6786

Trang: 2/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 151 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	32001094	Phạm Nhật Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	32001095	Lê Thanh	Thùy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	A2000338	Hồ Ngọc	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000625	Ong Bảo	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	32001115	Huỳnh Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	A2000351	Phan Ngọc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6787

Trang: 1/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 151 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000016	Bùi Lê Quốc	Bửu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	B2000348	Chung Bội	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001463	Chu Đức Chí	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	42001000	Nguyễn Huỳnh	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001030	Nguyễn Quốc	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000081	Hồ Đình	Khôi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	82000092	Lê Bửu	Kỳ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	72001495	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	52000778	Lê Phi	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000106	Nguyễn Ngọc	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72000410	Lâm Tú	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	32001065	Phạm Ngọc	Như'		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	62000858	Nguyễn Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	42000939	Bùi Viết	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	B2000394	Võ Đan	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000132	Đặng Kỳ	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	62000878	Trần Lê Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	B2000401	Nguyễn Tân	Tài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	62000883	Nguyễn Hoàng	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B2000407	Trần Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6787

Trang: 2/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:27

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 151 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	B2000412	Bùi Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	B2000415	Văn Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	51603328	Trần Quang	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	E2000463	Huỳnh Bảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	B2000424	Đoàn Thuỳ	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	B2000200	Trần Ngọc Đoan	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	B2000208	Nguyễn Thị Thanh	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6788

Trang: 1/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 151 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	82000715	Trần Việt	Bắc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	82000442	Lê Hoàng	Công		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	82000446	Nguyễn Tuấn	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	82000448	Phan Thanh	Điền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H2000378	Nguyễn Thị Bích	Giang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	82000456	Trần Phú	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	12000509	Huỳnh Thúy	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	82000573	Bùi Quang	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	82000643	Nguyễn Duy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	82000579	Trương Hồ	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	82000654	Nguyễn Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H2000431	Võ Ngọc Khánh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	02000899	Tạ Phương	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	82000657	Nguyễn Huỳnh Minh	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000596	Phạm Lê Trúc	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	82000509	Lê Thành	Phi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	12000536	Nguyễn Ngọc	Phượng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	82000526	Bùi Đình	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	82000534	Nguyễn Văn	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	82000536	Dương Quốc	Thái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6788

Trang: 2/2

Phòng thi: A704

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 151 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	82000543	Huỳnh Nhật Thông			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	82000729	Nguyễn Thương Tính			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	82000559	Lê Quốc Triệu			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	82000560	Lê Hoàng Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	82000568	Nguyễn Quốc Việt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	H2000505	Hoàng Ngọc Phương Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên:	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên:	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: Chữ ký:
1/ .....		1/ .....		.....	.....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6789

Trang: 1/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:25

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 154 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	42000987	Đỗ Hoàng	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	62000012	Lưu Bích	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	62000752	Nguyễn Tú	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41900334	Trần Quốc	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	42001012	Nguyễn Trần Phú	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	42001163	Trương Mạnh	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	A1900110	Nguyễn Anh	Hoàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	42001020	Nguyễn Ngọc Minh	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	91603042	Phạm Minh	Hùng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41900053	Lê Đỗ	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	42001185	Huỳnh Phan Quốc	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	42001191	Nguyễn Đình Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	12000333	Hồ Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	52000688	Nguyễn Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	62000830	Nguyễn Thu	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	02000783	Thái Thị	Nhàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	52000696	Tạ Hữu	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	72000982	Lý Ái	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	32001167	Đoàn Thiên	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41900855	Nguyễn Tân	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6789

Trang: 2/2

Phòng thi: A705

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:25

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 154 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	42001087	Mai Phước	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	62000902	Phan Ngọc Minh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	42000839	Nguyễn Văn	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	42000840	Phan Ngọc	Trọng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	72000766	Nguyễn Đình Phương	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6790

Trang: 1/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:24

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 154 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	81900504	Vũ Ngọc Tuấn	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	C1900092	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	C2000126	Võ Văn	Danh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	C1900098	Nguyễn Tiến	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	72001666	Nguyễn Thị	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81800104	Nguyễn Hoàng	Hiệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	72001670	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	C2000134	Trần Gia	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	72000967	Huỳnh Uyên Thảo	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	72001694	Phan Thị Thanh	Ngà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	72001699	Nguyễn Trọng	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	C2000208	Trần Thanh	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	72001714	Lâm Tiến	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	72001725	Cao Trần Như	Quỳnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C2000056	Nguyễn Ngọc Thiên	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	E1800483	Đỗ Thu	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	E2000468	Nguyễn Thị Kim	Trúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	E2000476	Võ Thị Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	C2000305	Đoàn Quốc	Việt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	C2000264	Nguyễn Thị	Vinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6790

Trang: 2/2

Phòng thi: A707

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:24

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 154 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	72001753	Lý Hoàng Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	C2000278	Mai Nguyễn Tường	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	C2000115	Nguyễn Thị Thảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	72001755	Nguyễn Thị Thúy	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:	.....	Chữ ký:	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6791

Trang: 1/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 154 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1900256	Nguyễn Ngọc Minh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	02000867	Vũ Ngọc Mai	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	72001584	Phan Ngọc	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	02000871	Lại Minh Khả	Doanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D2000347	Huỳnh Tân	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	B2000356	Đặng Phan Thúy	Hằng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H2000399	Nguyễn Ngọc Mỹ	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61900842	Châu Thị Phương	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	02000344	Lê Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41800868	Nguyễn Võ Vĩnh	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	02000893	Mai Lê	Lưu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	02000896	Nguyễn Hoàng	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	91800488	Nguyễn Nhật	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	02000897	Dương Thị Hồng	Nga		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	72001382	Nguyễn Khả	Ngọc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	12000058	Tô Phạm Mỹ	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	02000915	Nguyễn Thị Kiều	Oanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	02000406	Nguyễn Thị Như	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41800557	Huỳnh Anh	Quốc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	B2000400	Bùi Hữu	Sỹ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6791

Trang: 2/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:26

Lần:1

Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1 (D02031 - 0 TC)

Nhóm thi: Nhóm 154 - Tổ 003 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	E2000448	Nguyễn Văn Thành			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	02000934	Nguyễn Ngọc Toàn			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	02000940	Nông Thị Tuyết			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	31900623	Huỳnh Thị Ngọc Ứng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	02000942	Phạm Ngọc Tú			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	H2000514	Trần Kim Xuân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6613

Trang: 1/2

Phòng thi: B201

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:37

Lần:1

Môn học: Nhập môn khu vực học (303003 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0003	Trần Lâm Linh	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0270	Trần Nguyễn Thị Hồng	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0273	Nguyễn Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0276	Bùi Thị Ngọc	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0138	Nguyễn Ngọc Hải	Đặng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0028	Huỳnh Thục	Hà		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0151	Lê Quốc	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320H0030	Trịnh Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0286	Phan Tăng Phương	Hiển		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0290	Vương Minh	Huệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0043	Vương Thị Kim	Khanh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0173	Hoàng Thị Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0302	Lưu Gia	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0057	Đặng Thanh Trúc	My		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0060	Đinh Gia	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0067	Trần Võ Hạnh	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0069	Đỗ Hoàng Thanh	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	320H0322	Nguyễn Cao Bảo	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0326	Nguyễn Hữu	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0216	Phạm Thùy Diễm	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: .....  Chữ ký:	Họ tên: .....  Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6613

Trang: 2/2

Phòng thi: B201

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:37

Lần:1

Môn học: Nhập môn khu vực học (303003 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0218	Võ Ngọc Yên	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	320H0332	Vũ Đặng Xuân	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	320H0079	Đỗ Thị Ngọc	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	320H0340	Lê Thanh	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	320H0224	Ngô Bùi Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	320H0226	Trần Đỗ Phương	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	320H0347	Trương Thị Ngọc	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	320H0348	Trần Nguyễn Thị Hoàng	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	320H0094	Nguyễn Ngọc	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	320H0356	Nguyễn Thanh Thủy	Tiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	320H0361	Huỳnh Thị Tú	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	320H0255	Võ Thị Đoan	Trang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	320H0367	Bùi Lê Ngọc	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	320H0106	Trần Lương Vân	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	320H0110	Nguyễn Hồ Cẩm	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	320H0377	Phan Thị Ánh	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
37	320H0383	Nguyễn Ngọc Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....		.....	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6648

Trang: 1/1

Phòng thi: B202

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:20

Lần:1

Môn học: Môi trường trong xây dựng (801063 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	820H0055	Huỳnh Việt	Bắc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	820H0002	Dương Gia	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	820H0004	Nguyễn Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	820H0007	Nguyễn Nhựt	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	820H0045	Nguyễn Lê	Hòa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	820H0058	Nguyễn Quốc	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	820H0046	Phan	Hữu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	820H0047	Nguyễn Đạt	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	820H0014	Nguyễn Đỗ Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	820H0020	Nguyễn Châu Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	820H0021	Lương Thị Mỹ	Lệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	82000488	Nguyễn Phước	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	820H0023	Đoàn Thanh	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	81701140	Hứa Gia	Phú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	82000518	Bùi Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	820H0052	Nguyễn Đoàn Xuân	Tân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	817H0055	Vũ Tiến	Thành		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81600069	Đỗ Đăng	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	820H0054	Hoàng Lê Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	820H0039	Nguyễn Lâm	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6615

Trang: 1/2

Phòng thi: B203

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:36

Lần:1

Môn học: Nhập môn khu vực học (303003 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0132	Phạm Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0012	Phan Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0015	Trần Bội	Bội		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0144	Phạm Thị Kim	Dung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0152	Nguyễn Thanh	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0155	Lê Đỗ Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0039	Phạm Vũ	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320H0160	Nguyễn Ngọc Lan	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0292	Lê Thị Mỹ	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0295	Dương Lâm	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0164	Nguyễn Thụy Nguyên	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0299	Mai Tuấn	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0170	Nguyễn Hồng	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0300	Vũ Hương	Lan		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0179	Trần Thị Diệu	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0181	Phạm Hà Ngọc	Lợi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0182	Nguyễn Thị Khánh	Ly		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	320H0304	Nguyễn Khắc Hoàng	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0183	Nguyễn Viết Đức	Mạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0308	Trần Thị Ánh	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ .....		Họ tên: 1/ .....		Họ tên: .....	Họ tên: .....
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:	Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6615

Trang: 2/2

Phòng thi: B203

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:36

Lần:1

Môn học: Nhập môn khu vực học (303003 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0056	Võ Thanh Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	320H0315	Nguyễn Võ Trọng Nghĩa			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	320H0196	Nguyễn Hồng Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	320H0317	Nguyễn Lê Hoàng Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	320H0320	Nguyễn Thị Thiên Tuệ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	320H0330	Nguyễn Thị Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	320H0076	Trịnh Ngọc Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	320H0333	Lạc Liên Quân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	320H0081	Trần Ngọc Bảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	320H0344	Văn Ngọc Đan			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	320H0221	Bùi Thị Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	320H0087	Nguyễn Thị Phương Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	320H0101	Phan Thị Thủy Tiên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	320H0371	Tô Trần Thanh Trúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	320H0116	Nguyễn Thị Bảo Uyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	320H0380	Trần Nguyễn Cát Vy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6616

Trang: 1/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:34

Lần:1

Môn học: Nhập môn khu vực học (303003 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	B18H0005	Trịnh Phương	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0275	Nguyễn Vũ	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0146	Đinh Thị Thuỳ	Dương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0287	Lê Thị Ngọc	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0158	Huỳnh Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0305	Nguyễn Phương	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0313	Quách Phương	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320H0318	Lâm Ngọc Phương	Nhã		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0202	Trần Hoàng Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0324	Huỳnh Tân	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0072	Huỳnh Thành	Phát		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0327	Đỗ Ngọc Kim	Phụng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	019H0165	Lê Thị Yến	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0084	Đào Ngọc	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0223	Lê Nguyễn Ngân	Thảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	31600075	Vũ Đức	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0233	Lê Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	320H0351	Phạm Ngọc Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0352	Nguyễn Thị Hồng	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0098	Nguyễn Lê Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6616

Trang: 2/2

Phòng thi: B204

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:34

Lần:1

Môn học: Nhập môn khu vực học (303003 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0241	Nguyễn Trung	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	320H0358	Phan Thành	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	320H0245	Lê Hoàng	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	320H0249	Lê Thị Bích	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	320H0368	Tôn Lê Phương	Trinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	320H0372	Phan Ngọc	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	320H0374	Trần An	Tường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	320H0260	Trương Thảo	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	320H0119	Hoàng Thị Trường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	320H0262	Nguyễn Tường	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	317H0190	Nguyễn Nhật Hòa	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	320H0124	Trần Bảo	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	320H0264	Trần Ngọc Khánh	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	320H0266	Tống Thị Như	Ý		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	.....	Họ tên:	.....
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6617

Trang: 1/2

Phòng thi: B205

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:33

Lần:1

Môn học: Nhập môn khu vực học (303003 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0127	Nguyễn Thúy	Ái		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0268	Lê Nguyễn Bình	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0269	Nguyễn Thị Thúy	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	519H0150	Cao Thành	Đạt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0024	Nguyễn Bảo	Duy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0281	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0283	Trương Lý Hữu	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320H0284	Lê Thanh	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0157	Nguyễn Thị Thanh	Hoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0291	Trần Nguyên Gia	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0294	Tạ Nguyễn Thụy	Kha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0301	Huỳnh Thị Kim	Liên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0303	Huỳnh Hoàng	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0306	Hồ Nhựt	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0311	Ngô Thanh	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0314	Lê Hoàng Phương	Nghi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0064	Đoàn Nguyễn Khôi	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	320H0068	Lê Thị Huỳnh	Nha		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0071	Trần Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0203	Văn Đào Phương	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6617

Trang: 2/2

Phòng thi: B205

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:33

Lần:1

Môn học: Nhập môn khu vực học (303003 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 05 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0323	Trần Kiều Oanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	320H0328	Khưu Kim Phụng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	320H0338	Trần Phạm Diễm Quỳnh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	320H0341	Trương Hồng Thắm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	320H0342	Lương Thị Ngọc Thắm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	320H0345	Vũ Hoàng Thiên Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	320H0346	Nguyễn Phan Thu Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	320H0091	Phạm Ngọc Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	320H0097	Trần Anh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	320H0365	Trần Ngọc Mỹ			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	320H0253	Phạm Thị Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	320H0370	Nguyễn Thụy Thanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	320H0373	Nguyễn Ngọc Tùng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....		.....	
2/ .....	.....	2/ .....	.....	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6660

Trang: 1/1

Phòng thi: B206-A

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:18

Lần:1

Môn học: Môi trường trong xây dựng (801063 - 3 TC)

Nhóm thi: Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	820K0013	Lê Đàm	Khánh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	820H0059	Mai Quang	Khiêm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	820H0060	Đặng Thanh	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	820H0061	Hoàng Phạm Thế	Lộc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	820K0031	Hồ Thanh	Luân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	820H0062	Nguyễn Phạm Hoàng	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	820H0063	Phạm Công	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	820H0064	Lê Trọng	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	820H0065	Tạ Thanh	Nhân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	820H0066	Phan Minh	Nhựt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	820H0080	Phạm Đình Nguyên	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	820H0067	Lê Minh	Quân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	C1700076	Nguyễn Phùng	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	820H0081	Trần Minh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	820H0083	Hồ Thành	Tiến		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	820H0071	Nguyễn Đức	Tính		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	820H0072	Võ Mạnh	Trung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	820H0073	Nguyễn Ngọc	Tú		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6620

Trang: 1/2

Phòng thi: B208

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:25

Lần:1

Môn học: Hóa sinh (603105 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	620H0021	Hà Minh Đạt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	620H0265	Nguyễn Phạm Mỹ Dung			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	620H0266	Lê Thái Mỹ Duyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	620H0291	Lê Hữu Khánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	620H0272	Ngô Thị Thắng Lợi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	620H0273	Lương Thị Quỳnh Mai			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	618H0037	Nguyễn Lâm Khải Minh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	620H0082	Nguyễn Thị Trà My			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	620H0296	Mai Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	620H0084	Nguyễn Ngọc Kim Ngân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	620H0274	Vũ Đoàn Bảo Ngọc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	620H0275	Trần Mộc Đăng Nguyên			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	620H0103	Vũ Thị Kiều Oanh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	620H0278	Lê Nguyễn Mai Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	618H0060	Phạm Thị Hồng Thắm			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	620H0130	Trần Phạm Thanh Thảo			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	620H0280	Nguyễn Phạm Minh Thư			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	620H0141	Đoàn Lê Ngọc Thanh Thúy			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	620H0249	Phạm Thu Trang			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	620H0250	Huỳnh Đức Trí			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Cán bộ chấm thi Họ tên: 1/ 2/	Chữ ký:	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra) Họ tên: ..... Chữ ký:	Trường Khoa/ Trung tâm Họ tên: ..... Chữ ký:
---------------------------------------	---------	--	---------	---	---

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
**x Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021**

Mã: 6620

Trang: 2/2

Phòng thi: B208

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:25

Lần:1

Môn học: Hóa sinh (603105 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	620H0284	Nguyễn Thị Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	620H0169	Trần Phạm Thanh	Tuyễn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	620H0173	Phạm Khương Nhật	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	620H0254	Lưu Kỳ	Vân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	620H0286	Đinh Thị Thảo	Vi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6621

Trang: 1/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Hóa sinh (603105 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	620H0263	Hoàng Thị Kim	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	620H0194	Phạm Nhật	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	620H0024	Lê Công	Đức		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	620H0043	Nguyễn Minh	Hạnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	620H0268	Trần Anh	Hào		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	620H0207	Bùi Phan Huy	Hoàng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	620H0270	Trần Thị Thu	Hồng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	620H0051	Âu Dương Vịnh	Huy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	620H0292	Trịnh Nguyễn Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	620H0294	Giảng Thiên	Kim		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	620H0271	Tăng Quốc	Kỳ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	617H0078	Đinh Thế	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	620H0234	Phạm Quý	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	620H0134	Vương Tinh	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	620H0139	Trần Thị Anh	Thư		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	620H0299	Nguyễn Trương Thanh	Thuận		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	620H0140	Bùi Hoài	Thương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	620H0167	Lê Ngọc	Tuyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	620H0170	Lê Thị Minh	Tuyết		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	620H0259	Tiền Thành Trúc	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6621

Trang: 2/2

Phòng thi: B210

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:21

Lần:1

Môn học: Hóa sinh (603105 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	620H0260	Võ Huỳnh Khánh Vy			•	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input type="radio"/> 9 <input type="radio"/> 10	<input type="radio"/> 0 <input type="radio"/> 1 <input type="radio"/> 2 <input type="radio"/> 3 <input type="radio"/> 4 <input type="radio"/> 5 <input type="radio"/> 6 <input type="radio"/> 7 <input type="radio"/> 8 <input checked="" type="radio"/> 9	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)	Trường Khoa/ Trung tâm
Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: 1/ ..... 2/ .....	Họ tên: ..... Chữ ký:	Họ tên: ..... Chữ ký:

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6614

Trang: 1/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:36

Lần:1

Môn học: Nhập môn khu vực học (303003 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	320H0002	Lê Trần Thuận	An		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	320H0004	Cao Gia	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	320H0271	Huỳnh Hà Quỳnh	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	320H0006	Huỳnh Mỹ	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	320H0129	Lê Thúy	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	320H0131	Nguyễn Lê Lam	Anh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	320H0137	Nguyễn Thu Minh	Đài		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	320H0145	Phan Minh	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	320H0280	Lỗ Hồng	Hải		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	320H0034	Lê Hồng	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	320H0035	Lương Phan Nhật	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	320H0161	Nguyễn Thị Thu	Hương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	320H0163	Võ Thị Giáng	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	320H0166	Hà Anh	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	320H0169	Huỳnh Như	Kiều		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	320H0174	Lại Đào Mỹ	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	320H0175	Lý Hoài	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	320H0049	Nguyễn Ngọc Yến	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	320H0184	Lâm Nhật	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	320H0307	Phan Trần Hữu	Minh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ .....		1/ .....		.....		.....	
2/ .....		2/ .....		Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ**  
Học kỳ 2 / Năm học 2020 - 2021

Mã: 6614

Trang: 2/2

Phòng thi: B301

Ngày thi: 08/04/2021

Giờ thi: 16:10

SL:36

Lần:1

Môn học: Nhập môn khu vực học (303003 - 2 TC)

Nhóm thi: Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 7

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	320H0188	Bùi Văn Hoài	Nam		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	320H0312	Nguyễn Hoàng Phương	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	320H0062	Nguyễn Trần Hạ	Nghy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	320H0321	Chung Ngọc Quỳnh	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	320H0207	Trần Thị Tố	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	320H0073	Ngô Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	320H0334	Nguyễn Thị Như	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	320H0083	Lê Nhất	Sinh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	320H0220	Trần Ngọc	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	320H0227	Lý Xuân	Thi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
31	320H0229	Đường Thị Cẩm	Thu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
32	320H0359	Phan Trung	Tín		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
33	320H0244	Dương Chí	Toàn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
34	320H0366	Trần Thị Thảo	Trân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
35	320H0378	Lê Nguyễn Trúc	Uyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
36	320H0121	Ngô Triệu	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trường Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:
1/ .....	.....	1/ .....	.....	.....	.....	.....	.....
2/ .....	.....	2/ .....	.....	.....	.....	.....	.....